

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ ANH

**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VỀ VĂN HÓA VỚI VIỆC BẢO TỒN
VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA
DÂN TỘC RAGLAI Ở TỈNH KHÁNH HÒA**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

**2015 | PDF | 136 Pages
buihuhanh@gmail.com**

Đà Nẵng- Năm 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ ANH

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VỀ VĂN HÓA VỚI VIỆC BẢO TỒN
VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA
DÂN TỘC RAGLAI Ở TỈNH KHÁNH HÒA

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 60.22.80

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Người hướng dẫn khoa học: TS. TRẦN NGỌC ÁNH

Đà Nẵng – Năm 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ

Nguyễn Thị Anh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Bộ cục đề tài.....	3
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu.....	3
CHƯƠNG 1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA	9
1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA.....	9
1.1.1. Giá trị tư tưởng văn hóa truyền thống Việt Nam.....	9
1.1.2. Giá trị tinh hoa văn hóa nhân loại.....	12
1.1.3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa	16
1.1.4. Phẩm chất cá nhân Hồ Chí Minh	19
1.2. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA.....	21
1.2.1. Quan niệm về vị trí, vai trò, tính chất và chức năng của văn hóa. 21	
1.2.2. Văn hóa là một mặt trận cách mạng, nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng	31
1.2.3. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân	33
1.3. GIÁ TRỊ VĂN HÓA VÀ VẤN ĐỀ BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA.....	34
1.3.1. Khái niệm văn hóa	34
1.3.2. Khái niệm giá trị và giá trị văn hóa	39

1.3.3. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong quá trình phát triển hiện nay	42
TIÊU KẾT CHƯƠNG 1	45
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC RAGLAI Ở TỈNH KHÁNH HÒA	46
2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - XÃ HỘI CỦA DÂN TỘC RAGLAI ...	46
2.1.1. Đặc điểm địa lí	46
2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội	47
2.2. NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC RAGLAI Ở TỈNH KHÁNH HÒA	48
2.2.1. Những giá trị văn hóa vật thể	48
2.2.2. Những giá trị văn hóa phi vật thể	58
2.3. THỰC TRẠNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC RAGLAI Ở TỈNH KHÁNH HÒA HIỆN NAY	79
2.3.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến đời sống văn hóa của đồng bào dân tộc Raglai hiện nay	79
2.3.2. Thành tựu và hạn chế	81
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2	87
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA NHẪM BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC RAGLAI Ở TỈNH KHÁNH HÒA	88
3.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA CÁC GIẢI PHÁP	88
3.1.1. Cơ sở lý luận	88
3.1.2. Cơ sở thực tiễn	95

3.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC RAGLAI Ở TỈNH KHÁNH HÒA	96
3.2.1. Phương hướng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa.....	96
3.2.2. Giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa	99
3.2.3. Kiến nghị.....	112
TIÊU KẾT CHƯƠNG 3	114
KẾT LUẬN.....	115
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (BẢN SAO)	
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cuộc đời hoạt động cách mạng của chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho Đảng ta, dân tộc ta những di sản quý báu trên nhiều lĩnh vực. Trong toàn bộ di sản tư tưởng, lý luận của Người, Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc và nhân loại một tâm vóc, trí tuệ, bản lĩnh và minh triết về văn hóa. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá là một hệ thống các quan điểm lý luận mang tính khoa học và cách mạng về bản chất, vai trò của văn hoá; xây dựng một nền văn hoá mới Việt Nam. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng đề ra chủ trương kế thừa truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc phải đi đôi với việc học tập và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá là sự chất lọc, tổng hợp và kết tinh những giá trị văn hoá phương Đông và phương Tây, truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế, trong đó cốt lõi là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với tinh hoa và bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam. Những quan điểm của Người về văn hoá là kim chỉ nam để Đảng ta hoạch định chính sách, sách lược phát triển văn hoá qua các giai đoạn xây dựng đất nước.

Đất nước ta đang trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với xu thế hội nhập và quốc tế hóa ngày càng cao. Bên cạnh những thay đổi, chuyển biến về mặt kinh tế nói chung, xã hội đã đặt ra cho lĩnh vực văn hóa nhiều vấn đề mới. Đặc biệt là những vấn đề nảy sinh do sự thay đổi của cơ cấu kinh tế, kết cấu xã hội và sự biến đổi của cơ chế quản lý. Bên cạnh đó còn có những vấn đề văn hóa nảy sinh từ quá trình đô thị hóa gắn liền với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mặt khác, trình độ dân trí được nâng cao cũng làm cho nhu cầu hưởng thụ văn hóa gia tăng về quy mô và chất lượng. Sự chuyển tiếp thế hệ còn đặt ra vấn đề bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống sao cho đảm bảo được sự phát triển bền vững của đất nước.

Trong cộng đồng 54 dân tộc anh em ở nước ta, dân tộc Raglai chiếm khoảng 0,13%. Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, người Raglai chiếm 3,4% dân số, là tộc người có số dân đông đứng thứ hai sau người Kinh. Cũng như các tộc người khác, dân tộc Raglai có truyền thống văn hóa mang tính đặc thù mà các tộc người anh em khác không có, chứa đựng những giá trị nhân văn sâu sắc. Tuy nhiên, những giá trị truyền thống của dân tộc này có nguy cơ mai một do chịu sự tác động bởi những mặt trái của nền kinh tế thị trường. Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc Raglai là nhiệm vụ cấp thiết nhằm góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay.

Trên cơ sở lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và được chi đạo bởi đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam, việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc Raglai đang là một trong những vấn đề thu hút sự quan tâm của tổ chức Đảng, chính quyền và nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Với nhận thức trên, tôi chọn *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa”* làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục tiêu của đề tài

Trên cơ sở nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, luận văn làm rõ thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Để đạt được mục tiêu trên, đề tài phải giải quyết các nhiệm vụ sau:

Một là, phân tích những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá.

Hai là, trình bày thực trạng văn hoá dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa.

Ba là, đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm bảo tồn và phát huy giá trị

văn hoá dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Một là, những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá.

Hai là, đối tượng khảo sát: Dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Trong phạm vi luận văn này, tác giả tập trung nghiên cứu một số nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá để vận dụng vào việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận của nghiên cứu đề tài là các nguyên tắc cơ bản của phép biện chứng duy vật: Nguyên tắc khách quan, toàn diện, nguyên tắc phát triển, nguyên tắc lịch sử cụ thể, sự kết hợp giữa cái phổ biến và cái đặc thù...

Các phương pháp được sử dụng trong luận văn là: Phân tích, so sánh, tổng hợp, điều tra xã hội học... để trình bày nội dung.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có 3 chương (8 tiết).

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Có nhiều tác phẩm, công trình, bài viết nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá và việc vận dụng tư tưởng của Người vào việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc. Có thể chia thành các nhóm như sau:

Nghiên cứu về tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh có thể kể đến những công trình tiêu biểu sau đây:

Trước hết phải kể đến tác phẩm “*Tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh*” của GS. Đỗ Huy, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, năm 1997. Trong công trình này, tác giả đã nghiên cứu những định hướng cơ bản của Hồ Chí Minh về nền

văn hóa mới và đi sâu phân tích văn hóa chính trị, văn hóa đạo đức, tư tưởng văn hóa pháp luật, tư tưởng văn hóa – nghệ thuật Hồ Chí Minh.

Một công trình khác cũng do GS. Đỗ Huy (chủ biên) “*Cơ sở triết học của văn hóa nghệ thuật Việt Nam*”, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, năm 2002. Trong tác phẩm này, các tác giả đề cập đến những khía cạnh phương pháp luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh liên quan mật thiết đến nền tảng tư tưởng và tư duy triết học của sự phát triển văn hóa nghệ thuật nói chung, sự phát triển của các mô thức văn hóa nghệ thuật Việt Nam nói riêng.

“*Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa*”, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, năm 2004, bao gồm những bài viết của lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta, của các nhà khoa học, đã tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa ở nhiều góc độ khác nhau.

GS.TS. Đặng Xuân Kỳ (chủ biên) “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa và con người*”, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, năm 2005 đã làm nổi bật tầm nhìn xa trông rộng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa và con người Việt Nam. Trên cơ sở những tư tưởng chỉ đạo đó, các tác giả đề xuất những kiến nghị về xây dựng, phát triển văn hóa và con người trong thời kì công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Tác phẩm “*Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*” của PGS.TS. Thành Duy, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2004, tiếp cận nền văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả đã phác họa quá trình hình thành, phát triển, những đặc trưng, tính sáng tạo của nền văn hóa Việt Nam đồng thời tác giả luận giải rõ xu hướng phát triển của nền văn hóa Việt Nam trong thế kỉ XXI.

GS.TS. Hồ Sĩ Vịnh “*Triết học văn hóa trong đạo đức Hồ Chí Minh*”, Nxb. Dân trí, Hà Nội, năm 2014 là công trình nghiên cứu các bài nói, bài viết,

thơ, văn, chính luận, tiểu luận của Hồ Chí Minh. Đó là những bài học về văn hóa, về phương pháp lí luận, phê bình văn học nghệ thuật giúp người đọc hiểu được sứ mệnh, mục đích, ý nghĩa của văn hóa, của từng hình thái và hiện tượng văn hóa.

Nghiên cứu về quan điểm chỉ đạo của Đảng trong vấn đề văn hoá hay những nghiên cứu đề cập đến những vấn đề mới, bức thiết của văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế có những công trình sau:

Nguyễn Khoa Điềm *“Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc”*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2001. Tác giả đã tiếp cận những yếu tố cấu thành nền văn hóa, những tiền đề lí luận và thực tiễn hoạt động văn hóa do Đảng ta lãnh đạo để nêu những nét chính về tính tiên tiến của nền văn hóa mà nhân dân ta đang xây dựng, về bản sắc văn hóa dân tộc, qua đó đề xuất một số biện pháp cơ bản và kiến nghị để xây dựng, phát triển văn hóa.

GS.TS. Đinh Xuân Dũng (chủ biên) *“Văn hóa trong chiến lược phát triển của Việt Nam”*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2013, đã nghiên cứu văn hóa với tư cách là hệ giá trị; mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa với chính trị, kinh tế, xã hội. Mặt khác, tác phẩm còn nêu lên những thành tựu và những hạn chế, yếu kém trong quá trình thực hiện chính sách văn hóa của Đảng và nhà nước ta, từ đó khẳng định văn hóa giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển của Việt Nam. Đồng thời, cuốn sách cũng dự báo xu hướng vận động, phát triển của văn hóa, đề xuất việc bổ sung và hoàn thiện những quan điểm chỉ đạo của Đảng về văn hóa, các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và một số giải pháp chủ yếu trong việc xây dựng, phát triển văn hóa Việt nam trong giai đoạn hiện nay.

GS.TS. Nguyễn Trọng Chuẩn và PGS.TS. Nguyễn Văn Huyền trong tác phẩm *“Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa”*, Nxb.

Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2002, đã phân tích về thực chất của toàn cầu hoá nhìn từ góc độ triết học, giá trị học, quan hệ của toàn cầu hoá với việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, những giải pháp và dự báo về vị trí, vai trò, khả năng của giá trị truyền thống trong sự phát triển nền văn hoá nước ta hiện nay.

Tác phẩm *“Những thách thức của văn hóa Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế”* của PGS.TS. Phạm Duy Đức (chủ biên), Nxb. Văn hóa – Thông tin và Viện văn hóa, Hà Nội, năm 2006, đã giải đáp những vấn đề vừa cấp bách, vừa cơ bản trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền văn hóa Việt nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc hiện nay.

Tác giả Nguyễn Huy Hoàng trong cuốn *“Mấy vấn đề triết học văn hóa”*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, năm 2002, đã xem xét văn hóa trong sự phát triển của tri thức triết học từ góc độ lịch sử đến góc độ phương pháp luận để trên cơ sở đó suy ngẫm về một số vấn đề cấp bách đối với thực tiễn cuộc sống và văn hóa hôm nay.

Những công trình nghiên cứu về dân tộc Raglai nói chung, văn hóa Raglai ở Khánh Hòa nói riêng, gồm có:

Nguyễn Tuấn Triết *“Người Raglai ở Việt Nam”*, Nxb. Khoa học xã hội, năm 1991. Tác giả đã nhận định tộc người Raglai là độc lập, chứ không phải tách ra từ bộ phận của người Chăm; đồng thời phác họa những yếu tố văn hóa chung nhất của tộc người Raglai.

TS. Phạm Quốc Anh trong tác phẩm *“Văn hóa Raglai những gì còn lại”*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, năm 2007. Công trình đã đánh giá thực trạng văn hóa truyền thống của dân tộc Raglai và đề xuất những chính sách, định hướng, kế hoạch nghiên cứu, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của tộc người này.

Báo cáo tổng kết đề tài “*Sưu tầm, bảo tồn nghiên cứu phục hồi và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Raglai trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa*” của Sở văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Khánh Hòa năm 2010 đã nghiên cứu một cách tổng thể, logic các giá trị văn hóa của người Raglai ở Khánh Hòa, từ đó đề ra một số giải pháp giữ gìn và phát huy.

Nguyễn Hữu Bài, Trần Kiêm Hoàng, Lê Văn Hoa, Trần Vũ, Chamaliaq Riya Tiêng “*Văn hóa dân gian Raglai ở Khánh Hòa*”, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014. Công trình đã tiếp cận nghiên cứu văn hóa dân gian Raglai từ góc độ văn hóa học. Đó là sự nhận thức văn hóa dân gian Raglai trên ba bình diện văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức và văn hóa ứng xử, sau khi đã định vị đối tượng nghiên cứu trong hệ tọa độ chủ thể, không gian và thời gian văn hóa. Văn hóa dân gian Raglai là kết quả của một quá trình lịch sử mà trong đó, tộc người Raglai đã ứng xử, thích nghi với môi trường tự nhiên và xã hội, và cũng là kho tàng tri thức quý giá của người Raglai ở Khánh Hòa và các địa phương lân cận, là sự giao lưu văn hóa giữa người Raglai với các tộc người anh em cộng cư trong khu vực và trên đất nước Việt Nam.

“*Luật tục Raglai*” của Nguyễn Thế Sang, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, năm 2005, giới thiệu về văn hóa xã hội và luật tục Raglai, những nhận biết cơ bản về luật tục, luật tục với việc phát triển xã hội hiện nay; những quy ước chung, mối quan hệ gia đình, tục cưới, quan hệ xã hội... của người Raglai.

Ngoài ra còn phải kể đến những công trình sau: Trung tâm nghiên cứu Việt Nam - Đông Nam Á “*Những vấn đề văn hóa và ngôn ngữ Raglai*”, Nxb. Đại học quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2003; Hải Liên “*Trang phục cổ truyền Raglai*”, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, năm 2001; Nguyễn Thế Sang “*Akhàt Jucar Raglai*”, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, năm 2001.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên đây đã đề cập đến các vấn đề: Các quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hoá và các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng ta về việc xây dựng, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; đánh giá thực trạng đời sống văn hoá của dân tộc Raglai ở những góc độ khác nhau. Các công trình nêu trên, với nhiều đóng góp có giá trị quý báu về lí luận và thực tiễn là cơ sở, tiền đề, là nguồn tư liệu quý giá để chúng tôi kế thừa, tiếp thu trong quá trình thực hiện đề tài này.

Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào xuất bản và công bố trùng với hướng tiếp cận và nội dung đề tài “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá với việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa*”. Điểm mới của đề tài ở chỗ, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa vào việc tiếp cận giá trị văn hóa dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa và nêu giải pháp bảo tồn và phát huy những giá trị đó trong giai đoạn hiện nay.

CHƯƠNG 1

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1.1.1. Giá trị tư tưởng văn hóa truyền thống Việt Nam

Dân tộc Việt Nam trải qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước đã tạo lập cho mình một nền văn hóa riêng, phong phú và bền vững với những giá trị truyền thống tốt đẹp và cao quý.

Trước hết, đó là chủ nghĩa yêu nước và ý chí bất khuất đấu tranh để dựng nước và giữ nước. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam là nấc thang cao nhất của văn hoá Việt Nam. Nó là cơ sở xuất phát, là động lực, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đã có quá trình lịch sử hàng ngàn năm với nội dung phong phú và sâu sắc như: Yêu nước gắn liền với yêu quê hương, yêu con người Việt Nam, yêu truyền thống văn hóa quý giá.

Hồ Chí Minh đã làm phong phú nội dung của chủ nghĩa yêu nước. Đó là yêu nước dựa trên quan điểm giai cấp công nhân, yêu nước mở rộng ra thành tình yêu vô cùng rộng lớn đối với nhân dân lao động, những người cùng khổ, đối với giai cấp công nhân các nước trên thế giới. Trên cơ sở tư tưởng của giai cấp công nhân, Người đã nêu ra nội dung mới: Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì chỉ có chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mới ngày một ấm no thêm, Tổ quốc ngày một giàu mạnh.

Trong các giá trị truyền thống Việt Nam, *tinh thần nhân nghĩa, truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái là những nét hết sức đặc sắc.* Truyền thống này hình thành một lúc với sự hình thành dân tộc, từ hoàn cảnh và nhu cầu đấu tranh quyết liệt với thiên nhiên và giặc ngoại xâm. Người Việt Nam gắn bó với nhau trong tình làng, nghĩa xóm. Hồ Chí Minh đã kế thừa, phát

huy sức mạnh bốn chữ “đồng” (đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh). Người thường nhấn mạnh, nhân dân ta đã từ lâu sống với nhau có tình có nghĩa. Tình nghĩa ấy được Người nâng lên cao đẹp hơn, trở thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà. Tư tưởng đại nhân, đại nghĩa ở Hồ Chí Minh là phấn đấu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của con người, là cứu nước, độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, tạo mọi điều kiện cho con người phát triển.

Trong những giá trị truyền thống cao đẹp của dân tộc, Hồ Chí Minh đã *kế thừa tinh thần cộng đồng, lối sống thành thực, thân ái, những thuần phong mỹ tục*, trở thành những yếu tố đậm nét trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngay từ năm 1947, trong khi cuộc chiến chống thực dân Pháp đang diễn ra quyết liệt, người đã nói đến đời sống mới của một người, một nhà, một làng và khắp cả nước. Xoay quanh hạt nhân của đời sống mới là cần, kiệm, liêm, chính. Hồ Chí Minh đã nói đến thuần phong mỹ tục, không có cờ bạc, hút xách, bợm bãi, trộm cắp. Người nhắc đến tục ngữ “lá lành đùm lá rách”, “đói cho sạch rách cho thơm”. Và, nếu một mình no ấm mà nở đê đồng bào xung quanh đói rét thì dù giàu cũng không hưởng được. Nhiều lần, Người nhấn mạnh đến việc xây dựng và phát triển thuần phong mỹ tục, tức là phát triển một trong những giá trị truyền thống. Mặt khác, khi trân trọng giữ gìn thuần phong mỹ tục, Hồ Chí Minh luôn gắn với việc phê phán, bài trừ đồi phong, bại tục. Người đã nói đến việc “khôi phục vốn cũ” với một tinh thần trân trọng các giá trị của người xưa để lại song, Người yêu cầu xóa bỏ cái xấu, sửa đổi các phiền phức.

Hiếu học, cần cù, sáng tạo là đặc trưng nổi bật trong truyền thống văn hóa Việt Nam. Nhờ vị trí cửa ngõ giao lưu văn hóa Đông – Tây, Nam – Bắc, người Việt Nam đã biết chất lọc, tiếp thu và “Việt hóa” những cái hay, cái tốt, cái đẹp của dân tộc khác để chuyển hóa thành những giá trị của riêng mình. Những

quan điểm tiến bộ của Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo, Thiên chúa giáo đều được tiếp nhận, khúc xạ qua lăng kính của người Việt Nam, phù hợp với tập quán, lối sống của người Việt Nam. Cuộc sống đời thường, những hoạt động cách mạng thực tiễn, phong cách làm việc, lối ứng xử của Hồ Chí Minh là thực tiễn sinh động và trọn vẹn của tinh hoa truyền thống đó.

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc có *truyền thống lạc quan, yêu đời*. Trong gian lao, thử thách, người Việt Nam vẫn động viên nhau vững tin ở tương lai, trước hết là tin tưởng ở bản thân mình, tin tưởng ở chân lí; dù phải gian khổ hi sinh vẫn kiên gan chịu đựng, kiên trì vượt khó. Hồ Chí Minh đã chất lọc, kế thừa một cách xuất sắc truyền thống văn hóa đó.

Nói đến tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc không thể không đề cập tới *truyền thống gia đình, quê hương* – nơi mỗi người sinh ra, lớn lên đã chịu sự chi phối, tác động. Gia đình của Hồ Chí Minh là một gia đình mẫu mực trong gia đình Việt Nam truyền thống, một gia đình hòa thuận, hiếu học, giàu nghị lực; mọi thành viên trong gia đình đều giàu lòng thương người, sống liêm khiết. Bên cạnh đó, vùng quê hương Kiêm Liên, Nam Đàn xứ Nghệ nơi sinh ra Hồ Chí Minh là nơi địa linh nhân kiệt cũng chẳng quá lời. Thừa trước, La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp gọi Nam Đàn nói riêng và Nghệ An – Hà Tĩnh nói chung là “Trung lai danh thắng địa”; còn cụ Phan Sào Nam coi đây là vùng đất “cổ lai đa hào kiệt”. Lịch sử dân tộc đã ghi tên những danh nhân văn hóa, những anh hùng như: Nguyễn Du, Nguyễn Thiếp, Nguyễn Huy Tụ, Nguyễn Công Trứ, Trần Tấn, Đặng Như Mai, Đặng Thái Thân, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Trần Phú, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai... Chí khí của người Nghệ Tĩnh đã góp phần tạo nghị lực, chí khí cho người dân nhiều đời sau, trong đó có Hồ Chí Minh. Có thể nói dòng nước và dải phù sa sông Lam, sông La, núi non Nghệ Tĩnh đậm nét văn hóa truyền thống dân tộc đã cùng Hồ Chí Minh đi suốt cuộc đời.

Tư tưởng Hồ Chí Minh có cội nguồn từ những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Người là kết tinh của truyền thống văn hóa ngàn năm của dân tộc Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy hiểu biết lẫn nhau.

1.1.2. Giá trị tinh hoa văn hóa nhân loại

a. Văn hóa phương Đông

- Tư tưởng Nho giáo

Tiếp thu văn hóa phương Đông, trước hết là Nho giáo, Hồ Chí Minh đã đánh giá đúng đắn vai trò của Nho giáo và người sáng lập ra nó là Khổng Tử và đã đặc biệt khai thác những mặt tích cực của tư tưởng Nho giáo.

Hồ Chí Minh thấy được những mặt tích cực của Nho giáo và khuyên chúng ta nên học. Đó là triết lí hành động, tư tưởng nhập thế, hành động giúp đời; tư tưởng về một xã hội hòa bình, một thế giới “đại đồng”; là triết lí nhân sinh, tu thân dưỡng tính, chủ trương từ thiên tử đến thứ dân, ai cũng phải lấy tu thân làm gốc. Mặt khác, Nho giáo còn đề cao văn hóa, lễ giáo, tạo ra truyền thống hiếu học với châm ngôn “Học không biết chán, dạy không biết mỏi”. Về điểm này, Nho giáo hơn hẳn các học thuyết cổ đại, bởi vì nhiều học thuyết cổ đại chủ trương ngu dân để dễ cai trị.

Trong khi khai thác những “hạt nhân” của Nho giáo, *Hồ Chí Minh cũng hiểu rõ những mặt bất cập, hạn chế của Nho giáo.* Đó là trong Nho giáo có những yếu tố duy tâm, lạc hậu, phản động như: Tư tưởng đẳng cấp, khinh lao động chân tay, khinh phụ nữ, khinh thường thực nghiệm, doanh lợi... Khắc phục những nhược điểm đó, trong điều kiện mới xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh nêu rõ phải xây dựng nền văn hóa mới có chất lượng, nền văn hóa phải phục vụ nhân dân, kính trọng phụ nữ.

Hồ Chí Minh đã đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, của dân

tộc để tiếp cận Nho giáo, kế thừa những mặt tiến bộ, tích cực và loại bỏ những yếu tố tiêu cực, không phù hợp, bổ sung nhiều yếu tố mới tạo nên một hệ thống giá trị văn hóa mới – văn hóa cách mạng.

- Tư tưởng Phật giáo

Tư tưởng tích cực của Phật giáo để lại những dấu ấn nhất định trong tư duy, hành động, cách ứng xử của Hồ Chí Minh. Tiếp thu tư tưởng vị tha của Phật giáo, Hồ Chí Minh là hiện thân của lòng nhân ái, độ lượng, khoan dung - những nét đặc trưng của giáo lý đạo Phật.

Thứ nhất là, tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, cứu khổ cứu nạn, thương người như thể thương thân, tình yêu bao la không chỉ dành cho con người mà dành cho cả chim muông, cây cỏ.

Thứ hai là, nếp sống có đạo đức, trong sạch, giản dị, chăm lo làm điều thiện.

Thứ ba là, tinh thần bình đẳng, tinh thần dân chủ chất phác chống lại mọi phân biệt đẳng cấp.

Thứ tư là, đề cao lao động, chống lười biếng. Cuối cùng, Phật giáo vào Việt Nam, gặp chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc ta, đã hình thành nên Thiên phái Trúc lâm Việt Nam, chủ trương sống không xa rời, lẩn tránh mà gắn bó với đời sống của nhân dân, với đất nước, tham gia vào cộng đồng, vào cuộc đấu tranh của nhân dân, chống kẻ thù dân tộc.

Như thế, có thể nói, những mặt tích cực của Phật giáo Việt Nam đã đi vào đời sống tinh thần dân tộc và nhân dân lao động. Gia đình Bác Hồ là gia đình nhà nho nghèo, gần gũi với nông dân, cũng thấm nhuần tinh thần đó và để lại dấu ấn trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, còn có thể tìm thấy nhiều trích dẫn khác nữa về các nhà tư tưởng phương Đông như Lão Tử, Mặc Tử, Quán Tử...trong các bài nói, bài

viết của Hồ Chí Minh. Cũng như sau này, khi đã trở thành người mác - xít, Nguyễn Ái Quốc vẫn tìm hiểu thêm về Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn và tìm thấy trong đó những điều thích hợp với điều kiện nước ta.

Là người mác - xít tinh táo và sáng suốt, Hồ Chí Minh đã biết khai thác những yếu tố tích cực của tư tưởng và văn hóa phương Đông để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng nước ta, xây dựng nền văn hóa mới cho nước nhà.

b. Văn hóa phương Tây

Trong ba mươi năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Hồ Chí Minh có điều kiện đi nhiều, hiểu rộng, biết nhiều ngoại ngữ, đến được nhiều nước, làm nhiều nghề, tiếp xúc với nhiều vĩ nhân,... Do đó, có cơ hội tiếp xúc với nhiều nền văn hoá, gia nhập nhiều tổ chức, vào nhiều hội, đoàn như: Công đoàn lao động hải ngoại ở Anh, các Hội du lịch, Hội nghệ thuật và khoa học, Câu lạc bộ Faubourg, vào Đảng Xã hội rồi Đảng Cộng sản... để học cách tổ chức, tìm hiểu các cơ chế chính trị - xã hội,... nhằm chắt lọc lấy cái hay, cái tốt, cái thích hợp, phục vụ cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc và xây dựng nước Việt Nam độc lập trong tương lai.

Trên hành trình đến với văn hoá nhân loại, *Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng của văn hoá Pháp* trước tiên và để lại những dấu ấn sâu đậm trong tư tưởng và phong cách văn hoá của Người. Tại Pháp, Người đã tiếp thu lý tưởng nhân quyền, dân quyền và pháp quyền của các nhà Khai sáng Pháp và vận dụng nó vào cuộc đấu tranh, phê phán chế độ thực dân, đòi các quyền ấy cho các dân tộc thuộc địa. Có thể tìm thấy dấu ấn ảnh hưởng các giá trị của nền Cộng hoà Pháp trong bản Yêu sách của nhân dân An Nam, lời mở đầu bản Tuyên ngôn độc lập 1945, trong Hiến pháp đầu tiên 1946...

Đúng là Hồ Chí Minh đã sớm bị hấp dẫn bởi lý tưởng Tự do, Bình đẳng, Bác ái của Đại cách mạng Pháp và muốn đi sang Pháp để tìm hiểu xem những gì ẩn đằng sau ba từ ấy. Và Người đã nhận ra rằng nền Cộng hoà Pháp chủ

yếu được xây dựng trên quan điểm giá trị về con người cá nhân, nhất là về quyền tự do, bình đẳng của cá nhân theo tinh thần cách mạng tư sản Pháp; còn Hồ Chí Minh xuất phát từ vị trí người dân thuộc địa phương Đông, vốn đề cao tinh thần cộng đồng, luôn đặt quốc gia, dân tộc lên trên cá nhân. Với Hồ Chí Minh, Tự do trước hết vẫn là tự do của toàn dân tộc chứ chưa phải là tự do cá nhân; Bình đẳng cũng được Hồ Chí Minh nâng lên thành quyền bình đẳng giữa các dân tộc; còn Bác ái – một khái niệm quá rộng, như lòng bác ái của Chúa đòi hỏi phải “yêu cả kẻ thù của mình”, là điều khó chấp nhận đối với các dân tộc bị áp bức! Hồ Chí Minh hiểu khái niệm này theo đúng nghĩa của nó là tình hữu ái, như tinh thần “tứ hải giai huynh đệ”, nên Người thường quen gọi những người lao động, các dân tộc bị áp bức là anh em.

Tóm lại, Hồ Chí Minh nhận thức Tự do, Bình đẳng, Bác ái qua lăng kính của người dân bị áp bức châu Á chứ không theo tinh thần cách mạng tư sản Pháp, nên chỉ coi đó là những yếu tố cần chứ chưa đủ. Cái giá trị lớn nhất mà Hồ Chí Minh theo đuổi suốt đời là: Độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào, đó là tất cả những gì mà Người hiểu và Người muốn.

Ngoài ra, *Người còn hấp thụ được tư tưởng dân chủ và hình thành được phong cách dân chủ của mình từ trong cuộc sống thực tiễn*. Rõ ràng là, ở Pháp, Người đã có thể hoạt động và đấu tranh cách mạng một cách tương đối tự do, thuận lợi hơn ở trên đất nước mình, dưới chế độ thuộc địa.

Nhờ được rèn luyện trong phong trào công nhân Pháp và sự cổ vũ, đìu dắt trực tiếp của nhiều nhà cách mạng và trí thức tiến bộ Pháp như M.Casanh, P.V. Cutuyariê, G. Môngmúttxô... mà Hồ Chí Minh đã từng bước trưởng thành. Con người ấy, trên hành trình cứu nước, đã làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn trí tuệ của thời đại, Đông và Tây, vừa thấu thái, vừa gạn lọc để có thể từ tầm cao của trí thức nhân loại mà suy nghĩ và lựa chọn, kế thừa và đổi mới, vận dụng và phát triển.

Hồ Chí Minh còn kế thừa lòng nhân ái, đức hy sinh của Thiên chúa giáo. Nói đến việc kết hợp văn hóa Đông, Tây trong con người Hồ Chí Minh, không thể không đề cập đến sự kế thừa lòng nhân ái, đức hy sinh, những giá trị cơ bản của Thiên chúa giáo. Người đã cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân lao động khỏi ách áp bức, bóc lột; đã là hiện thân của lòng nhân ái và đức hy sinh cao cả. Sau này, Người luôn luôn giáo dục cán bộ, đảng viên về lòng thương người, thương dân, thương các chiến sỹ ngoài mặt trận - đó là những tư tưởng thấm đậm những giá trị cao cả mang tính nhân loại mà Thiên chúa giáo đã khởi xướng và răn dạy.

Người lên án gay gắt những kẻ “giả danh Chúa” để thực hiện những “hành vi ác quỷ”: Dẫn đường cho đội quân viễn chinh; cướp của cải, đánh đập, bắt giết người, đặc biệt là trẻ em; chiếm ruộng đất canh tác... Người coi những hành động đó là sự đi ngược lại và phản bội lòng nhân ái cao cả của Chúa, làm hoen ố tư tưởng lớn của Ngài là muốn mưu cầu phúc lợi cho xã hội. Người lên án những giáo sĩ đại diện cho chủ nghĩa tư bản phương Tây, những kẻ nhân danh Chúa để quan hệ mật thiết với thế lực thực dân, tham gia vào guồng máy của chủ nghĩa thực dân, xâm nhập về kinh tế và quân sự, áp đặt nền văn hóa thực dân, làm xuất hiện nguy cơ bá quyền văn hóa.

Như vậy, cũng như đối với những giá trị của văn hóa phương Đông, Hồ Chí Minh tiếp thu những giá trị tư tưởng văn hóa phương Tây với tinh thần độc lập tự chủ và phê phán.

1.1.3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa

- Quan điểm của C. Mác và Ăngghen

C. Mác và Ph. Ăng - ghen, trong một số tác phẩm của mình đã không trực tiếp bàn đến văn hóa như một lĩnh vực độc lập. Nhưng trong khi phân tích mối quan hệ biện chứng giữa con người và xã hội, tồn tại xã hội và ý thức xã hội, Mác đã gián tiếp thể hiện quan điểm về văn hóa. Theo đó, văn hóa

được xem là một dạng hoạt động người và những thành tố văn hóa thuộc về ý thức xã hội, bị quy định bởi tồn tại xã hội. Lao động cùng với ngôn ngữ và tư duy là cơ sở hình thành văn hóa.

Trong tác phẩm *“Luận cương về Feuerbach”*, C. Mác đã chỉ ra tính siêu hình máy móc và phiến diện của chủ nghĩa duy vật cũ trong việc xem xét mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể. Đó là mặt hoạt động của con người không được nhìn nhận đúng đắn. Ngược lại, chủ nghĩa duy tâm lại đề cập và phát triển mặt hoạt động của con người trong quan hệ với khách thể nhưng theo hình thức duy tâm, thần bí. Từ sự phê phán đó, C. Mác và Ph. Ăng ghen đã chọn cho mình điểm xuất phát để nghiên cứu xã hội là hoạt động sống của con người.

Trong tác phẩm *“Hệ tư tưởng Đức”*, hai ông còn khẳng định rằng:

Người ta phải có kỹ năng sống đã rồi mới có thể làm ra lịch sử. Nhưng muốn sống được thì trước hết phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ khác nữa. Như vậy hành vi lịch sử đầu tiên là sản xuất ra bản thân đời sống vật chất. Hơn nữa, đó là một hành vi lịch sử, một điều kiện cơ bản của mọi lịch sử mà người ta phải thực hiện hằng ngày, hằng giờ để nhằm duy trì đời sống của con người [37, tr.39 - 40].

Từ sự phân tích mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể, hoạt động và đối tượng, C. Mác đã có cách nhìn biện chứng về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, chỉ ra rằng: Con người là “một thực thể song trùng” giữa “cái tự nhiên” và “cái xã hội”. Giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người, nhưng yếu tố làm nên bản chất của con người chính là sự tồn tại người với tư cách là “thực thể xã hội”. Trong *“Luận cương về Feuerbach”*, Mác viết: “... bản chất con người không phải là cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội” [37, tr.11]. Theo đó, C. Mác xem xét đời sống xã hội như một chỉnh thể

hữu cơ bao gồm sản xuất vật chất, sản xuất tinh thần và sản xuất con người, trong đó sản xuất con người giữ vị trí trung tâm. Nếu hiểu văn hóa ở góc độ sản xuất con người thì logic phát triển văn hóa là quá trình biểu thị mức độ phát triển tự do và sáng tạo của con người trong lịch sử. Trong quá trình hoạt động, con người đã khách thể hóa lực lượng bản chất của mình vào giới tự nhiên chưa được khai phá, tạo nên “thiên nhiên thứ hai” - cái mà con người thường gọi là văn hóa. Nhờ sự đối tượng hóa và giải đối tượng hóa, các hình thức và phương thức hoạt động của con người không chỉ tồn tại ở thân thể hữu cơ mà còn ở thân thể văn hóa, thân thể vô cơ của của mình.

- Quan điểm của Lênin

V.I.Lênin đã vận dụng quan điểm biện chứng khi xem xét đời sống xã hội để áp dụng vào thực tiễn, cải tạo xã hội và phát triển văn hóa xã hội chủ nghĩa, đó là thời kỳ sản xuất ra con người tự do. Bên cạnh việc phê phán yếu tố tiêu cực của văn hóa tư sản, ông cũng nhìn nhận việc kế thừa văn hóa tư sản phương Tây là một trong những yêu cầu cấp thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong tác phẩm “*Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*”, Lênin đã xem “ý thức xã hội chính là toàn bộ văn hóa tinh thần của nhân loại như một chỉnh thể được phát triển trong lịch sử... Văn hóa tinh thần được tạo thành từ sự tác động qua lại biện chứng của vô vàn các ý thức cá nhân khác nhau” [24, tr.191]. Như vậy, quan điểm về văn hóa của Lênin bao hàm khá rộng kể cả lĩnh vực hoạt động vật chất và tinh thần của con người gắn với quá trình phát triển. Với ý nghĩa đó, văn hóa là phương tiện quan trọng nhất trong tất cả các loại hình hoạt động của con người, đồng thời là kết quả sáng tạo của tất cả các hoạt động đó.

Những quan điểm trên đây của chủ nghĩa Mác – Lênin về văn hóa đã cung cấp cho Hồ Chí Minh thế giới quan và phương pháp luận khoa học,

đúng đắn để Người xây dựng hệ thống tư tưởng của mình nói chung và tư tưởng về văn hóa nói riêng. Người khẳng định rằng, chính ánh sáng văn hoá của chủ nghĩa Mác - Lênin là một động lực quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Đến lượt mình, Hồ Chí Minh đã đem ánh sáng văn hoá của chủ nghĩa Mác - Lênin soi đường cho dân tộc ta và các dân tộc bị áp bức khác trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh là người cộng sản có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, với chủ nghĩa Mác - Lênin, Người không tiếp thu một cách giáo điều, mà lựa chọn những cái cần thiết, phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc và nhu cầu thực tiễn của đất nước. Đó là sự tiếp thu có cải biến và đổi mới.

Tóm lại, trên cơ sở kế thừa văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây, Hồ Chí Minh đã xây dựng những quan điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam và văn hóa Việt Nam. Chính vì thế, Hồ Chí Minh là sự kết hợp giữa trí tuệ cao nhất của thời đại với thực tiễn lớn nhất của dân tộc. Do đó, xây dựng một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc phải có sự tiếp nhận văn hóa phương Đông lẫn văn hóa phương Tây, đồng thời mang dấu ấn sâu sắc giai cấp và thời đại, một nền văn hóa không chỉ phục vụ riêng cho cách mạng Việt Nam mà còn góp phần tích cực nhất vào sự phát triển chung của cách mạng thế giới.

1.1.4. Phẩm chất cá nhân Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm hoạt động tinh thần của cá nhân, do Người sáng tạo trên cơ sở những nhân tố khách quan. Do đó, tư tưởng Hồ Chí Minh phụ thuộc rất lớn vào các yếu tố nhân cách, phẩm chất và năng lực tư duy của chính Người. Nhân tố chủ quan là một nhân tố quan trọng trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng của Người về văn hóa nói riêng.

Trước hết, Hồ Chí Minh có tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo, có óc phê phán tinh tường và sáng suốt trong việc nghiên cứu, tìm hiểu các cuộc cách mạng trong nước và trên thế giới, không bị đánh lừa bởi cái hào nhoáng bên ngoài; khám phá các quy luật đời sống, để khái quát thành lý luận. Nhờ vào con đường nhận thức chân lý như vậy mà lý luận Hồ Chí Minh mang giá trị khách quan, cách mạng và khoa học.

Thứ hai, Hồ Chí Minh có sự khổ công học tập, rèn luyện chiếm lĩnh vốn tri thức phong phú của nhân loại, vốn kinh nghiệm đấu tranh của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân quốc tế để tiếp cận với chủ nghĩa Mác - Lênin với tư cách là học thuyết khoa học về cách mạng của giai cấp vô sản.

Thứ ba, Hồ Chí Minh có tâm hồn của một người yêu nước vĩ đại, một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành cách mạng; một trái tim yêu thương nhân dân, thương người cùng khổ, sẵn sàng chịu đựng hy sinh vì độc lập của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Hồ Chí Minh từ một người tìm đường cứu nước đã trở thành người dẫn đường cho cả dân tộc đi theo.

Những phẩm chất cá nhân hiếm có nói trên đã quyết định việc Hồ Chí Minh tiếp nhận, chọn lọc, chuyển hóa, phát triển những tinh hoa văn hóa của dân tộc và thời đại thành tư tưởng văn hóa đặc sắc của mình.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh có nguồn gốc từ những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, kết hợp với sự chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, kế thừa có sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và đặc biệt là từ những phẩm chất cá nhân đáng quý của Hồ Chí Minh. Tất cả những yếu tố đó đã tạo nên tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng Việt Nam hiện đại.

1.2. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1.2.1. Quan niệm về vị trí, vai trò, tính chất và chức năng của văn hóa

a. Vị trí, vai trò của văn hóa

Văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng của đời sống xã hội. Hồ Chí Minh khẳng định đời sống xã hội bao gồm bốn mặt và phải xây dựng đồng thời bốn mặt đó là: Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Theo Hồ Chí Minh, bốn vấn đề đó có quan hệ mật thiết với nhau và cùng tác động lẫn nhau.

Chính trị, xã hội được giải phóng thì văn hóa mới được giải phóng. Chính trị giải phóng mở đường cho văn hóa phát triển. Khi cả đất nước và dân tộc bị nô lệ thì văn hóa cũng cùng chung số phận nô lệ, tuyệt đại bộ phận nhân dân bị đầy đọa trong vòng tối tăm, dốt nát. Vì vậy, có những nhà yêu nước chủ trương trước hết phải khai dân trí, phải nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân, sau đó mới tính đến chuyện giành độc lập tự do cho đất nước và dân tộc. Đường lối cải lương đó đã hoàn toàn bị thất bại.

Lãnh đạo nhân dân đi theo con đường cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh đã vạch ra một đường lối mới, đó là: Phải tiến hành cách mạng chính trị trước mà cụ thể ở Việt Nam là tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc để giành chính quyền, để giải phóng chính trị, giải phóng xã hội, từ đó giải phóng văn hóa, mở đường cho văn hóa phát triển.

Kinh tế thuộc về cơ sở hạ tầng, là nền tảng của việc xây dựng văn hóa, do đó phải chú trọng xây dựng kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng để có điều kiện xây dựng và phát triển văn hóa. Văn hóa là một kiến trúc thượng tầng; nhưng cơ sở hạ tầng của xã hội có kiến thiết rồi, văn hóa mới kiến thiết được và có đủ điều kiện phát triển được. Như vậy, kinh tế phải đi trước một bước. Người

viết: “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa. Vì sao không nói phát triển văn hóa và kinh tế. Tục ngữ ta có câu: có thực mới vực được đạo, vì thế kinh tế phải đi trước” [44, tr.59].

Hồ Chí Minh gắn sự phát triển kinh tế với văn hóa, vì khi tăng trưởng kinh tế thì sẽ có tác động cả hai mặt vào văn hóa, nên phải phòng ngừa những mặt tiêu cực của nó. Nếu sự tăng trưởng kinh tế mạnh đến mức thủ tiêu các giá trị văn hóa, thì văn hóa không còn tác dụng làm nền tảng cho sự phát triển kinh tế. Vì vậy, một vấn đề phương pháp luận đặt ra là sự lạc hậu về văn hóa có thể kéo theo sự lạc hậu về kinh tế, không chỉ không làm tăng trưởng kinh tế mà còn phá hoại kinh tế.

Trong tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh, văn hóa không chỉ gắn với kinh tế, vì cái này là điều kiện cho cái kia phát triển, mà hơn thế nữa cả kinh tế và văn hóa đều hướng tới sự phát triển tổng thể hơn – phát triển xã hội. Giữa kinh tế và văn hóa vừa có sự phát triển cùng chiều, vừa có sự phát triển ngược chiều. Nếu chỉ chú ý tăng trưởng kinh tế sẽ có nguy cơ phá hoại văn hóa, nghĩa là phá hoại những quan hệ cơ bản giữa con người với tự nhiên, giữa con người với con người và các thế hệ người, kể cả các nhân cách người. Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề phát triển toàn diện cả kinh tế và văn hóa, vì văn hóa sẽ hỗ trợ và phòng ngừa cho sự tăng trưởng kinh tế, trong đó có sự tăng trưởng các giá trị của con người. Quan niệm của Hồ Chí Minh giữa văn hóa và kinh tế, văn hóa và phát triển xã hội có một ý nghĩa phương pháp luận rất rộng lớn và toàn diện.

Từ nền văn minh châu Âu, Hồ Chí Minh đã rút ra được kinh nghiệm kinh tế phải gắn liền với phát triển văn hóa. Do sự thất bại và thành công của các quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa, nên người ta tìm ra con đường phát triển phải gắn liền với văn hóa. Hồ Chí Minh đã nhìn từ cả hai phương diện chuẩn mực và giá trị của phát triển và văn hóa nên Người

yêu cầu giữa các ý thức hệ, giữa các tập đoàn, các dân tộc cần phải có tiếng nói chung, hay có sự hiểu biết lẫn nhau thì văn hóa và phát triển mới được hiểu sâu sắc.

Văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị, phải phục vụ nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế. Quan điểm này của Người đã định hướng cho mọi hoạt động văn hóa, động viên giới văn hóa văn nghệ đi vào cuộc kháng chiến, thực hiện khẩu hiệu “văn hóa kháng chiến, kháng chiến văn hóa”, tạo nên một phong trào văn hóa kháng chiến sôi động chưa từng thấy trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Văn hóa không đứng ngoài mà ở trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Và cuộc kháng chiến đã trở thành cuộc kháng chiến không thể thiếu của văn hóa. Quan điểm trên đây của Hồ Chí Minh cũng định hướng cho việc xây dựng, phát triển nền văn hóa mới của nước ta trong suốt hai mươi năm chống Mĩ cứu nước cũng như trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Đứng trên lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh không nhấn mạnh một chiều về sự phụ thuộc thụ động của văn hóa vào kinh tế và chính trị, mà còn chỉ rõ vai trò, sức mạnh to lớn của của *văn hóa có ảnh hưởng trở lại đối với kinh tế và chính trị*. Văn hóa có tính tích cực, chủ động, đóng vai trò to lớn như một động lực, thúc đẩy sự phát triển của kinh tế và chính trị. Theo Người, văn hóa không phụ thuộc một cách máy móc vào điều kiện sinh hoạt vật chất, mà văn hóa – tư tưởng phải đi trước một bước để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Văn hóa phải ở trong kinh tế và chính trị có nghĩa là văn hóa phải tham gia thực hiện những nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế. Quan điểm này định hướng cho việc xây dựng một nền văn hóa mới ở Việt Nam, định hướng cho mọi hoạt động văn hóa. Văn hóa không đứng ngoài mà

ở trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc và cuộc kháng chiến trở thành cuộc kháng chiến có văn hóa.

Cũng phải thấy văn hóa đứng ở trong chính trị và kinh tế cũng có nghĩa là kinh tế và chính trị cũng phải có tính văn hóa, điều mà chủ nghĩa xã hội và thời đại đang đòi hỏi. Ngày nay, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta chủ trương gắn văn hóa với phát triển, chủ trương đưa các giá trị văn hóa thấm sâu vào kinh tế và chính trị, làm cho văn hóa thực sự vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Người nói: “Trình độ văn hoá của nhân dân nâng cao sẽ giúp chúng ta đẩy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển dân chủ. Nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân cũng là một việc cần thiết để xây dựng nước ta thành một nước hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” [43, tr.281 – 282].

b. Tính chất của văn hóa

Trong tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh thì nền văn hóa mới Việt Nam khác với nền văn hóa cũ trước hết ở những tính chất cơ bản của nó.

Trong “*Đề cương về văn hóa Việt Nam*” năm 1943, Đảng Cộng sản Việt Nam ra tuyên ngôn cơ cấu lại nền văn hóa truyền thống theo tư tưởng mácxít. Nhấn mạnh các tư tưởng của Đảng Cộng sản thể hiện trong “*Đề cương về văn hóa Việt Nam*”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ phương thức cơ cấu lại nền văn hóa truyền thống trong giai đoạn lịch sử mới của dân tộc. Trong Báo cáo chính trị đọc tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II, ngày 11 - 2 - 1951, Hồ Chí Minh viết:

Xúc tiến công tác văn hóa để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc. Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng của văn hóa đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới

để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng [43, tr.381 – 382].

Tính dân tộc của nền văn hóa thể hiện ở đặc tính dân tộc, cốt cách dân tộc, tinh túy bên trong, đặc trưng của văn hoá; nhằm nhấn mạnh đến chiều sâu bản chất rất đặc trưng của văn hóa dân tộc, giúp phân biệt, không thể nhầm lẫn với văn hóa của các dân tộc khác. Đó là kết quả của sự kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời phát triển những truyền thống tốt đẹp ấy cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới của đất nước. Tính chất dân tộc của nền văn hóa được Hồ Chí Minh biểu đạt bằng những khái niệm khác như *đặc tính dân tộc*, *cốt cách dân tộc* để nhấn mạnh hơn nữa đến cái tinh túy bên trong rất đặc trưng của văn hóa dân tộc.

Mỗi nền văn hóa đều có cốt cách dân tộc của mình, tiếng nói dân tộc, tâm lí, tình cảm, các biểu tượng, các phong tục tập quán đã chi phối mạnh mẽ lối sống ngàn năm của mỗi cộng đồng người trong lịch sử. Trong tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh, các giá trị văn hóa không chỉ bình đẳng trong các dân tộc mà còn bình đẳng giữa các sắc tộc. Người viết rằng, các dân tộc trên đất nước ta đều bình đẳng về mọi mặt.

Trong văn hóa, sự bình đẳng dân tộc là bình đẳng trên nền tảng giá trị. Không có giá trị của dân tộc này chèn ép hay “xâm lược” giá trị của dân tộc khác. Trong cơ cấu nội sinh của mỗi nền văn hóa, đều có cơ cấu tiếp biến của mỗi nền văn hóa, đều có cơ chế tiếp biến và phòng ngự trên nền tảng giá trị. Tính dân tộc vừa là mục tiêu, vừa là phương tiện chọn lựa, lọc bỏ và tiếp biến.

Nền văn hóa truyền thống trong toàn cơ cấu của nó chưa được *xây dựng trên nền tảng khoa học*. Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như Hồ Chí Minh hiểu rất rõ rằng chỉ có khoa học mới đưa nền văn hóa Việt Nam bước vào thời đại mới. Chỉ có khoa học mới cải tạo được các phong tục tập quán lạc hậu. Chỉ có khoa học mới bắt kịp được nền văn minh thế giới.

Để thực hiện được quá trình khoa học văn hóa, Hồ Chí Minh đã xác lập một kế hoạch rất sâu rộng. Trước hết, Người đào tạo những chủ thể quản lý văn hóa có trình độ khoa học và xác lập một cơ cấu xã hội công – nông – trí. Hồ Chí Minh đã đề ra kế hoạch “dạy bảo các cháu thiếu niên về khoa học kỹ thuật làm cho các cháu, ngay từ thuở nhỏ đã biết yêu khoa học” [38, tr.7]. Định chuẩn khoa học mà tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh đã nêu là thành quả phát triển chín muồi của nền dân chủ quốc tế và các thành tựu khoa học kỹ thuật của thời đại. Để thực hiện được định chuẩn này trong văn hóa, kế hoạch lớn lao và triệt để cách mạng của Hồ Chí Minh là giải phóng các năng lực sản xuất cá nhân và thực hiện quyền dân chủ xã hội trên nền tảng pháp luật.

Nguyên tắc *đại chúng hóa* mà “*Đề cương văn hóa Việt Nam*” năm 1943 đã nêu, được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định tại Đại hội Đảng lần thứ II năm 1951 xuất phát từ một quan điểm lớn của lịch sử. Đó là nguyên tắc giải phóng năng lượng sáng tạo to lớn trong lịch sử văn hóa Việt Nam. Ánh sáng của nó mở đường, rọi chiếu xuống lòng sâu của xã hội, làm bật dậy các khả năng sáng tạo và kêu gọi trong tận cùng tâm khảm những khát vọng sáng tạo của hàng triệu quần chúng đã từng bị lịch sử dồn nén và bỏ quên. Trên ý tưởng này, nhiều lần Hồ Chí Minh đã nói rằng: Sản xuất văn hóa nghệ thuật cốt để phục vụ nhân dân. Trong tác phẩm “*Cách đường xích đạo hai bước*” do Nhà xuất bản nhà văn Liên Xô ấn hành năm 1967, ký giả Rút Bersatski kể lại một lần gặp gỡ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gây ấn tượng rất mạnh cho ông. Cuộc trao đổi giữa hai người về nhiều vấn đề quan trọng của văn hóa nghệ thuật, trong đó vấn đề tính nhân dân của văn hóa được xem như tư tưởng quan trọng của Hồ Chí Minh. Người nói: “Chỉ có nhân dân mới nuôi dưỡng cho sáng tác của nhà văn bằng nguồn nhựa sống, còn nếu nhà văn quên điều đó – nhân dân cũng sẽ quên anh ta” [45, tr.516].

Trong tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh, tính phổ cập và tính nâng cao luôn luôn tác động biện chứng trên trục giải phóng năng lượng sáng tạo của đông đảo nhân dân lao động trong xã hội. Phổ cập để nâng cao, nâng cao để phổ cập rộng hơn trên một trình độ cao hơn. Hồ Chí Minh coi tính cộng đồng, tính truyền cảm, tính dễ hiểu vừa là nội dung quan trọng của cả phổ cập và nâng cao. Song Hồ Chí Minh rất coi trọng chất lượng văn hóa. Người đã nói tới các giá trị đã kết tinh tài năng giá trị của nhân dân. “Quần chúng là những người sáng tạo. Những sáng tác ấy là những hòn ngọc quý” [45, tr.18].

c. Chức năng cơ bản của văn hóa

Chủ tịch Hồ Chí Minh không mấy khi sử dụng khái niệm “chức năng của văn hóa”, song trong tư tưởng văn hóa của Người, các chức năng nhận thức, chức năng giáo dục, chức năng giải trí và nhiều chức năng khác được bộc lộ trong các quan hệ cụ thể. Từ di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta có thể thấy nền văn hóa mới Việt Nam đã quy tụ ba chức năng chủ yếu sau đây:

Một là, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp. Tư tưởng và tình cảm là hai vấn đề chủ yếu nhất của đời sống tinh thần của con người. Tư tưởng có thể đúng đắn hoặc sai lầm, tình cảm có thể thấp hèn hoặc cao đẹp. Theo Hồ Chí Minh, văn hóa có chức năng bồi dưỡng, nêu cao tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp cho nhân dân, loại bỏ được những sai lầm và thấp hèn có thể có trong tư tưởng, tình cảm của mỗi con người. Vì vậy, phải đặc biệt quan tâm đến những tư tưởng và tình cảm lớn chi phối đời sống tinh thần của mỗi con người và cả dân tộc.

Trong diễn văn khai mạc Hội nghị văn hóa toàn quốc ngày 24 – 11-1946, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Văn hóa phải làm thế nào cho ai cũng phải có lí tưởng tự chủ, độc lập tự do. Đồng thời văn hóa phải làm thế nào cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên đi lợi ích riêng” [46, tr.90].

Lý tưởng là điểm hội tụ của những tư tưởng lớn của một Đảng, một dân tộc. Mọi hành động anh hùng cũng như mọi sự nghiệp lớn chỉ có thể bắt nguồn từ một mục tiêu lớn, một lí tưởng lớn. Khi đã phai nhạt lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thì bất cứ người nào cũng sẽ trở nên nhỏ bé, tầm thường và sẽ không còn ý nghĩa trong sự vận động của lịch sử. Lịch sử đã để lại không ít những dẫn chứng về điều đó. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã thường xuyên quan tâm đến việc bồi dưỡng lí tưởng và những tư tưởng lớn cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân và cũng đặt chức năng cao quý đó vào văn hóa.

Theo Hồ Chí Minh, văn hóa phải đi sâu vào tâm lí nhân dân để xây dựng tình cảm lớn như lòng yêu nước, thương dân, thương yêu con người; yêu cái chân, cái thiện, cái mỹ; yêu tính trung thực, chân thành, thủy chung; ghét thói hư, tật xấu, những sa đọa biến chất, căm thù mọi thứ “giặc nội xâm”. Tình cảm đó thể hiện trong nhiều mối quan hệ: với gia đình, quê hương, bạn bè, anh em, đồng chí. Thông qua đó, văn hóa góp phần xây đắp niềm tin cho con người, tin vào bản thân, vào lí tưởng, vào nhân dân, vào tiền đồ của cách mạng.

Hai là, nâng cao dân trí. Nói đến văn hóa là phải nói đến dân trí. Đó là trình độ hiểu biết, là vốn kiến thức của người dân. Nâng cao dân trí phải từ chỗ biết đọc, biết viết đến có thể hiểu biết các lĩnh vực khác của đời sống xã hội như: Kinh tế, chính trị, lịch sử, khoa học - kỹ thuật, thực tiễn Việt Nam và thế giới.... Vấn đề nâng cao dân trí chỉ có thể thực hiện được sau khi chính trị đã được giải phóng, toàn bộ chính quyền về tay nhân dân.

Là một nhà cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc vai trò của công tác huấn luyện, giáo dục. Ngay sau khi cách mạng tháng Tám thành công, một trong ba nhiệm vụ cấp bách được Hồ Chủ tịch đề ra là diệt giặc đói.

Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu, Người khẳng định như vậy và đề ra nhiệm vụ:

Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc lúc này là nâng cao dân trí...

Muốn giữ nền độc lập,

Muốn làm cho dân mạnh nước giàu

Mọi người Việt Nam phải biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ [40, tr.36].

Để nhanh chóng thực hiện được mục tiêu xóa nạn mù chữ, Người đã phát động phong trào bình dân học vụ trong toàn quốc và được tổ chức một cách chặt chẽ. Và chỉ sau một thời gian ngắn, công cuộc bình dân học vụ đã đem lại một thành quả kỳ diệu, một lượng đông đảo người Việt Nam đã biết đọc, biết viết. Dân trí được nâng lên đã khơi dậy sức mạnh to lớn của nhân dân Việt Nam, làm cho mỗi người có thể phát huy được khả năng của mình, tham gia một cách tự giác hơn và có hiệu quả vào công cuộc kháng chiến kiến quốc.

Mục tiêu nâng cao dân trí của văn hóa trong từng giai đoạn cách mạng có thể có những điểm khác nhau. Song, tất cả đều hướng vào mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nâng cao dân trí là để nhân dân có thể tham gia sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, góp phần cùng Đảng "... biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc". Đó cũng là mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" mà Đảng ta vạch ra trong công cuộc đổi mới.

Ba là, bồi dưỡng những phẩm chất, phong cách và lối sống tốt đẹp, lành mạnh, luôn hướng con người tới cái chân, thiện, mỹ để hoàn thiện bản thân. Muốn tham gia vào việc tạo ra những giá trị văn hoá, đồng thời biết hưởng

thụ một cách đúng đắn những giá trị văn hoá của xã hội, mỗi người không chỉ cần có những tư tưởng đúng đắn, tình cảm cao đẹp, những hiểu biết ngày càng được nâng cao, mà còn phải trau dồi cho mình những phẩm chất tốt đẹp, những phong cách lành mạnh trong cuộc sống. Văn hóa phải giúp cho con người biến những tư tưởng đúng đắn, tình cảm cao đẹp thành phẩm chất và phong cách của chính mình mới có thể sử dụng được kiến thức để tham gia vào việc tạo ra những giá trị văn hoá cho xã hội và biết hưởng thụ một cách đúng đắn những giá trị văn hoá của xã hội.

Các phẩm chất thường được thể hiện qua phong cách, lối sinh hoạt, làm việc, lối ứng xử trong đời sống. Căn cứ vào yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, Hồ Chí Minh đề ra những phẩm chất và phong cách cần thiết để mỗi người tự tu dưỡng. Đối với cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến phẩm chất đạo đức - chính trị, những tác phong trong lao động, sinh hoạt và trong mọi quan hệ xã hội. Trong nhiều bài viết, bài nói chuyện của Hồ Chí Minh đã chứa đựng những chỉ dẫn rất phong phú về vấn đề này.

Những phẩm chất và phong cách tốt đẹp làm nên giá trị con người. Văn hóa giúp con người hình thành những phẩm chất, phong cách và lối sống tốt đẹp, lành mạnh, thông qua phân biệt cái đẹp với cái xấu, cái tiến bộ với cái lạc hậu, bảo thủ. Giúp con người vươn tới cái chân, thiện, mỹ để hoàn thiện bản thân mình. Với ý nghĩa đó, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Phải làm thế nào cho văn hóa thấm sâu vào tâm lý quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được những tham nhũng, lười biếng, phù hoa xa xỉ ” [46, tr.90]. Người đã nêu ra một luận điểm khái quát và luôn có ý nghĩa trong mọi điều kiện: “Văn hoá phải soi đường cho quốc dân đi”, mà đội ngũ những người làm công tác văn hóa, những văn nghệ sỹ là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp to lớn này.

1.2.2. Văn hóa là một mặt trận cách mạng, nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng

Quan điểm trên của Hồ Chí Minh nhằm xác định vị trí, vai trò, chức năng của văn hoá trong sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. Mặt trận văn hoá cũng có tầm quan trọng như các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, đồng thời cũng khẳng định tính chất qui mô, quyết liệt của cuộc đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa tiên tiến và lạc hậu trên mặt trận văn hoá.

Năm 1943, tại nhà ngục Quảng Tây của chế độ Tưởng Giới Thạch, nhân đọc tập thơ *"Thiên gia thi"*, Hồ Chí Minh đã nêu lên yêu cầu đối với thơ ca cách mạng và sứ mệnh chiến đấu của nhà thơ:

*"Nay ở trong thơ nên có thép
Nhà thơ cũng phải biết xung phong".*

Quan điểm này của Hồ Chí Minh trước hết được bắt nguồn từ truyền thống tốt đẹp của dân tộc, từ các tuyên ngôn văn nghệ của cha ông:

*"Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà"*

(Nguyễn Đình Chiểu)

*"Ba tấc lưỡi mà gương mà sáng,
Một ngòi lông vừa trống, vừa chiêng"*

(Phan Bội Châu viếng Phan Chu Trinh)

Hội nghị văn hoá toàn quốc lần thứ 2 vào tháng 7 năm 1948, Hồ Chí Minh xác định thêm: "Trong sự nghiệp vĩ đại kháng chiến kiến quốc của dân tộc, văn hoá gánh một phần rất quan trọng. Từ ngày chính quyền dân chủ được thành lập đến nay, các nhà văn hoá ta đã cố gắng và đã thành tích. Song từ nay trở đi, chúng ta cần phải xây đắp một nền văn hoá kháng chiến kiến quốc của toàn dân" [41, tr.464].

Năm 1951, nhân dịp triển lãm hội hoạ toàn quốc, Hồ Chí Minh gửi thư cho các hoạ sĩ và khẳng định: “Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy” [41, tr.368]. Bức thư của Người đã thể hiện hết sức ngắn gọn và tập trung quan điểm Mác - Lênin và quan điểm của Đảng ta về vai trò, chức năng, đối tượng phục vụ của văn hoá - văn nghệ, về yêu cầu tính chiến đấu, tinh thần cách mạng tiến công của văn nghệ sĩ.

Hồ Chí Minh xem *văn hoá cũng là một mặt trận nên có tính chất phức tạp của mặt trận*. Vì vậy, nó đòi hỏi những người làm công tác trên mặt trận đó phải có những đức tính của người chiến sĩ: Lập trường tư tưởng vững vàng, hiểu thấu, liên hệ và đi vào đời sống của nhân dân để bày tỏ tinh thần kiên quyết và anh dũng của quân đội ta, đồng thời để giúp phát triển và nâng cao tinh thần ấy, chiến sĩ văn hoá phải là những người dũng cảm, kiên cường để chống lại những thế lực phản văn hoá. Tuy nhiên, tùy theo thời điểm, hoàn cảnh khác nhau, những nhiệm vụ cụ thể phải khác nhau mà những người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá có những hình thức hoạt động, thể loại tác phẩm cho phù hợp, thiết thực và hữu ích, nhằm góp phần nâng cao trình độ dân trí và thúc đẩy sự nghiệp cách mạng ngày càng phát triển.

Trong tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh, *Người chú ý đến việc hình thành chủ thể sáng tạo*. Người nghệ sĩ kiểu mới, Hồ Chí Minh gọi là “*người chiến sĩ trên mặt trận ấy*”. Lần đầu tiên trong lịch sử nghệ thuật nước ta, Hồ Chí Minh gọi nghệ sĩ là chiến sĩ. Theo Hồ Chí Minh, “*Văn nghệ sĩ cần phải rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân, giữ gìn thái độ khiêm tốn, phải thực sự hoà mình với quần chúng, cố gắng học tập chính trị, trau dồi nghề nghiệp; phải hết lòng giúp đỡ thanh niên và làm cho văn nghệ nước nhà ngày càng thêm trẻ, thêm xuân*” [44, 647]. Đó chính là phẩm chất và điều kiện để các tác phẩm của nghệ sĩ gắn với cuộc sống hiện thực sôi động. Hồ Chí Minh cũng rất quan tâm đến việc giáo dục các tài năng, các

năng khiếu nghệ thuật. Người đánh giá rất cao việc trau dồi nghiệp vụ và chỉ thị cho Bộ Văn hóa thành lập những trường năng khiếu. Tư tưởng nhất quán ở Hồ Chí Minh là phát triển song hành cả đức lẫn tài, cả hồng và chuyên.

Quan điểm của Hồ Chí Minh về “mặt trận văn hoá và chiến sĩ văn hoá” đặt nền tảng cho Đảng ta trong việc xây dựng và phát triển đường lối văn hoá của Đảng trong thời kỳ đổi mới đất nước. Trong điều kiện hiện nay, khi nền văn hoá đang chịu sự tác động mạnh của cơ chế thị trường, một số người cầm bút nhiều khi không tránh khỏi sự cám dỗ của đồng tiền mà đánh rơi thiên chức cao quý của mình, thì quan điểm đó của Người lại càng trở nên cần thiết.

1.2.3. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân

Văn hóa bao gồm rất nhiều lĩnh vực, nhiều hoạt động phong phú, sáng tạo, phức tạp. Làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người là yêu cầu rất cao, là nhiệm vụ khó khăn và lâu dài. Chỉ khi nào được mọi tầng lớp nhân dân, mọi tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể, các tôn giáo, nhà trường, gia đình... tham gia tích cực, thường xuyên, bền bỉ mới có thể thực hiện được nhiệm vụ đã đề ra. Hồ Chí Minh xuất phát từ quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, nhân dân là người giữ địa vị cao nhất, đã yêu cầu văn hóa cũng phải thấm nhuần sâu sắc quan điểm nhân dân: Vì nhân dân phục vụ và phát huy sức mạnh toàn dân làm văn hóa. Người căn dặn anh chị em làm văn nghệ phải đi sâu vào thực tế cuộc sống, hiểu được tư tưởng, tình cảm, tâm lí, yêu cầu của nhân dân, từ đó phục vụ nhân dân một cách tốt nhất. Phải học cách nói, tiếng nói của quần chúng khi nói, khi viết, phải luôn luôn làm thế nào cho ai cũng hiểu được. Làm sao cho quần chúng đều hiểu, đều tin, đều quyết tâm theo lời kêu gọi của mình. Người thường xuyên nhắc nhở những người cầm bút khi viết phải tự đặt ra câu hỏi: Viết cho ai? Viết để làm gì? Lấy tài liệu đâu mà viết?

Ngoài việc đi vào quần chúng cổ động, biểu dương sự nghiệp cách mạng của nhân dân, anh chị em văn hóa và trí thức còn phải đánh giá, nhìn nhận đúng đắn nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, *quần chúng là những người không chỉ sáng tạo ra của cải vật chất cho xã hội mà còn là những người sáng tác. Tục ngữ, vè, ca dao... là những hòn ngọc quý, vừa rất hay, lại rất ngắn, chứ không dài dòng, dây cà dây muống. Quần chúng còn là đối tượng phản ánh của văn hóa. Người khẳng định chỉ có nhân dân mới nuôi dưỡng cho sáng tác của các nhà văn bằng những nguồn nhựa sống. Còn nếu nhà văn quên điều đó - nhân dân cũng sẽ quên anh ta. Quần chúng còn là những người kiểm nghiệm sản phẩm. Vì vậy viết xong, đọc đi, sửa lại bốn năm lần chưa đủ, mà phải nhờ một số đồng chí công, nông, binh đọc lại. Chỗ nào ngúc ngoắc, chữ nào khó hiểu, họ nói ra cho thì phải sửa lại. Cuối cùng phải thấy rằng đồng bào đang chờ đợi và phải được hưởng thụ các sản phẩm văn hóa.*

Nước ta là quốc gia có nhiều dân tộc. Mỗi dân tộc đều có một nền văn hóa riêng. Vì vậy, cùng với sự phát triển của nền văn hóa chung của cả cộng đồng, *phải chú ý phát triển văn hóa của mỗi dân tộc.* Hồ Chí Minh nhắc nhở: Muốn phát triển văn hóa các dân tộc, phải tẩy trừ những thành kiến, phải đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau như anh em một nhà.

1.3. GIÁ TRỊ VĂN HÓA VÀ VẤN ĐỀ BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA

1.3.1. Khái niệm văn hóa

- Quan niệm về văn hóa ở Trung Quốc thời kì cổ đại

Thời cổ đại ở Trung Quốc, dấy lên phong trào “trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tài” với tâm nguyện cai trị đất nước, xây dựng một xã hội có trật tự, người đối xử tốt với người. Chuẩn mực xã hội dựa trên cơ sở Tam cương, Ngũ thường với những giá trị đạo đức và trí tuệ như “nhân”, “nghĩa”, “lễ”, “trí”, “tín” ... Theo đó, con người phải thực hành “đức nhân”, “đức lễ” và

“chính danh, định phận” trong quan hệ với cộng đồng. Ở góc độ này, “văn” được xem là cái hay, vẻ đẹp và “hóa” được hiểu là sự biến cải, biến đổi. Vì vậy, khái niệm văn hóa thời cổ đại ở Trung Quốc được hiểu là sự biến cải, biến đổi, bồi đắp cho đẹp ra.

- Khái niệm về văn hóa ở Phương Tây thời kì Phục Hưng và cận đại

Trong xã hội Phương Tây từ thời Phục Hưng và cận đại, khái niệm văn hóa dùng để nói đến lĩnh vực của hiện thực, lĩnh vực hoạt động của con người như một chủ thể tự do và sáng tạo. Các nhà triết học thời kỳ này tiếp cận văn hóa bằng nhiều cách khác nhau trên quan điểm chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa duy lý, quan điểm lịch sử hoặc chủ nghĩa tự nhiên. Song, đều nhìn nhận văn hóa như sự tồn tại chân chính của con người, đối lập với tính tự nhiên. Với ý nghĩa đó, văn hóa được xem là sự phát triển của con người phù hợp với bản chất của chính mình.

- Định nghĩa văn hóa của các nhà triết học cổ điển Đức

Các nhà triết học duy tâm Đức đi tìm cơ sở của văn hóa trong lĩnh vực thẩm mỹ, lĩnh vực tinh thần và trong triết học. Vấn đề văn hóa trong hệ thống triết học I. Kant, bước đầu được xem xét như một chỉnh thể: “Ông chỉ gọi những gì đem lại phúc lợi cho con người - một hệ thống các giá trị nhân đạo - là văn hóa” [24, tr.39]. Bộ ba phê phán: phê phán năng lực thuần lý, năng lực thực tiễn và năng lực phán đoán là phân tư, là sự suy ngẫm về con người theo chiều hướng giá trị của cái chân - thiện - mỹ. Từ đó, ông đặt ra và trả lời câu hỏi: Con người hoạt động như thế nào trong lĩnh vực nhận thức, trong hoạt động đạo đức, trong sáng tạo và cảm thụ nghệ thuật? Với bộ ba đó, văn hóa được nhìn nhận như một chỉnh thể hữu cơ tạo nên con người tự do sáng tạo như chủ thể đích thực của sự phát triển xã hội.

Ở Hêgen, những quy luật logic được xem như là quy luật của quá trình chuyển hóa cái khách quan thành cái chủ quan và ngược lại, của quá trình mà

ở đó một phần của giới tự nhiên được chuyển hóa thành thân thể văn hóa. Do vậy, theo nhận định của Nguyễn Huy Hoàng, “Logic biện chứng của Hêgen chính là logic văn hóa của nhân loại, là cái được gọi là triết học văn hóa của ngày nay” [24, tr.73]. Theo Hêgen, con người trong hoạt động hiện thực đã đối tượng hóa hình thức của tư duy, của hoạt động vào thế giới các đồ vật; chuyển tư duy từ tự mình sang tư duy cho mình. Theo đó, khái niệm do tư duy đưa ra “chính là chân lý, là hình thức của ý niệm tuyệt đối, của tinh thần, của văn hóa”. Với góc độ này, Hêgen xem văn hóa là phương thức hay hình thức hoạt động của con người.

- Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa

Là người học trò xuất sắc và đầy sáng tạo của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin, trên cơ sở của sự kế thừa sâu sắc truyền thống văn hoá dân tộc, chất lọc tinh hoa văn hoá nhân loại, qua thực tiễn hoạt động cách mạng phong phú và sinh động, từ thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, ngay từ những năm 40 của thế kỷ XX trong một sổ ghi chép ở trang cuối cùng của tập thơ “*Nhật ký trong tù*”, Hồ Chí Minh đã đưa ra định nghĩa về văn hoá ở tầm khái quát:

Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tác và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn [39, tr.431].

Định nghĩa về văn hóa của Hồ Chí Minh đã bao quát nhiều lĩnh vực: Tư tưởng, đạo đức, lối sống, chính trị, tri thức, thẩm mỹ, thể chất,... Nó có mặt trong toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội. Gốc của văn hoá là toàn bộ

những hoạt động sáng tạo và phát minh của con người trong thực tiễn. Văn hoá hoàn toàn không phải là sản phẩm thụ động của thượng đế ban cho, mà là kết quả của quá trình lao động sản xuất có tính chủ động, có mục đích của từng người, từng dân tộc cụ thể nhằm đáp ứng những nhu cầu sinh tồn. Cái bản chất, cái cốt lõi của văn hoá theo quan niệm của Hồ Chí Minh chính là đạo đức, là nhân cách của con người, là chủ nghĩa nhân văn. Văn hoá xuất phát từ con người và trở về với con người, trả lại những giá trị đích thực cho con người để làm người.

- Định nghĩa về văn hóa của Unesco

Năm 1982, tại Mêhicô, Hội nghị thế giới về chính sách văn hoá vì sự phát triển đã thông qua tuyên bố ngày 6 tháng 8, còn gọi là Tuyên bố Mêhicô về chính sách văn hoá, Hội nghị đã thống nhất định nghĩa về văn hoá như sau:

Trong ý nghĩa rộng nhất, văn hóa là tổng thể những nét riêng biệt tinh thần và vật chất, trí tuệ và xúc cảm, quyết định tính cách của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội. Văn hóa bao gồm nghệ thuật và văn chương, những lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống các giá trị, những tập tục và những tín ngưỡng. Văn hóa đem lại cho con người những suy xét về bản thân. Chính văn hóa làm cho chúng ta trở thành những sinh vật đặc biệt nhân bản, có lý tính, có óc phê phán và dẫn thân một cách đạo lý. Chính nhờ văn hóa mà con người tự thể hiện, tự ý thức được bản thân, tự biết mình là một phương án chưa hoàn thành được đặt ra để xem xét những thành tựu của bản thân, tìm tòi không biết mệt những ý nghĩ mới mẻ, sáng tạo nên những công trình mới mẻ và tạo nên những công trình vượt trội lên bản thân [70].

Như vậy, theo quan niệm của UNESCO, văn hoá không phải là một lĩnh vực riêng biệt mà là tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra. Văn hoá là chìa khoá của sự phát triển, là một tổng thể

rộng lớn thể hiện trên nhiều mặt hoạt động, trong đó vấn đề con người được đặt lên hàng đầu.

- Quan niệm của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa

Theo quan niệm của Đảng ta, văn hoá giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Văn hoá có tác dụng nâng cao dân trí, đoàn kết và tập hợp lực lượng cho cách mạng. Đảng ta khẳng định: “Mặt trận văn hoá là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hoá), ở đó người cộng sản phải hoạt động và “có lãnh đạo được phong trào văn hoá, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả” [14, tr.317]. Nhờ những chủ trương đúng đắn đó, Đảng ta đã tập hợp được đông đảo tầng lớp nhân dân, nhất là tuyệt đại bộ phận trí thức của dân tộc tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và sự nghiệp kiến quốc sau này.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của văn hoá đối với sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp phát triển của xã hội, trong suốt chặng đường dài của sự nghiệp giải phóng dân tộc từ 1930 đến 1975 và thời kỳ trước đổi mới, hầu như trong các văn bản, nghị quyết của Đảng ta đều đề cập đến vấn đề văn hoá và những biện pháp cụ thể nhằm tiến hành cách mạng trên lĩnh vực văn hoá.

Kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, trước những biến động của tình hình thế giới và trong nước, Đại hội VII (1991) của Đảng đã nêu lên sáu đặc trưng về xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng, trong đó nhấn mạnh đến tính chất của nền văn hoá “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Tính chất của nền văn hoá tiếp tục được làm rõ hơn trong nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khoá VIII, đó là: “Nền văn hoá mà chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” [13, tr.55].

Từ những cách tiếp cận trên, có thể đưa ra quan điểm phổ quát về văn hóa như sau: Văn hóa là những giá trị vật chất và tinh thần của con người,

biểu thị trình độ phát triển lịch sử nhất định của một xã hội, thể hiện sự sáng tạo của con người trong quá trình hoạt động thực tiễn và được đúc kết thành hệ giá trị và chuẩn mực xã hội làm nên bản sắc của một dân tộc, một cộng đồng xã hội mà nó có khả năng chi phối toàn bộ đời sống tâm lý và hoạt động của con người trong cộng đồng ấy. Văn hóa bao hàm tri thức, trí tuệ, tình cảm, phong tục, tập quán, tín ngưỡng và các hệ thống biểu trưng khác của một dân tộc. Trong hoạt động xã hội thì hoạt động của mỗi cá nhân là thực thể sinh động của nền văn hóa cộng đồng, dân tộc mình.

1.3.2. Khái niệm giá trị và giá trị văn hóa

a. Khái niệm giá trị

Thuật ngữ giá trị đầu tiên được dùng để nghiên cứu một cách khoa học là trong tác phẩm “*Người nông dân Ba Lan ở Châu Âu và châu Mỹ*” của Thomas và Zananiecki năm 1818. Đến năm 1949, giá trị và các quy luật vận hành của nó mới thực sự trở thành đối tượng nghiên cứu phổ biến trong các khoa học xã hội. Cho đến nay, đã có không ít những định nghĩa, quan niệm khác nhau về giá trị xuất phát từ những góc độ tiếp cận khác nhau.

Dưới góc độ triết học, giá trị là một phạm trù triết học, chỉ những thành quả lao động sáng tạo vật chất và tinh thần của con người. Nó có tác dụng định hướng, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động của xã hội nhằm vươn tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp, hướng đến chân, thiện, mỹ và thúc đẩy sự tiến bộ xã hội.

Giá trị là phạm trù liên quan đến lợi ích vật chất cũng như tinh thần của con người. Giá trị chứa đựng yếu tố nhận thức, tình cảm và hành vi của chủ thể trong mối quan hệ với sự vật, hiện tượng. Giá trị những chuẩn mực nhất định của xã hội được tạo ra bởi con người và vì con người. Nên giá trị được xác định trong mối quan hệ với hoạt động thực tiễn của con người và được thực tiễn cuộc sống kiểm nghiệm.

Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, giá trị ở mỗi giai đoạn có thể khác nhau tùy thuộc vào trình độ nhận thức và chuẩn mực của thời đại. Nhưng giá trị luôn hướng đến cái chân - thiện - mỹ, hướng đến việc đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của con người. Bản chất và ý nghĩa bao quát của giá trị là tính nhân văn. Chức năng cơ bản nhất của giá trị là định hướng, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động của cá nhân và cộng đồng để phù hợp với chuẩn mực của thời đại.

Giá trị gắn liền với nhu cầu con người. Chính nhu cầu là động cơ thúc đẩy mạnh mẽ hành động của con người, giúp con người tạo nên những giá trị vật chất và tinh thần. Giá trị là cái ý tưởng về các loại mục đích hay lối sống của con người được coi là có ý nghĩa và được chia sẻ trong một cộng đồng dân tộc hay trong toàn xã hội.

Giá trị có thể định tính, định lượng qua những sản phẩm vật chất - vật thể. Giá trị vật chất thể hiện rõ trong đời sống kinh tế, là kết quả của quá trình hoạt động vật chất của con người thông qua mối quan hệ xã hội. Giá trị tinh thần là kết quả hoạt động của con người nhằm thỏa mãn nhu cầu về đời sống tinh thần ở một giai đoạn xã hội nhất định. Đó là những giá trị vượt lên trên hiện thực và khó có thể định lượng. Giá trị này là kết tinh từ bản chất, từ sức mạnh, trí tuệ, ý chí của con người trong hoạt động thực tiễn.

b. Khái niệm giá trị văn hóa

Những hành động của con người vì nhu cầu và thỏa mãn nhu cầu trong quá trình tồn tại của mình ẩn chứa các giá trị văn hóa. Khía cạnh trí tuệ, năng lực sáng tạo, khát vọng nhân văn của con người biểu hiện trong hoạt động sống của cá nhân, cộng đồng, dân tộc: ăn, mặc, ở, đi lại, giao tiếp xã hội, giáo dục, tập quán, tín ngưỡng,... tạo nên nét đặc trưng của giá trị văn hóa. Nhu cầu của con người càng cao thì càng tạo điều kiện cho việc hình thành các giá trị văn hóa.

Giá trị văn hóa là cái hình thành trong quá trình vận động của các cá nhân, nhóm và cộng đồng xã hội vươn tới thỏa mãn nhu cầu của mình. Do vậy, theo chiều hướng tích cực, giá trị văn hóa là những thành tựu của một cá nhân hay một dân tộc đã đạt được trong quan hệ với thiên nhiên, với xã hội và trong sự phát triển bản thân mình; nói tới giá trị văn hóa cũng là nói tới thái độ, trách nhiệm và những quy tắc ứng xử của mỗi người trong quan hệ của bản thân với gia đình, xã hội và thiên nhiên; giá trị văn hóa cũng là những biểu tượng của cái chân - thiện - mỹ trong đời sống. Cho nên, có thể hiểu rằng, chỉ những hoạt động nào thể hiện được những sức mạnh bản chất của con người, những sức mạnh biểu trưng cho chân - thiện - mỹ mới hiện diện như những giá trị văn hóa.

Những biểu hiện của giá trị văn hóa được cá nhân và cộng đồng thừa nhận, duy trì, bảo vệ và phát triển. Bởi vì, trong hoạt động thực tiễn, con người hướng tới sự hoàn thiện và các giá trị văn hóa được xem là kết quả của quá trình này. Khi hình thành những giá trị thì giá trị văn hóa với tư cách là cái tích cực, nó tác động trở lại đối với hoạt động nhận thức, định hướng, đánh giá và điều chỉnh hoạt động của cá nhân và cộng đồng. Đồng thời, giá trị văn hóa chiếm một vị thế đặc biệt đối với tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người.

Giá trị văn hóa mang tính lịch sử khách quan, gắn liền với dân tộc, giai cấp và nhân loại, cho nên nó cũng mang tính phổ biến. Tuy nhiên, giá trị văn hóa cũng như giá trị, nó không phải là cái cố định mà biến đổi cùng sự biến đổi của xã hội, phụ thuộc vào trình độ phát triển của nhận thức và chuẩn mực xã hội.

Giá trị văn hóa luôn hiện hữu trong hành động, hoạt động hiện tại của dân tộc, thể hiện bản sắc của một dân tộc và có những yếu tố được đặt trong sự tương đồng với các dân tộc khác. Giá trị văn hóa của mỗi dân tộc như là

cái phổ biến trong phạm vi mỗi cộng đồng dân tộc và là cái đặc trưng trong phạm vi xã hội đa cộng đồng. Suy rộng ra, giá trị văn hóa là cái tạo nên nét độc đáo, truyền thống, bản sắc dân tộc. Từ đó, có thể phân biệt được những đặc trưng về văn hóa của dân tộc này với dân tộc khác.

1.3.3. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong quá trình phát triển hiện nay

Hiện nay, quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, sâu sắc, thâm nhập vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong quá trình toàn cầu hóa, mỗi dân tộc luôn phải đứng trước và phải xử lý một mâu thuẫn, đó là: Mâu thuẫn giữa toàn cầu hóa có xu hướng mạnh, tạo ra các giá trị phổ quát chung với việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa riêng của mỗi dân tộc.

Chính trong bối cảnh toàn cầu hóa, văn hóa các dân tộc ngày càng có điều kiện tiếp nhận, thâm hóa, từ đó làm tăng giá trị sáng tạo và nhân văn của mỗi nền văn hóa. Sự tăng lên tính sáng tạo và tính nhân bản của nhiều nền văn hóa cùng tham gia hội nhập. Sự sáng tạo, tính nhân bản được nhân lên thể hiện sự đa dạng, đa sắc của nền văn minh nhân loại. Cũng chính trong bối cảnh của toàn cầu hóa, các nền văn hóa có cơ hội thể hiện sắc màu và sức sống tiềm tàng của mình, bởi vì mỗi nền văn hóa đều có khả năng tạo ra ảnh hưởng và chịu tác động của nền văn hóa khác. Nét riêng, nét đặc sắc của thành tựu trong một nền văn hóa càng cao thì sức hấp dẫn và độ ảnh hưởng của nó càng lớn. Sàng lọc, tiếp thu tinh hoa của nhân loại phụ thuộc vào khả năng tiếp nhận, thâm hóa của từng nền văn hóa.

Toàn cầu hóa tạo ra những điều kiện kinh tế, điều kiện tâm lí, rút ngắn không gian và thời gian để văn hóa trải rộng và giao lưu rộng rãi, qua sàng lọc của thời gian, tác động ảnh hưởng lẫn nhau, qua sự dung hợp của nhiều loại hình văn hóa, nhân loại đã tạo nên từng sản phẩm vật chất và tinh thần tinh

túy, những đỉnh cao hàm chứa trí tuệ và óc sáng tạo của con người. Trên cơ sở đó đẩy mạnh sự phát triển phồn vinh của văn hóa nhân loại.

Bên cạnh những tác động tích cực trên, toàn cầu hóa cũng đem đến nhiều ảnh hưởng tiêu cực đối với văn hóa dân tộc cũng như việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc.

Một số quốc gia, dân tộc chưa nhận thức được đầy đủ tác động hai mặt của toàn cầu hóa. Ở những nơi đó, người ta thường quay lưng lại với những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, kéo văn hóa tụt xuống mức dung tục, tầm thường, tạo ra những chướng ngại cho quá trình nâng cao mặt bằng dân trí, làm ô nhiễm môi trường nhân văn. Chính toàn cầu hóa đã tạo ra những khả năng xuyên quốc gia của các tệ nạn thế kỉ như ma túy, mại dâm, khủng bố và các căn bệnh thế kỉ như HIV/AIDS. Toàn cầu hóa làm tăng tác hại của nền văn minh kĩ trị. Chính nền văn minh kĩ trị này đã làm cho con người đề cao sự hưởng thụ và mặt khác đẩy con người vào cô đơn, vô cảm, sống gấp, thờ ơ vô trách nhiệm. Sự đồng nhất hóa các hệ thống giá trị và tiêu chuẩn đã đe dọa làm suy kiệt khả năng sáng tạo của nền văn hóa.

Trong quá trình toàn cầu hóa, với sức mạnh của kĩ thuật, đồng tiền, văn hóa phương Tây tỏ ra có ưu thế, lấn lướt và áp đặt những giá trị của mình lên các nước đang phát triển, nhất là các nước chậm phát triển. Chính vì vậy, trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện tượng bị nô dịch, bị đồng hóa là có thật, thậm chí một số thế lực quốc tế còn muốn thực hiện “xâm lăng về văn hóa”. Chủ nghĩa đế quốc về văn hóa đã xâm nhập vào nhiều nước thông qua sách báo, truyền hình, phim ảnh, radio, du lịch và nhiều hoạt động nguy hại khác...

Những tác động tích cực và tiêu cực của toàn cầu hóa đối với văn hóa Việt Nam càng phức tạp hơn. Vẫn đang sống trong cơ chế kế hoạch hóa, bao cấp, mọi giá trị truyền thống được bảo tồn, giữ gìn, nay bước vào kinh tế thị trường trong xu thế toàn cầu hóa, mọi giá trị và các tiêu chuẩn văn hóa đang

đứng trước các nguy cơ bị đồng hóa với văn hóa đại chúng, thế hệ trẻ Việt Nam dễ bị chuyển từ cực nọ sang cực kia, dễ rơi vào tâm lí sùng ngoại, chạy theo thị hiếu văn hóa kiểu phương Tây.

Trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay, vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống được đặt ra bức thiết hơn bao giờ hết đối với mọi quốc gia. Bởi lẽ, văn hóa truyền thống là nền tảng, không có văn hóa truyền thống sẽ không có sự phát triển. Không dựa trên nền tảng của giá trị văn hóa truyền thống thì không thể tiếp thu có hiệu quả những thành tựu hiện đại và càng không thể có sự phát triển lâu bền.

Đứng trước tác động của toàn cầu hóa về văn hóa, nước ta không hề khước từ việc giao lưu, hội nhập với bên ngoài, luôn muốn tiếp nhận những tinh hoa của loài người để làm cho bản sắc văn hóa Việt Nam thêm phần phong phú, đa dạng. Văn hóa Việt Nam là sự kết tinh văn hóa truyền thống Việt Nam và tinh hoa của nhiều nền văn hóa thế giới. Nhưng Việt Nam luôn phản đối sự tiếp nhận xô bồ mọi thứ văn hóa ngoại lai, không phù hợp với truyền thống văn hóa của mình. Điều cơ bản, quan trọng nhất trong hội nhập văn hóa của Việt Nam là giữ vững nguyên tắc tự chủ, hội nhập vì một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Để chủ động hội nhập, cần nhận thức rằng yếu tố nội sinh phải đóng vai trò quyết định trong việc lựa chọn các yếu tố ngoại sinh. Trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế phải đặc biệt quan tâm giữ gìn và nâng cao văn hóa dân tộc, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức, tập quán tốt đẹp và lòng tự hào dân tộc.

Như vậy, có thể nói, trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế theo hướng phát triển kinh tế thị trường, các giá trị văn hóa cần phải được thẩm định, định hướng theo hệ giá trị Chân – Thiện – Mĩ, mang đậm tính nhân văn trên cơ sở kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống, bản sắc dân tộc kết hợp với việc tiếp thu có chọn lọc những giá trị mang tính thời đại.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Hồ Chí Minh đã kết hợp hài hòa giữa truyền thống văn hóa dân tộc với tinh hoa văn hóa nhân loại, cùng với những phẩm chất, năng lực của Người, Hồ Chí Minh đã xây dựng nên hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về văn hóa. Người đã sớm nhận thức văn hóa có tầm quan trọng to lớn và ý nghĩa cách mạng sâu xa đối với vận mệnh của dân tộc. Với tất cả những cống hiến của mình, Hồ Chí Minh đã sáng tạo nên một nền văn hóa mới, một sức mạnh văn hóa mới, sức mạnh văn hóa thời đại Hồ Chí Minh, với một xung lực mới đưa tới thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng, kháng chiến và xây dựng xã hội, đất nước.

Ngày nay, trong xu thế đổi mới và hội nhập, văn hóa luôn được xem là động lực của sự phát triển, trong đó những giá trị văn hóa truyền thống là nhân tố đảm bảo cho tính bền vững. Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống là đòi hỏi có tính nguyên tắc của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước ta hiện nay. Để tạo sự thống nhất trong tính đa dạng về bản sắc văn hóa, cần chú trọng đến việc phát huy giá trị văn hóa của mỗi dân tộc. Phát huy, trước hết phải bảo tồn, giữ gìn những giá trị và trên cơ sở đó kế thừa và phát triển lên tầm cao hơn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC RAGLAI Ở TỈNH KHÁNH HÒA

2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - XÃ HỘI CỦA DÂN TỘC RAGLAI

2.1.1. Đặc điểm địa lí

Địa bàn cư trú truyền thống từ xưa đến nay của người Raglai chủ yếu tập trung ở Ninh Thuận, Khánh Hòa, Bình Thuận, Lâm Đồng. Đồng bào cư trú ở vùng núi cao, dọc triền Đông cuối dãy Trường Sơn ở các tỉnh cực Nam Trung bộ. Điều kiện giao thông, đi lại vùng này rất khó khăn nên văn hóa truyền thống của người Raglai chưa được nghiên cứu nhiều. Cuộc sống của người Raglai hầu như chỉ thu hẹp trong khuôn khổ các làng (paloi) của họ, mọi sự giao tiếp buôn bán với bên ngoài đều do các thanh niên trai tráng đảm nhiệm. Chính vì thế các hoạt động văn hóa vẫn mang đậm yếu tố truyền thống.

Năm 2009, người Raglai ở Việt Nam là 122.245 người, chiếm khoảng 0,14% tổng dân số cả nước. Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa, đến ngày 01 tháng 4 năm 2009 người Raglai trên địa bàn tỉnh có 45.915 người, chiếm 37,6% tổng số người Raglai tại Việt Nam, chiếm 3,97% tổng dân số toàn tỉnh. Là tộc người đông dân thứ hai sau người Việt ở Khánh Hòa.

Người Raglai ở Khánh Hòa tập trung chủ yếu ở miền núi, bao gồm hai huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh và một số địa phương ở thị xã Ninh Hoà, huyện Cam Lâm. Ngoài ra, người Raglai còn sống rải rác ở vùng đồng bằng và duyên hải các xã, phường thuộc thành phố Cam Ranh. Trong đó, ở hai huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh là nơi tập trung người Raglai đông nhất trong tỉnh Khánh Hòa, chiếm hơn 60%.

Địa bàn cư trú của người Raglai ở Khánh Hòa rất thuận lợi trong việc giao lưu với các tộc người khác trong cùng ngữ hệ. Phía Tây Nam là tỉnh Lâm Đồng, toàn bộ khu vực phía Tây và phía Bắc là tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai, Phú

Yên – đều là nơi sinh tụ của các tộc người Chu Ru, Êđê, Giarai; phía Đông là vùng duyên hải miền Trung cũng là nơi sinh sống của tộc người Chăm.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Từ bao đời nay người Raglai sống gắn bó với vùng núi rừng trùng điệp. Trong quá trình chinh phục, khai thác vùng đất rừng, người Raglai thích ứng với hoạt động săn bắt, hái lượm, khai thác tài nguyên rừng, sản xuất nông nghiệp nương rẫy, mở mang nghề thủ công và tiến hành trao đổi lâm thổ sản với các tộc người khác trong vùng.

Nguồn lương thực và thực phẩm chính của người Raglai dựa hoàn toàn vào sản xuất nương rẫy và một ít ruộng nước, bắp, lúa là lương thực chính, sau đó bo bo, cao lương, các loại khoai, đậu đỗ cùng nhiều loại rau quả khác. Điều đáng nói là người Raglai ở Khánh Hòa không du canh du cư mà chỉ luân canh trên những đám rẫy của mình đã có.

Ngoài rẫy nương, việc khai thác sản vật từ rừng núi, trong đó có các loài chim thú thông qua việc dọn ranh đặt bẫy và săn bắn cũng là nguồn cung cấp quan trọng. Mặt khác, người Raglai có nhiều vật nuôi, thường là trâu, bò, heo, dê, gà, vịt được nuôi thả phổ biến để làm thực phẩm và lễ vật trong các nghi lễ hoặc của cải để trao đổi, bồi thường...

Hoạt động nghề thủ công, như đan lát, rèn, làm gốm, dệt, ren, làm giấy phát triển đã hình thành nhưng chậm phát triển, chưa thành hàng hóa, chỉ đủ bảo đảm cho nhu cầu cuộc sống cộng đồng.

Ngày nay, người Raglai vẫn duy trì chế độ mẫu hệ. Con gái cưới chồng về nhà mình với quan niệm *chặt cây rừng về làm cột nhà, bắt người ta về làm người nhà mình* và chàng rể, người chồng trở thành trụ cột trong gia đình nhà vợ, gánh vác mọi công việc làm ăn nơi nhà vợ nhưng quyền quyết định những công việc quan trọng, lớn lao vẫn thuộc người vợ và người cậu bên vợ. Con cái sinh ra theo họ mẹ và luôn giữ mối quan hệ huyết thống họ mẹ suốt đời.

đời. Quyền thừa kế của cải, tài sản truyền đời của ông bà để lại chỉ thuộc về con gái và thường là con gái út gánh vác trọng trách quản lý gia đình khi cha mẹ qua đời. Xã hội Raglai truyền thống được điều hành bằng luật tục. Cho đến nay, luật tục đó vẫn còn những kiêng to cỡ lớn, những cấm kỵ cho xứ sở, kiêng cỡ cho đất trời.

2.2. NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC RAGLAI Ở TỈNH KHÁNH HÒA

2.2.1. Những giá trị văn hóa vật thể

a. Phạm vi, cách thức cư trú

Làng (paloi) của người Raglai ở Khánh Hòa là tổ chức xã hội cao nhất của xã hội Raglai cổ truyền. Làng Raglai được cấu thành bởi một hay một số đại gia đình (tộc họ) theo chế độ mẫu hệ trong cùng một họ. Mỗi làng cổ người Raglai chỉ cư trú ở lưng chừng núi. Đó là không gian mà họ được quyền sở hữu mà không xâm phạm đến thế giới khác rất cần đến sự tôn trọng. Mỗi làng được giới hạn trong một phạm vi đất đai, núi rừng do Tổ tiên ông bà để lại hoặc tùy theo địa hình phân định là sông, suối, hòn núi, hang động, đá tảng... Mặc dù không hề có một văn bản chữ viết nào quy định, nhưng khi thành lập một làng, người Raglai Khánh Hòa lấy ba ngọn núi trong địa bàn của làng “phân công” cho ba dòng họ chính phụ trách. Mỗi dòng họ có trách nhiệm thực hiện việc cúng lễ núi rừng hàng năm.

Quan hệ cơ bản của làng người Raglai là quan hệ cộng đồng. Cộng đồng ở đây có nhiều mức độ khác nhau, nhưng mang tính thống nhất không hề đối lập nhau. Cộng đồng lớn là làng, cộng đồng nhỏ hơn là họ tộc và nhỏ nhất là gia đình. Vì thế cộng đồng người Raglai là sự đan kết giữa quan hệ huyết thống và quan hệ xóm làng. Quan hệ cộng đồng là quan hệ bình đẳng, tương trợ, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau trong tất cả mọi lĩnh vực của cuộc sống. Quan hệ cộng đồng hình thành nơi mọi thành viên tư duy bình quân. Đối cùng đối,

no cùng no là một truyền thống tạo nên sức mạnh, động lực cho cộng đồng trong một kỳ nhất định.

Mỗi làng Raglai gồm có Chủ Làng, Chủ Núi và Chủ Xứ việc. Chủ Làng có nhiệm vụ trông coi điều khiển mọi hoạt động, duy trì trật tự trị an, tổ chức lực lượng sẵn sàng cùng phòng chống thú dữ hay bất cứ sự xâm nhập nào từ bên ngoài, chủ trì các lễ hội của làng. Cùng quản lý cộng đồng làng còn có Chủ Núi là người thông thuộc ranh giới đất đai rừng núi thuộc phạm vi mình quản lý, trong đó có ruộng nương rẫy thuộc sở hữu gia đình, sở hữu dòng họ và sở hữu cộng đồng. Phạm vi quản lý của Chủ Núi thường trùng khớp với địa giới của một làng nhưng cũng có trường hợp gồm nhiều làng. Bên cạnh Chủ Làng, Chủ Núi còn có Chủ Xứ việc, người chủ trì các cuộc phân xử sự việc lớn nhỏ xảy ra trong làng. Chủ Xứ việc là người am hiểu sâu sắc phong tục tập quán, nắm rõ những điều kiêng cử cấm kỵ, thông lâu luật tục và quan trọng hơn hết là có cuộc sống mẫu mực, đạo đức, là người công tâm, có uy tín trong dân làng.

b. Cách thức săn xuất và khai thác

Trong văn hoá truyền thống của mình, người Raglai Khánh Hòa không bao giờ lên đỉnh núi mà họ chỉ ở và canh tác giữa lưng chừng núi. Để ngăn việc bạc màu của đất đai canh tác, rẫy nương của người Raglai đều chia làm các loại rừng, rẫy để canh tác. Rừng được phân loại để mọi người trong làng biết mà thực hiện theo luật tục, bao gồm: Rừng núi trên đỉnh là rừng thiêng, rừng cấm tuyệt đối, rừng của riêng từng gia đình, rừng thần độc, rừng để chôn những người chết vì dịch bệnh. Ở các vùng miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, người Raglai trước đây không bao giờ chặt cây trong rừng già, rừng nguyên sinh, rừng đầu nguồn nước để làm nhà. Họ sử dụng chính ngay những cây cối lấy trong rẫy 10 năm mang về làm nhà và các vật dụng khác. Để đối phó với nạn cháy rừng, người Raglai luôn dạy bảo con cháu luôn phải cẩn

thận với việc sử dụng lửa trong rừng. Khi đốt rẫy để canh tác, họ luôn đốt vào lúc đứng gió hay khi gió nhẹ, đốt xong dập hết lửa mới ra về. Nếu ai vi phạm phạm gây ra cháy rừng sẽ bị phạt theo luật tục.

Là người của rừng nên người Raglai ở chỗ nào, sản xuất ở đâu cũng đều phải xin phép thần núi, thần rừng. Tuyệt đối không xâm phạm vào đất đai của người khác. Mỗi gia đình, mỗi làng đều có “địa giới riêng” của mình để canh tác, cư trú. Rừng núi, đất đai là phương tiện sinh sống đặc biệt của người Raglai, được kế thừa từ đời này sang đời khác. Điều đó mặc nhiên được cộng đồng Raglai công nhận. Nương rẫy, rừng và đất rừng tuy là ông bà cha mẹ đã phân chia cho từng cá nhân quản lý sử dụng, nhưng phải hiểu đây là tài sản của ông bà để lại nên không được tự ý chuyển đổi cho người khác, mà phải giữ gìn lưu truyền cho các đời sau theo họ mẹ. Rừng núi là sở hữu cộng đồng. Nương rẫy, ruộng vườn thuộc sở hữu dòng họ. Cá nhân không ai được quyền xâm phạm bờ ranh. Không được để hai ruộng rẫy thông nhau. Rẫy ai có đường nầy đi không được băng ngang qua rẫy người khác vì sẽ xúc phạm đến tổ tiên ông bà người ta. Ruộng rẫy dù có bỏ hoang cũng không có quyền thu hái, sử dụng vì ruộng rẫy đã có chủ. Ruộng rẫy phải có bờ có ranh để mọi người biết, không xâm phạm vào đất có chủ. Phải có rào để cho thú rừng và gia súc của người khác không vào phá phách và không ai được phá ranh, bờ của người khác.

Nông nghiệp nương rẫy vốn là phương thức sản xuất chủ đạo quán xuyên suốt tiến trình hoạt động kinh tế của người Raglai. Chính nghề làm rẫy, chọc lỗ tra hạt đã một phần quan trọng chi phối các hoạt động sản xuất khác và nhiều mặt khác trong sinh hoạt tinh thần của tộc người này.

Một trong những điều cấm kị của người Raglai là không bao giờ được ăn đến lúa, bắp, khoai giống. Dù có thiếu ăn, có chết đói đến nơi họ cũng nhất quyết bảo vệ giống má trong kho để trồng tía cho vụ mùa sau, chứ không hề

dụng đến. Hiện nay trên các nương rẫy người Raglai ở Khánh Hòa, thỉnh thoảng lại thấy một căn nhà sàn nhỏ mà người Raglai dùng làm nhà kho. Từ ngàn đời, dù không cử người canh giữ những nhà kho chứa lương thực trên nương trên rẫy, cũng không bao giờ bị mất cắp, lấy trộm giống má của nhau.

c. Kiến trúc nhà ở

Người Raglai phân chia kiến trúc nhà thành nhiều loại, mỗi loại có một tên gọi tương ứng: Sàc/sàk (nhà ở); pơq/tùc (nhà sàn cao) bao gồm nhà kho, nhà hay chòi giữ rẫy.

Nhà ở cổ truyền của người Raglai là những nhà sàn gần giống như nhà sàn của một số dân tộc Trường Sơn – Tây Nguyên và Đông Nam bộ. Trước đây người Raglai sống trong những ngôi nhà sàn dài sàc inã (nhà mẹ tổ mẫu), trong đó là những hộ gia đình thân thuộc với nhau về phía mẹ, nhà chia thành nhiều buồng cho những gia đình nhỏ trong gia đình lớn, mỗi hộ gia đình lại có các bếp riêng. Trong sử thi akhàt jucar Raglai, để mô tả chiều dài của nhà tổ mẫu, họ đã có những câu hát qua làn điệu siri cổ mượt mà ca ngợi chiều dài căn nhà như tiếng chiêng, tiếng mã la ngân, dài như tiếng chân ngựa thần sai cánh bay.

Ngôi nhà dài truyền thống của người Raglai có kết cấu vững chắc, có nhiều điểm tương đồng như nhà sàn của các tộc người thiểu số Việt Nam: Sàn nhà bao giờ cũng cao hơn so với mặt đất và nghiêng cao dần về phía sau. Độ cao của sàn so với mặt đất tùy theo địa hình cụ thể nơi dựng nhà, nhưng thường cao từ 1,5 đến 2 mét tính từ mặt đất lên đến sàn. Nhà có chiều dài trên dưới 20 mét, ngang 4,5 đến 5 mét. Cầu thang lên nhà sàn người Raglai không ở một bên hồi nhà như nhà sàn của một số dân tộc Tây Nguyên khác, mà lên ngay cửa chính. Đồng thời, để thuận tiện cho việc lên xuống nhà, mỗi căn nhà sàn dài còn có một, hoặc hai cầu thang phụ hai bên đầu hồi, cầu thang này nhỏ hơn chiều ngang cầu thang chính. Cả cầu thang chính và cầu thang phụ

luôn luôn có số bậc là số lẻ 5, 7 hoặc 9 và đều được làm bằng cây, gỗ như cái thang.

Trong nhà, gian chính là nơi ở của chủ nhân, gian chính chia làm hai phần: phía bên phải nhà là nơi ở của người già, cha mẹ chủ nhà, phía bên trái là nơi ở của vợ chồng chủ nhà. Gian bên phải nhà là nơi dành cho con gái mới bắt chồng về, được nối liền với chái nhà. Khi các con gái thứ bắt chồng về, ngôi nhà được làm nối dài ra bên trái, phân cách bằng vách ngăn. Toàn bộ các vách ngăn buồng, vách thung quanh nhà chủ yếu làm bằng cây nứa, tre hoặc lồ ô đập dập và đan theo kiểu lóng một. Theo thời gian, ngôi nhà cứ thế làm dài mãi ra, khi các cô gái lớn đủ điều kiện ra ở riêng thì nhà Tổ Mẫu dành cho con gái út. Theo luật tục của người Raglai, mỗi ngôi nhà chỉ có một chủ nhang. Chủ nhang là chồng của người con gái được thừa kế tài sản của ông bà cha mẹ để lại và là người lo việc cúng kính trong gia tộc.

Nhà dài tổ mẫu của người Raglai ở Khánh Hòa mang giá trị nhiều mặt về văn hóa, kiến trúc và nghệ thuật.

- Giá trị văn hóa

Có thể tìm thấy nhiều yếu tố và biểu tượng là hồi quang của nền văn hóa Đông Sơn, văn minh Sa Huỳnh còn lưu giữ trong nhà dài Raglai. Trước hết là biểu tượng con thuyền. Từ vị trí thuận lợi ở trên cao nhìn xuống một làng Raglai, chúng ta có thể hình dung, như những chiếc thuyền dài đang lướt giữa sóng nước là rừng cây bạt ngàn. Bên trong ngôi nhà, các biểu tượng mặt trời, mặt trăng trên cột cái, trên các đồ dùng hàng ngày cùng họ lên nương lên rẫy; các gam màu đen trắng chủ đạo được tô vẽ trong nhà... Các biểu tượng này phản ánh quan niệm về âm - dương, dấu ấn tín ngưỡng tô tem về nước, lửa trong vũ trụ quan của người Đông Sơn cổ đại.

- Giá trị kiến trúc

Kiến trúc khung nhà dài của người Raglai nói riêng và của các tộc người

Tây Nguyên khác nói chung thuộc loại kiến trúc độc đáo. Chỉ bằng các nguyên vật liệu tại chỗ bao gồm gỗ, tre, lạt, dây mây, song... với các loại mộng, ngoãm đơn giản được khoét từ rìu, rựa, dao, phối hợp với nhau hợp lý, tạo kết cấu chịu lực tối ưu. Bộ khung nhà tương như mỏng manh nhưng chắc chắn, đủ sức chống chọi với nắng mưa, gió bão ở khu vực nắng nóng mưa nhiều.

- Giá trị nghệ thuật

Các họa sỹ, nhà điêu khắc có thể tìm thấy ở nhà dài Raglai nhiều biểu tượng nghệ thuật vừa nguyên sơ vừa mang tính độc đáo. Đó là các hình vẽ, chạm khắc các loại chim thú, cỏ cây, mặt trăng, mặt trời, hình mặt người... Tất cả tương chừng rất thô phác nhưng thật tinh tế, mang đậm tính nhân văn của chủ nhân là tộc người Raglai.

d. Trang phục, trang sức

Trang phục, trang sức của người Raglai chia làm hai loại: Trang phục, trang sức ngày thường và trang phục, trang sức lễ hội.

- Trang phục, trang sức ngày thường

+ Đối với nữ giới

Phụ nữ Raglai mặc cà chăn (váy). Đây là y phục truyền thống của họ. Cà chăn được may liền thành hình ống, rộng gần gấp đôi số đo ở bụng để khi mặc, xếp thành nếp phía trước rồi cuộn, dặt cho chặt. Khi cuộn chặt xong còn để thừa một đoạn dưới rốn để đàn bà con gái dùng cuộn túi vải vào đó. Váy mặc dài chấm bàn chân, khi làm lụng thì cuộn lên bao nhiêu tùy thích. Màu cà chăn thường ngày mặc trong nhà hoặc khi ra rẫy, vào rừng phần lớn nhuộm đen, một số ít dùng màu xanh đậm.

Hoa văn trên cà chăn chủ yếu bố trí thành hai mảng: Phần lưng thường nối thêm một vòng vải màu tùy thích để khi cuộn cà chăn xong sẽ có một vòng trang trí bên dưới áo. Phần chân cà chăn (gấu váy) thường may hoặc

thêu từ một đến bốn, năm đường vòng song song. Mỗi đường cách nhau từ ba đến bốn phân. Chân cà chăn thường là một trong các màu: Trắng, đỏ, xanh... có cái nhiều màu.

Người Raglai còn mặc áo khoang. Áo khoang có hai kiểu: Kiểu áo “chui đầu”. Áo “chui đầu” được mặc từ đầu về tận thân rồi mới xỏ hai tay, vì vậy còn gọi là áo lỗ. Phần may liền của thân áo chỉ lên tới quá rốn, từ đây mới có hai hột nút gài lên tới dưới ngực. Từ kiểu áo chui đầu, về sau người Raglai sáng tạo ra loại áo xẻ thân trước thành hai vạt, có hàng nút lên tới dưới ngực. Chi tiết mà người già lưu ý là: Lốp trẻ phải mặc áo chui đầu cho kín đáo, những người có con mới mặc áo xẻ thân trước thành hai vạt để tiện mở ra khi cho con bú.

Đồ trang sức của phụ nữ Raglai gồm vòng đeo cổ, bông tai, vòng đeo cổ tay, cổ chân. Chất liệu của những trang sức này thường được làm bằng đồng hoặc bằng bạc. Trang sức trên cổ phụ nữ còn có các chuỗi hạt cườm với nhiều cỡ và nhiều màu khác nhau.

+ Đối với nam giới

Người nam Raglai mặc cà giọt (khố), áo khoang và một số ít mặc quần.

Áo của nam giới Raglai giống như kiểu áo bà ba của người Việt, cổ tròn, hai vạt đều, gài nút giữa, dài đến giữa bắp đùi. Áo nam mặc thường ngày chủ yếu nhuộm màu đen, riêng các già làng, những người cao tuổi, chủ làng, chủ núi mới mặc áo trắng, dài ngang gối khi tham dự lễ, hội hoặc khi xử việc theo luật tục.

Cà giọt (khố) là một mảnh vải khổ rộng 20 - 30 phân, dài trên dưới 1,5 mét. Sau khi buộc xong thả hai đầu che phía trước và sau lưng. Đoạn vải thả xuống này thường dài đến quá nửa đùi. Màu cà giọt sử dụng thường là màu đen và xanh. Dọc hai bên biên trang trí bằng hai đường sọc đỏ như đường

viền đơn, rộng hơn một phân. Cũng có người chạy đường viền kép lớn hơn với hai màu đỏ - trắng hoặc dùng vải đen có nhiều sọc đỏ song song.

- Trang phục, trang sức trong dịp lễ hội

+ Đối với nữ giới

Vào những dịp lễ hội, trang phục nữ Raglai có một số thay đổi. Áo thường được thay màu trắng ở đoạn trên thân áo bằng màu khác, thường là xanh, tím, đỏ... Riêng ở đoạn dưới vẫn phải là màu đen và bao giờ cũng khoe yếm nơi ngực. Dải hoa văn quanh cổ áo được thêu nhiều màu sắc và hình hoa lá phong phú hơn. Tay áo trong ngày hội không chỉ trắng - đen mà thường có các màu xanh - đen, đỏ - đen.

Cà chăn thường có hai màu, từ đùi trở lên vẫn giữ màu đen, đoạn dưới thường dùng màu trắng, xanh, tím. Chân cà chăn thêu nhiều đường vòng hoa văn song song những hình trái mây, hình con đĩa, hình bông khác ống tên, hình bông đậu cúc... Màu sắc tùy theo màu nền cà chăn mà chọn màu chỉ thêu.

Khăn đội đầu có hai kiểu vuông và dài. Khăn thường có màu đen hoặc xanh với nhiều sọc đỏ. Nếu là khăn một màu, ngoài hai đường viền mép còn thêu thêm nhiều dải hoa văn song song với nhiều màu sắc sặc sỡ hơn, nhưng hình hoa giống những hình thêu ở cổ áo.

Trang sức của người phụ nữ Raglai dành cho các ngày lễ, hội vẫn như ngày thường nhưng chi khác là nhiều hơn và mới hơn. Lược cài đầu có chạm khắc các hình bông hoa. Đặc biệt, trong các ngày lễ thì con gái, đàn bà Raglai mới đeo đồ trang sức ở cánh tay phải.

+ Đối với nam giới

Những người già, lớn tuổi, chủ làng, chủ núi hoặc những người có của cải mới mặc quần, nhất là khi lễ, hội, khi có công có việc. Quần thường được nhuộm màu đen.

Dây lưng của người đàn ông, con trai Raglai là khổ vải mềm, có chiều rộng, chiều dài gần bằng cà giọt. Dây lưng thường màu đỏ điều. Sau khi buộc xong cũng thả xuống hai bên đùi ngang với độ dài của hai đầu cà giọt. Dây lưng vừa là trang sức, vừa dùng để dắt ống điếu nhồi thuốc và ví, túi đựng trầu thuốc.

Khăn của đàn ông, con trai Raglai thường dài đủ vắn quanh đầu gọn gàng hoặc thả hai mối. Khăn thường chỉ một màu đỏ điều hoặc trắng, ít khi thấy khăn được thêu.

Tóc đàn ông để xõa tự nhiên, một số người búi cao. Lược sừng có chạm khắc hoa văn cài dựng đứng trên tóc. Lược cũng là vật trang điểm cùng với khăn vắn.

Với nam giới, vòng trang sức ở cổ thường đeo răng lợn rừng, làm sạch, khoan lỗ, luồn dây qua để đeo. Người Raglai quan niệm đeo răng lợn, răng hổ và những mảnh xương động vật được cắt gọt, trang trí công phu thể hiện người đàn ông có bản lĩnh, dũng cảm, khỏe mạnh.

d. Ẩm thực

Do đặc điểm thổ nhưỡng và khí hậu khô nóng, việc trồng lúa rẫy của người Raglai gặp rất nhiều khó khăn. Bắp dễ trồng và chịu hạn hơn nên bắp là cây lương thực chính nuôi sống cộng đồng người Raglai. Ngoài ra, người Raglai trồng lúa rẫy nhưng năng suất không cao. Do thường xuyên thiếu gạo, bà con Raglai nấu cơm độn với các loại hạt, củ khác như bắp, đậu, khoai mì, khoai chạp, khoai sấp, khoai từ, khoai mài. Hái lượm cũng góp phần tăng thêm sự phong phú trong văn hóa ẩm thực của người Raglai.

Ngày xưa, săn bắt thú rừng, chim muông, cá nước ngọt ở các con suối góp phần đáng kể vào đời sống kinh tế đồng bào Raglai. Đặc biệt, thịt thú rừng là nguồn thức ăn không thể thiếu trong văn hóa ẩm thực của người Raglai. Tuy nhiên, không phải gặp bất cứ loại thú nào người Raglai cũng có

thể sẵn bắt đem về làm thức ăn. Theo luật tục của người Raglai, họ cấm săn bắt và mang về các loài khỉ, dộc, vượn, khỉ dộc, chuột, ếch nhái về nhà ăn. Riêng các ông thầy cúng kiêng ăn thịt khỉ vì quan niệm khỉ là xú uế. Ngày nay, người Raglai đã biết chăn nuôi gia cầm, gia súc lấy thịt để làm thức ăn. Mặc dù cách chế biến ảnh hưởng nhiều từ người Chăm và người Việt nhưng người Raglai vẫn giữ được cách chế biến truyền thống của mình, đó là: Nướng nguyên con hoặc làm thịt rồi xiên nướng, luộc chấm muối ớt hoặc nấu với các loại rau hoặc lá cây. Nếu nhiều thì phơi khô để dành.

Có thể nói, canh hiêm khỉ thiếu trong bữa ăn của người Raglai Khánh Hòa. Thậm chí người ta còn nấu canh ăn thay cơm khi lương thực trong kho đang cạn dần mà mùa thu hoạch chưa đến. Trong ngôn ngữ hàng ngày, trong ca dao, lời nói vắn và ngay cả trong các sử thi của mình, người Raglai luôn có canh đi kèm theo cơm. Canh được nấu từ nhiều nguồn nguyên vật liệu khác nhau, như rau quả trên rừng, rau quả trồng trong vườn, nấu chung với thịt, cá...

Đối với đồng bào Raglai, rượu cần trước hết là lễ vật dâng cúng trong nghi lễ, cúng các thần, sau đó mới phục vụ nhu cầu con người. Trong nghi lễ cúng tế và ở các lễ hội, rượu cần được đặc biệt chú trọng, từ việc chế biến đến việc sắp đặt các ché rượu và cách mời rượu. Ở lễ hội, người lớn tuổi có chức sắc trong làng là người cầm vôi uống đầu tiên, sau đó người uống mời lại hay mời người khác cũng như vậy, từ người này sang người khác, bên ché rượu, người ta trò chuyện về mùa màng, nương rẫy... và cuộc uống có thể kéo dài thâu đêm. Trong đời sống sinh hoạt hằng ngày, rượu cần là lời chào mời thân thiết khi gặp bạn bè, người thân; là lời chúc mừng những đôi trai gái nên vợ nên chồng trong lễ cưới; là tình cảm xót thương, ly biệt của người sống với người đã mất trong đám tang... Nó thực sự là sợi dây gắn kết từng cá nhân và

cộng đồng, có trở thành một phương tiện văn hóa có sức sống lâu bền trong đời sống của người Raglai Khánh Hòa.

Phong cách ăn uống của người Raglai ở gia đình khá bình đẳng và mang tính cộng đồng cao hơn. Đến bữa, mọi người cùng ăn một mâm, không phân biệt già, trẻ. Dù ăn chung nhưng mỗi thành viên đều được chia những khẩu phần riêng như nhau, một tô cơm, một tô canh, một đĩa muối ớt, nếu có cá thịt cũng chia đều, cơm canh ăn hết tự đi lấy ở nồi chung. Kể cả trong các dịp lễ lạt, mỗi người đều có khẩu phần như nhau. Khi ăn xong phần ai nấy dọn. Phụ nữ Raglai chỉ dọn nồi xoong đựng đồ ăn chung.

2.2.2. Những giá trị văn hóa phi vật thể

a. Quan niệm về vũ trụ

Người Raglai ở Khánh Hòa chia vũ trụ thành ba tầng: Tầng trời, tầng mặt đất và tầng dưới mặt đất. Tương ứng với ba tầng đó có ba thế giới chính: Thế giới trần gian, thế giới ông bà, và thế giới thần linh.

Ở tầng trời, mặt trời là xứ sở cao nhất, nơi tận cùng của tầng trời, nơi cao nhất trong hệ thống trục dọc của vũ trụ. Còn nơi thấp nhất, chỗ tiếp giáp với tầng mặt đất ở đâu thì không ai xác định được rõ ràng.

Tầng mặt đất là nơi sống của con người, có không gian là khung cảnh quen thuộc với thung lũng, núi rừng, ruộng nước, rẫy nương; là làng của họ. Thời gian ở tầng mặt đất hữu hạn bởi cuộc đời con người.

Tầng bên dưới mặt đất, trong lòng đất là nơi ở của những người lùn. Ở đó, giống người lùn xưa nay vẫn sinh sống, lấy vợ gả chồng, sản xuất giống như con người ở tầng mặt đất. Chỉ có điều là ở đó mọi vật đều thu nhỏ lại. Trong quan niệm của người Raglai, tầng dưới lòng đất không phải là thế giới của siêu nhiên, không phải là cõi âm ty địa ngục như quan niệm của người Việt. Tầng trong lòng đất và tầng mặt đất vốn có lối thông thương, qua lại.

Vũ trụ theo nhận thức của người Raglai là khoảng không gian vô cùng vô tận mà con người không thể đo lường được. Người Raglai quan niệm rằng tất cả mọi hiện tượng trong thiên nhiên, tất cả các loài vật, giống vật và con người đều do Chúa Tô sanh sinh ra. Tất cả các giống loài, các vật trên thế gian đều do các Tô sanh cai quản với sự trợ giúp của các vị thần trên trời, trên mặt đất, dưới nước. Sự tồn tại, phát triển của con người và vạn vật có quan hệ mật thiết với tất cả các vật thể trong vũ trụ nhỏ này được người Raglai cho là sự hiện hữu của thần linh. Thần linh cư ngụ ở cả thế giới trần gian và thế giới ông bà; mỗi thế giới, các vị lại có mặt ở tất cả ba tầng, từ tầng trên trời, tầng mặt đất đến tầng dưới mặt đất. Quan trọng nhất và gần gũi nhất với con người là Mặt Trời và Mặt Trăng. Trong đó, Mặt Trời là cha còn Mặt Trăng là mẹ. Ngoài ra, các vì tinh tú cũng được coi ngang hàng với mặt trời, mặt trăng, nhưng ít quan trọng hơn. Hai vì sao sáng nhất là sao Hôm cho biết đang là ban đêm và sao Mai cho biết đang chuyển qua buổi sáng. Người Raglai quan niệm rằng các vì tinh tú là những vị thần do Chúa Tô sanh sinh ra để giúp canh giữ bầu trời và giúp con người, loài vật ở cõi trần gian.

Tư tưởng triết học âm dương ảnh hưởng đậm nét trong vũ trụ luận, trong tư duy và lối sống của người Raglai. Sự đối lập của âm dương ở đây chính là sự đối lập của môi trường tự nhiên rừng - biển. Yếu tố biển đã cùng yếu tố núi rừng hình thành văn hóa của người Raglai và trở thành một thể thống nhất tương sinh tương hỗ.

b. Quan niệm về con người

Người Raglai quan niệm con người có thể xác, vía và hồn. Ngoài thể xác, vía, hồn, mỗi người khi sinh ra còn có thêm tinh: Đây chính là hồn do Tô sanh ban cho. Mọi sự tài giỏi của bất kỳ người nào cũng phải do trời cho chứ không phải muốn mà có, không tự học hỏi mà có được.

Người Raglai quan niệm nam giới có bảy vía, nữ có chín vía. Nam có bốn vía bên phải, ba vía bên trái; nữ có năm vía bên phải, bốn vía bên trái. Vía cư trú trên đầu, vai và trên thân thể của một con người, không cư trú từ bộ phận sinh dục trở xuống chân. Theo Chamaliaq Riya Tieng, nghệ nhân dân gian Raglai ở huyện Khánh Sơn, bên phải chính là bên điều hành toàn thân thể, mọi vận động của con người đều từ phải sang trái. Đây cũng chính là chiều sinh của vận động theo quan niệm dân gian người Raglai.

Vía thứ nhất là vía xứ sở. Đây là vía rất quan trọng không những chi phối trực tiếp đến sinh mạng con người mà còn ảnh hưởng đến tất cả các hoạt động trong đời sống con người do dính líu đến Thần hồn, Bà Tổ xứ sở bên kia. Bà Tổ nơi thế giới bên kia là người mẹ lớn sắp đặt cho hình thành tính chất, sức sống của mỗi thân phận con người trên thế gian.

Vía thứ hai là vía chủ thể Tổ thần bản thân. Là Vía do vị thần chăm lo làm cho con người sinh ra có thân thể hoàn chỉnh, không dư không thiếu. Những người sinh ra mà thân thể không trọn vẹn như mắt mù, tay chân cong queo, hoặc bàn tay, bàn chân có sáu ngón... theo người Raglai là do người này có những sai phạm với thần linh nên bị trách phạt, vị Tổ thần bản thân không thể giúp cho thân thể được hoàn hảo.

Vía thứ ba là vía ngựa Thần hộ thân cốt nhục. Vía do vị Thần giữ vai trò bà mẹ đỡ đầu cho người sinh ra trong dòng tộc được khỏe mạnh, nhanh nhẹn, tháo vát, biết làm những việc lợi ích cho dòng tộc, xóm làng.

Vía thứ tư là vía Thần hồn hơi thở hay còn gọi là Vía ống bễ lò rèn. Là vía tiếp hợp sinh khí cho con người. Đây là vía rất quan trọng vì khi vía này không còn hỗ trợ nữa thì con người sẽ không còn sức sống như ống bễ lò rèn đã nguội lạnh.

Vía thứ năm là vía đầu đuôi niệm cầu linh nghiệm. Vía của vị Thần giúp con người có tánh linh nhận biết, dự đoán những việc sắp xảy ra, có trí sáng

suốt, có tài ứng biến, linh hoạt trong nói năng, nhạy bén trong xử lý công việc. Nếu thiếu vía này, con người sẽ đần độn, ngờ nghệch, vụng về trong mọi công việc, trở thành gánh nặng cho mọi người.

Vía thứ sáu là vía bán buôn, mua sắm sinh. Vía bán buôn, mua sắm sinh lời là vía nghĩa vụ, vía trách nhiệm. Vía do vị Thần giúp cho con người có năng lực làm việc, thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của mình với ông bà, thần linh, dòng tộc, gia đình.

Vía thứ bảy là vía bả vai, đỉnh đầu. Là vía ở hai vai và đỉnh đầu làm cho con người có sức mạnh của cơ thể để mang vác, làm việc nặng nhọc, có trí óc sáng suốt, có suy nghĩ, hiểu biết công việc mình cần làm để khi làm công việc gì cũng đều thuận lợi.

Mọi người sống đều có linh hồn. Người Raglai cho rằng có ba loại hồn: hồn đầu lòng, hồn giữa và hồn út. Hồn út và hồn đầu lòng mỗi loại chỉ có một, còn hồn giữa có nhiều hơn, không có số lượng cố định bắt buộc. Hồn giữa có thể là 3, 5, 7 hay nhiều hơn nữa nhưng đó phải là số lẻ. Theo một số người già Raglai ở huyện Khánh Sơn, nếu hồn giữa càng nhiều thì người đó sống càng lâu.

Hồn lấy xác làm nơi trú ngụ. Khi con người tắt thở, hồn thoát khỏi xác. Vía không còn nữa, tan biến cùng với thể xác. Tinh trở về tầng trời để chờ ban phát cho người khác. Khi con người chết, linh hồn tác động vô trật tự, làm hỗn loạn sinh hoạt của cõi sống. Bởi vậy, người sống phải đưa ma từ thế giới tự nhiên về thế giới của siêu nhiên, về cõi chết. Hồn đầu lòng và hồn giữa được đưa vào ở tạm trong cây dẫn chờ đến lúc làm lễ bỏ ma nhập thể với hồn út để về với thế giới ông bà. Sau khi làm lễ bỏ ma, ma về thế giới ông bà. Hồn sẽ đầu thai trở lại trần gian và được Tổ sanh ban cho một tinh khác để trở thành con người khác với người đã chết.

c. Lễ hội và phong tục tập quán

Lễ hội của người Raglai Khánh Hòa rất đa dạng và phong phú. Song, xét về tính mục đích có thể chia thành hai loại chính: Nghi lễ nông nghiệp và nghi lễ vòng đời.

- Nghi lễ nông nghiệp

Theo tín ngưỡng đa thần của mình, người Raglai cho rằng mỗi loại cây trồng đều có hồn riêng và có thần hồn: Thần hồn lúa, Thần hồn bắp... Trong đó, cây lúa và cây bắp là cây lương thực chính đảm bảo đời sống hàng ngày của họ, hai loại cây này lại thường trồng chung với nhau nên một số nơi ghép chung thành Thần Bắp Lúa hoặc rộng hơn là Thần Bắp Lúa Kê Mè. Những vị Thần này luôn được người Raglai coi trọng, tôn vinh bằng nhiều tên gọi, thêu dệt qua nhiều truyền thuyết và có một loạt nghi lễ liên quan trực tiếp đến vụ mùa cây trồng trong năm.

+ Lễ cúng rẫy

Lễ cúng dọn rẫy, dọn rạ đầu năm được thực hiện vào ngày thứ ba của năm mới, tiến hành liên tiếp trong ba ngày liền. Lễ vật gồm ché rượu cần, vài con gà, xấp lá trâu và đĩa trâu tằm. Lễ tổ chức nơi rẫy chính, nơi trước đây hoặc nơi rẫy mới phát dọn.

Nội dung cầu cúng chủ yếu là họ cầu xin thần linh phù hộ cho trồng lúa, bắp sanh ra nhiều. Các cây trồng đều phát triển tốt không bị sâu rầy, chim chóc, thú rừng cắn phá, không bị nắng đốt cháy làm cho lúa lép, bắp không ra hạt, không cho bão lụt làm sập lở cuốn trôi. Cầu tránh mọi tai họa cho cây trồng và cho cả con người.

+ Lễ cầu mưa, nắng

Nghi lễ cầu mưa là một trong những nghi lễ quan trọng nhất của người Raglai. Vào tháng hai âm lịch hằng năm nếu vẫn chưa nghe thấy tiếng sấm la sấm gọi thì bà con Raglai phải tổ chức lễ cầu mưa. Các lễ vật chính để cúng

gồm: Xấp trâu, trâu tằm, vài nhánh cau, củ chuối, bát gạo có trứng gà, bát cơm..., các món thịt gà, vịt... Riêng những năm tháng nắng gắt, nắng hạn thì phải có con dê. Gà phải luộc nguyên con không được quá chín để cúng xong họ xem bói lưỡi gà.

Nội dung của lễ cầu mưa là cầu cho mưa thuận gió hòa, sản vật trăm

hoa trăm quả và con người mạnh khỏe; súc vật có nước uống và không bị dịch bệnh. Lễ cầu mưa cũng chính thức báo hiệu bắt đầu một chu kỳ sản xuất của một năm mới.

+ *Lễ tria hạt*

Với mong ước được mưa thuận gió hòa, mong kiến, mối không hại giống, mong cho lúa, bắp xanh tươi, gia chủ lại đem lễ vật ra cúng tại rẫy. Lễ vật gồm có: Cơm, gà, bánh tét, chuối, rượu, trâu cau và đặc biệt là có thêm vài quả trứng luộc với ngụ ý cầu mong cho mọi sự được khai sinh, nảy nở, phát triển tốt đẹp.

+ *Lễ cúng lúa ngậm đòng*

Thời gian tổ chức cúng kéo dài từ lúc lúa ngậm đòng lác đác cho đến lúa ngậm đòng đồng loạt, có điều kiện lúc nào thì cúng lúc ấy. Mục đích lễ cúng này là cầu cúng xin Thần lúa, Nhang cho lúa ngậm nhiều sữa, cho hạt lúa to tròn như hạt bắp, cho gié lúa to như gié bông lau, cho lúa không có hạt lép... Lễ cúng được tổ chức hai nơi, tại nhà chủ nhang và trên rẫy.

+ *Lễ cúng lúa chín*

Khi lúa đã chín vàng rơm chuẩn bị thu hoạch người ta tổ chức lễ cúng hồn Lúa. Trong lễ cúng này người chủ lễ chọn nơi lúa thật tốt buộc chùm lại, lúa trong chùm này được chọn làm lúa Thần. Lễ cúng lúa thần là lễ rất trang trọng trong các nghi lễ nông nghiệp của người Raglai và tất cả mọi người đều phải tổ chức lễ này trước khi thu hoạch lúa mùa.

+ *Lễ tạ ơn Thổ sanh lúa, bắp, kê, mè*

Người Raglai rất trân trọng và tỏ lòng thành kính đối với Thần Thổ sanh bắp lúa bằng các nghi lễ cầu cúng. Lễ này được tổ chức hàng năm để tạ ơn Thần thổ sanh bắp, lúa, kê, mè. Trường hợp ba năm liền mùa màng tươi tốt, thu hoạch được nhiều lúa, bắp thì ba năm làm lễ cúng tạ ơn cơm trắng khăn cầu hầu tạ. Nghi lễ này được tiến hành trang trọng hơn nghi lễ hàng năm nên đòi hỏi lễ vật nhiều hơn và đủ các vật phẩm: Cơm trắng, gạo tinh, heo to, gà béo, rượu ché ngon; nhưng thường thì chỉ sáu con gà, 5 - 6 tay heo, sáu ché rượu cần. Nếu ba năm liền mưa nắng thất thường, gia đình gặp đau ốm bệnh tật, mùa màng, rẫy nương thất bát thì có thể đợi đến bảy năm mới làm lễ tạ ơn. Đây là lễ hội lớn nhất mà người Raglai dành cho Thần lúa bắp kê mè và các chư thần linh liên quan đến mùa màng.

- *Nghi lễ vòng đời*

Trong thành tố văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, người Raglai có các nghi lễ vòng đời tiêu biểu như sau:

+ *Lễ khai sinh đặt tên*

Sau khi sinh được một tháng, cha mẹ tiến hành làm lễ khai sinh đặt tên cho con mình. Các lễ vật được bày biện tại "cột cái" nhà. Ngày nay, nhà của người Raglai được xây bằng gạch thì họ cúng ở một góc nhà nào đó, xem như đó là cột cái của căn nhà truyền thống của họ.

Trong lễ này cha mẹ khấn bái cầu chúc phúc cho con, cầu ông bà tổ tiên phù hộ cho đứa bé. Sau khi khấn bái xong, nếu đứa bé là con trai thì người cha lấy tên nó bắn về hướng mặt trời mọc 7 mũi tên, bắn về hướng mặt trời lặn 6 mũi tên; đứa bé là con gái thì người mẹ vỗ vào nong vào nia, lấy chày giã vào cối. Tất cả chi mang tính ước lệ cầu cho con trai khỏe mạnh nhanh nhẹn, giỏi việc săn bắt sản xuất, cầu cho con gái tháo vát, đảm đang việc nhà, trông coi việc *bếp núc nồi niêu nước củi*.

+ Lễ *Cái sanh*

Người Raglai quan niệm sau khi làm lễ bỏ ma, người chết về với thế giới ông bà, từ đó lại đầu thai trở lại trần gian ngay trong chính dòng họ của mình hoặc trong làng. Do đó, để đứa bé sống khỏe mạnh, không còn xấu hổ nữa, cần phải làm lễ *Cái sanh* cho nó.

Lễ *Cái sanh* do cha mẹ đứng ra làm cho con cái, không kể là gái hay trai. Thời gian làm lễ *cái sanh* từ khi đứa trẻ được 1 tuổi trở lên. Bất kỳ lúc nào làm cũng được nhưng buộc phải làm. Nếu đã lấy vợ lấy chồng rồi thì hai bên cha mẹ cùng lo.

Vật không thể thiếu trong lễ *cái sanh* đó là một chiếc bè làm bằng bẹ chuối kết lại và vật cúng *cái sanh* cho người được cúng. Lễ *Cái sanh* được tiến hành bởi thầy *Cati* – những người dường như giao tiếp được với thần linh.

Khi cúng có thể cha mẹ khẩn bái cầu mong ông bà tổ tiên, cầu nhang cho người được cúng *cái sanh*, không còn "xấu hổ" nữa mà sống với hòa hợp gia đình. Nếu cha mẹ không biết khẩn bái có thể mời thầy *Cati* khẩn giúp. Sau khi cúng xong người trong nhà mang chiếc bè ra rừng ra suối mà thả.

+ Lễ *cầu Thượng đế*

Trong đời sống của mình, khi có sự việc "chăng lành", mắc lỗi, bệnh hoạn hay làm ăn thất bát, khó khăn... người Raglai lại khẩn nguyện cầu cúng thượng đế mong ngài ban phước lành phù trợ cho mọi chuyện suôn sẻ, bệnh hoạn qua đi. Lễ này thường là hai lần: Lần đầu là cầu xin, lần thứ hai là lễ tạ. Điều này giống như người Kinh đi cầu nguyện các nơi thờ tự, sau đó đi cúng tạ ơn.

+ Lễ *cưới*

Lễ *cưới* của người Raglai chia làm hai loại: Lễ *cưới* trang trọng và lễ *cưới* phật. Lễ *cưới* trang trọng dành cho trai gái sau khi tìm hiểu nhau trai trắng, gái lành thì được phép tổ chức lễ *cưới* này. Đối với trai gái đã có quan

hệ xác thịt trước hôn nhân hoặc vì không đủ điều kiện tổ chức họ sống với nhau như vợ chồng, đến khi nào có đủ điều kiện vật chất thì làm lễ cưới phạt. Có những cặp vợ chồng sống với nhau hàng chục năm, có nhiều mặt con rồi mới làm lễ cưới.

Lễ cưới của người Raglai thường được tổ chức hai bên gia đình, nhà trai trước, nhà gái sau. Trong gia đình làm rượu cần, giết heo hoặc trâu bò, gà... để thiết đãi bà con làng xóm. Mọi người đến chung vui đều mang theo rượu, gạo, trứng gà sống hoặc vật nuôi trong nhà đến để góp chung vui với gia đình. Trong lễ cưới hai vợ chồng cùng hai ông cậu bên vợ bên chồng ngồi trên một chiếc chiếu trải ở cột cái nhà làm lễ cầu nhang, chứng nhận cho hai người thành vợ thành chồng.

+ Lễ đền ơn đáp nghĩa cha mẹ

Đề báo đền công ơn cha mẹ, từ xa xưa tộc người Raglai đã tổ chức Lễ đền ơn đáp nghĩa và lưu truyền cho đến ngày nay. Khi cha mẹ đã đến lúc mới gỏi chồn chân, da nhăn má hóp, các con phải tổ chức lễ đền ơn đáp nghĩa mẹ cha. Ý nghĩa của lễ này là tỏ lòng hiếu thảo và ghi nhớ công ơn trời biển của cha mẹ, đồng thời giáo dục cho con cháu về đạo hiếu đối với ông bà cha mẹ.

Lễ đền ơn đáp nghĩa của người Raglai mang không khí vừa trang nghiêm, vừa thành kính; hết sức cảm động, chân tình trước sự chứng kiến của họ hàng và xóm làng. Đây là nét đẹp trong văn hóa truyền thống của tộc người Raglai ở Khánh Hòa.

+ Lễ Mừng thọ

Lễ này tổ chức khi người Raglai có điều kiện về kinh tế và tuổi từ 50 mùa rẫy trở lên. Thông thường chỉ làm cho đàn ông hay ở một vài phụ nữ có tài ăn nói giỏi được làng chấp nhận.

Lễ vật được bày tại cột cái nhà để cúng tạ ông bà tổ tiên. Sau phần lễ là phần hội. Mọi người trong làng, trong dòng họ đến chúc tụng và hát hò ăn

uống. Phần hội này kéo dài đến 2,3 ngày, mọi người ăn cho hết mới trở về nhà mình.

+ *Lễ tang, lễ hội bỏ ma*

Việc tang của người Raglai có thể chia thành ba giai đoạn chính, đó là: Lễ nhập quan tài, chôn cất người chết và lễ bỏ ma.

Sau khi tắt thở, người chết được sửa sang lại quần áo, lau chùi các vết bẩn trong người, đặt nằm ngay ngắn trên khăn vải. Người trong nhà vuốt mặt người chết, dọn bày chén cơm lễ, khăn cầu nhang và khóc tế người chết theo tục lệ ông bà khi có người thân chết. Không như người Việt, phải chờ đến lúc làm lễ nhập quan, làm lễ thần phục cho gia quyến xong người ngoài mới đến viếng, đối với người Raglai người đến thăm lúc nào cũng được. Khi đến mọi người có lon gạo, trứng gà sống, trâu cau, xì rượu trắng góp vào giúp cho gia đình thân nhân và khóc cầu nhang giúp cho người chết.

Trong gia đình nhờ một người khác trong dòng họ hay trong làng làm chủ nhang, lễ tang người Raglai ở Khánh Hòa không mời thầy cúng. Người chủ nhang cầm cây chà gạc, cây rựa hoặc một cây nhỏ có gắn miếng đồng, hay mảnh đá kêu gọi là Gai tuah (gọi chung là cây giữ ma) làm động tác như xua đuổi hồn vía mọi người xung quanh, tiếp đó cầm cây giữ ma múa từ xác chết sang quan tài và thu giữ hồn của người chết vào vật đó dùng để sử dụng lúc đi chôn và trong lễ bỏ ma. Suốt thời gian từ lúc này cho đến lúc hoàn tất lễ bỏ ma hồn người chết được giữ trong cây giữ ma.

Người Raglai với quan niệm rằng: Khi một người chết, hồn vía của họ sẽ thất lạc, bơ vơ. Vì vậy họ có tục gọi hồn người chết nhập vào một vật nào đó trước khi làm lễ bỏ ma.

Thời gian của Lễ bỏ ma tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của từng gia đình. Có thể là 1,2 năm, thậm chí nhiều năm sau, khi người thân của người chết có đủ khả năng sửa chữa các lễ vật. Để lễ bỏ ma tổ chức đầy đủ, trọn vẹn

theo đúng phong tục, gia đình người chết phải mời mọi người trong paloi, mọi người trong họ hàng với nhiều gà, heo, rượu thậm chí cả trâu, bò.

Sau lễ bỏ ma, linh hồn người chết hoàn toàn tách khỏi mọi ràng buộc của người sống, người chết về với thế giới ông bà tổ tiên, từ thế giới này lại đầu thai làm người. Còn người sống được cắt đứt mọi liên hệ với người chết. Do vậy người Raglai không có tục thờ cúng hay làm bàn thờ người chết sau lễ bỏ ma.

d. Văn học - Nghệ thuật

Do không có chữ viết nên kho tàng văn học của người Raglai được lưu truyền lại cho đời sau chủ yếu bằng con đường truyền miệng. Vì bằng con đường truyền miệng nên nội dung có nhiều mất mát, bên cạnh đó cũng có nhiều dị bản. Ngày nay, kho tàng văn học - nghệ thuật vẫn còn khá phong phú với các thể loại: Sử thi, truyện cổ, lời nói vần, câu đố, dân ca và các nhạc cụ dân tộc, múa dân gian Raglai ...

- Văn học

+ Sử thi

Theo định danh của các nhà nghiên cứu folklore ở Việt Nam hiện nay, sử thi của người Raglai được gọi tên đầy đủ là *sử thi akhàt jucar*, để phân biệt với các *akhàt jucar* cũng là những câu chuyện được hát kể nhưng không mang đầy đủ các yếu tố để trở thành một sử thi đích thực.

Sử thi akhàt jucar theo ngôn ngữ của người Raglai có nghĩa là truyện hát. Tất cả các sử thi akhàt jucar Raglai đều có thể phân các khúc hát tùy theo nội dung của câu chuyện. Mỗi khúc hát có thể có nội dung giống như chương hồi của các truyện kể của Trung Hoa. Có lúc khúc hát là sự tiếp nối của câu chuyện nhưng ở không gian khác. Xen lẫn trong lúc hát, nghệ nhân vẫn có một vài câu nói. Sử thi akhàt jucar của người Raglai là những tác phẩm dài

hơi nên để kể hết một câu chuyện, các nghệ nhân phải mất từ ngày này sang ngày khác, ít nhất cũng phải mất một ngày hoặc một đêm.

Sử thi akhàt jucar Raglai được sử dụng trong các hội hè, các buổi sinh hoạt vui chơi, mang theo những câu chuyện được truyền từ đời này sang đời khác bằng phương thức trao truyền qua trí nhớ từ người hát đến người nghe. Cứ như vậy, các sử thi akhàt jucar của người Raglai qua mỗi người kể lại sinh ra một dị bản. Ví dụ như: Sử thi akhàt jucar “Awoi nãi TiLor” (nàng TiLor) được nhóm Trần Kiên Hoàng - Chamaliaq Riya Tieng sưu tầm tại huyện Khánh Sơn tỉnh Khánh Hòa do nghệ nhân Mấu Thị Giêng ở xã Sơn Bình huyện Khánh Sơn tỉnh Khánh Hòa hát có độ dài 44 băng cassette (loại C90). Trong khi đó, một dị bản khác của cùng sử thi này được thu tại thị trấn Tô Hạp huyện Khánh Sơn tỉnh Khánh Hòa do nghệ nhân Chamaliap Cường trình bày với nội dung giản lược chỉ còn 8 băng.

Hầu hết các sử thi akhàt jucar Raglai đều bắt đầu từ một công thức chung. Nghệ nhân kể về những câu chuyện trong một thời đại mơ hồ: “Ngày xưa ... ngày xưa... Đã từ lâu lắm rồi...”. Thời gian bắt đầu không xác định và kết thúc thông thường bằng một sự tốt đẹp cũng trong một tương lai mơ hồ, không xác định với thực tại. Mở đầu của các sử thi akhàt jucar Raglai thường giống nhau ở chỗ nêu ra một không gian - thời gian của câu chuyện như: Tại một paloi Raglai nọ, ở một gia đình kia, ở cõi phàm trần... Tuy nhiên, cái không gian ấy chẳng có gì là cụ thể, chính xác. Đó chỉ là một chỉ báo hết sức phiếm chỉ. Với cách mở đầu như thế, sử thi akhàt jucar tạo nên một không khí cổ tích thực thực hư hư, khiến người nghe quên mất mình đang tồn tại ở đâu, vào lúc nào và để rồi người nghe chìm sâu dần vào câu chuyện, cùng sống với các nhân vật sử thi, cùng với các vị thần trong câu chuyện ngao du khắp đây đó. Câu chuyện trong sử thi akhàt jucar Raglai thường kết thúc bằng mọi điều tốt đẹp cho các nhân vật chính nghĩa, các nhân vật anh hùng

bảo vệ xóm làng. Dấu vết họ để lại qua các câu chuyện được nghệ nhân chứng minh là có thực bằng con sông, dòng suối trên mảnh đất họ sinh sống, qua các dụng cụ thường ngày họ sử dụng, qua kết cấu, kiến trúc của căn nhà truyền thống...

Cũng như sử thi Tây nguyên, các chàng trai, các nhân vật anh hùng trong sử thi akhàt jucar Raglai đều có nhiệm vụ chủ yếu là lấy vợ, sản xuất và đánh giặc. Đặc biệt, các nhân vật nam, nữ anh hùng kiệt xuất trong akhàt jucar Raglai đều kết hôn với con cái thần linh, hay ít nhất cũng là con cái của các tù trưởng, vua chúa lân bang, thậm chí là con gái của kẻ xâm lược.

Nhân vật chính các truyện đều đi thành cặp nam - nữ; nơi ở của họ là “một paloi nọ, từ một núi kia”, hoặc nhân vật có nguồn gốc thần linh, các nàng công chúa, hoàng tử của xứ sở biển to, sông lớn. Nhân vật chính cũng có thể được mang lột thú, lột vật, nhưng đến khi kết thúc câu chuyện nhân vật chính cởi bỏ lột vật trở thành chàng dũng sĩ Raglai oai hùng, xinh đẹp lạ thường. Bên cạnh các nhân vật trung tâm, trong các sử thi akhàt jucar Raglai được công bố không bao giờ thiếu là nhân vật thần linh. Các nhân vật thần linh trong sử thi akhàt jucar Raglai cũng được xây dựng như một người trần gian, họ có đủ *hý, nộ, ái, ố*... Các vị thần có thể giúp cho nhân vật chính diện hoặc nhân vật phản diện tạo ra những cuộc chiến tranh đẫm máu với nhân vật chính. Có thể phân chia các nhân vật thần linh trong sử thi akhàt jucar Raglai làm hai nhóm: Nhóm chống đối, gây chiến tranh và nhóm hỗ trợ, giúp đỡ.

+ *Truyện cổ*

Truyện kể thần thoại

Thần thoại Raglai mang tính chất hoang đường, huyền hoặc. Người Raglai buổi đầu cho rằng trời và đất là hai vị thần “Giàng” nhờ thần Bung dày công sáng tạo vũ trụ. Thần làm ra một cái búa nhỏ, Trời làm ra một cái búa ngắn, để tạo nên sự sống loài người giao cho thần mưa, thần gió, thần

sấm trông cây xây núi tạo ra mặt đất mà người Raglai sinh sống từ thủa xa xưa cho đến nay.

Cùng chung mô típ với truyện cổ tích như các tộc người anh em khác, truyện thần thoại suy nguyên nòi giống về thần Cởi Masiri và Mỏq Vila đánh thắng Trời lấy được bầu máu của trời làm ra con cháu họ đẹp như tiên; rồi tìm đến nơi thần Sét lấy cái búa đem về làm ra sắt để rồi ông trông cây, bà xây núi. Sự tích họ tộc người Raglai từ đây mà truyền miệng. Như một dòng chảy liên tục và bình thản, mãnh liệt, các loại hình văn học dân gian tiếp tục được đồng bào sáng tạo, lưu truyền.

Truyện thuyết, sự tích

Truyện thuyết Raglai tiếp tục dòng suy nguyên về nguồn gốc loài người, nguồn gốc tộc người, lý giải về các họ, giải thích các địa danh, trong đó nhân vật và hoạt động luôn thể hiện mối quan hệ mật thiết đến địa bàn cư trú, cùng với quá trình phát triển lịch sử của tộc người Raglai.

Trong truyền thuyết của người Raglai còn phản ánh quan hệ nguồn gốc giữa hai tộc người Raglai và Chăm mà người Raglai luôn tự nhận mình là em. Nhiều chi tiết trong truyền thuyết, truyện cổ, còn cho thấy tộc người Raglai sống trong vương quốc Chăm-pa, đứng đầu là Putau Chăp (vua Chăm) rất chan hoà. Về sau, trong truyện cổ, dân ca còn phản ánh rõ nét hơn giữa ba tộc người Raglai, Chăm, Việt, trong đó người Raglai luôn tự nhận mình là em út, thua kém anh thứ hai người Chăm và anh cả người Việt. Điều này đã một phần minh chứng cho sự đoàn kết giữa người Raglai và tộc người Chăm, Việt trong suốt quá trình lịch sử chung sống với nhau.

Truyện cổ tích

Truyện cổ tích Raglai có số lượng lớn, chiếm vị trí quan trọng trong kho tàng văn học dân gian. Chủ đề trong truyện phong phú, hoạt động của các nhân vật có nhiều tình tiết hấp dẫn, đôi khi in đậm dấu ấn thần kỳ. Nhân vật

trong truyện có lúc là người, có lúc toàn là vật... Nhưng suy nghĩ, nói năng hành động không khác gì nhau, đôi khi biến hóa đến vô cùng.

Nhóm truyện có nhân vật mang yếu tố thần kỳ khá phổ biến trong truyện cổ Raglai. Trong nhóm truyện thể sự, phần lớn phản ánh đời sống cộng đồng trong đó có tình máu mủ ruột rà, tình yêu lứa đôi, thái độ ứng xử hàng ngày biểu hiện rõ nét tính nhân văn và có tính giáo dục đạo đức cho người đời thật sâu sắc.

Nhóm truyện loài vật trong truyện cổ Raglai là mảng đề tài phong phú và khá hấp dẫn. Qua câu chuyện dân gian, người Raglai muốn gửi gắm ý nghĩa giáo dục nhẹ nhàng, biểu dương những con vật dù nhỏ bé mà thông minh tài trí, yếu ớt vẫn có thể thắng kẻ mạnh hơn mình gấp nhiều lần, ca ngợi lòng dũng cảm, chê bai thói lừa lọc, ranh ma, phản phúc.

- *Nghệ thuật*

+ *Âm nhạc*

Âm nhạc là một bộ phận không thể thiếu trong đời sống văn hóa tinh thần của người Raglai, nó là hình thức quan trọng chuyển tải tình cảm, khát vọng sống, đồng thời nó cũng góp phần tạo nên trạng thái cân bằng, hưng phấn cho cuộc sống của họ.

Mặc dù chưa có một nền âm nhạc bác học, nhưng người Raglai sở hữu rất nhiều loại nhạc cụ khác nhau, tiêu biểu như: Mã la, đàn đá, ku – póc (được dùng chung với đàn mã la để đệm cho hát), đàn chapi, katèh (nhạc cụ hơi), sáo dọc, trống ... Trong đó, mã la và đàn đá là hai nhạc cụ được xem như vật thiêng của dân tộc Raglai.

Trong các nhạc cụ truyền thống của dân tộc Raglai, mã la được coi là nhạc cụ tiêu biểu nhất, quan trọng nhất và gần gũi nhất đối với đồng bào. Theo cách phát âm của người Raglai, mã la gọi là Sar hoặc có nơi gọi là Char.

Theo quan niệm của đồng bào Raglai, mã la là nhạc cụ thiêng, mỗi chiếc mã la được coi như một vị thần và chỉ có âm thanh của mã la mới có thể thay lời nói của con người để giao tiếp với thần linh. Trước khi sử dụng mã la, người Raglai đều phải cúng tạ ơn Giàng để xin phép. Khi sử dụng mã la tuyệt đối không được bước chân lên, không được dùng vật gì đó gõ mã la mà phải dùng phần thịt của nắm tay đánh nhẹ lên mặt mã la vừa là để tạo âm thanh êm hơn, đồng thời không làm mã la bị “đau”. Mỗi khi sử dụng xong, vật thiêng mã la phải được đặt trình trọng ở một nơi cao thoáng, sạch sẽ, thường là vách trong phía bên trái của ngôi nhà sàn.

Biên chế của một dàn mã la của dân tộc Raglai ở Khánh Hòa thường là 5 chiếc, đôi khi là 4, 7, 9 chiếc hoặc ít gặp hơn là 11 chiếc. Tùy thuộc vào quan niệm vị trí của từng mã la mà mỗi vùng, mỗi địa phương của đồng bào dân tộc Raglai ở Khánh Hòa có tên gọi khác nhau song hầu hết người Raglai đều coi bộ mã la là một gia đình mẫu hệ. Thông thường theo cách gọi của đồng bào, chiếc trầm nhất có vai trò là mẹ, rồi đến cha; kế tiếp con gái lớn, con gái thứ, con gái út có âm thanh cao nhất.

Người Raglai ở Khánh Hòa sử dụng mã la trong nhiều trường hợp khác nhau. Nó có mặt trong hầu hết các lễ hội. Nó theo suốt “vòng đời” của người Raglai từ lúc sinh ra cho đến khi lìa đời. Nó là “vật thiêng”, là tiếng nói của thần linh, là phương tiện giao tiếp giữa người và người; giữa người và thần linh. Nó có mặt hầu hết trong các lễ hội, lao động, sinh hoạt. Nó theo suốt vòng đời của tộc người Raglai từ khi sinh ra cho đến khi mất đi.

Người Raglai chủ yếu có 3 cách bố trí đội hình khi hòa tấu mã la:

Một là, ngồi xếp bằng hàng ngang (thường trong nhà sàn)

Hai là, đứng thành hàng ngang (thường ở ngoài trời, cũng có thể trong nhà)

Ba là, đi vòng tròn ngược chiều kim đồng hồ (có thể đi vòng quanh cây cột cái trong nhà sàn, hoặc ngoài trời).

Cách bố trí đội hình diễn tấu *mã la* đi theo hướng ngược chiều kim đồng hồ xuất hiện khá phổ biến ở đồng bào dân tộc Raglai. Mỗi nghệ nhân đảm trách một chiếc, hòa với nhau để tạo nên điệu chiêng hoàn chỉnh.

Các điệu chiêng của Raglai thường có giai điệu khá rõ nét, tiết tấu vừa phải hoặc chậm cho người nghe cảm giác nhẹ nhàng có pha chút man mác buồn; không rạo rực, bông cháy như các điệu chiêng của người anh em Êđê vốn cùng chung ngữ hệ. Điệu chiêng Raglai có độ dài từ bốn đến tám nhịp 4/4, lặp đi lặp lại nhiều lần và kết bài theo quy định của người giữ chiêng mẹ.

Người Raglai diễn tấu *mã la* trong tư thế vừa đi vừa nhún nhảy rất độc đáo. Vì thế mà người Raglai còn gọi cách diễn tấu *mã la* là “múa *mã la*”. Đối với người Raglai thì *mã la* là nhạc cụ không chỉ dành riêng cho nam giới mà cả phụ nữ đều được phép sử dụng. Khi diễn tấu họ không dùng dùi mà phải đánh bằng tay tạo nên âm thanh dịu dàng, mềm mại.

Cuộc sống trước đây của người Raglai chủ yếu dựa vào hoạt động nông nghiệp phát nương, làm rẫy. Trong khi phát nương làm rẫy, họ đã có sáng tạo độc đáo là tìm những phiến đá, những thanh đá kê nằm rải rác trên sườn núi, dưới lòng suối, rồi kết hợp với vật liệu tre nứa, dây mây làm giàn treo các thanh đá nơi các suối nước có dòng nước đổ từ cao xuống trực tiếp vào thanh đàn đá hoặc gián tiếp qua một dụng cụ gỗ để tạo ra âm thanh vừa để bớt vắng vẻ, vừa để vui tai, đồng thời có tác dụng xua đuổi được các loài thú dữ, bảo vệ mùa màng.

Việc dựng các giàn đá kê giữ rẫy đã từng phổ biến một thời. Cho đến cuối thập niên 70, đầu thập niên 80 của thế kỷ XX vẫn có nhiều gia đình người Raglai còn lưu giữ những thanh đá kê giữ rẫy như là đồ gia bảo.

Bộ đàn đá của người Raglai ở Khánh Hòa lần đầu tiên phát hiện vào năm 1979 do già làng Bo Bo Ren tại huyện Khánh Sơn cất giữ. Bộ đàn đá mà Bo Bo Ren còn lưu giữ được gồm 12 thanh. Theo cách chia của ông, bộ A có 6 thanh, thanh lớn nhất nặng 9 kg, thanh nhỏ nhất nặng 5 kg; bộ B có 6 thanh, thanh lớn nhất nặng 24,5kg, thanh nhỏ nhất nặng 10,5 kg.

Qua nhiều lần thăm định, các nhà âm nhạc và khảo cổ đã xác định đây là bộ đàn đá được chế tác từ đá Rhyolite porphire – một loại đá có độ cứng và âm thanh trong trẻo, vang xa có rất nhiều ở các vùng núi Khánh Hòa, Đắk Lắk và cùng chất với bộ đàn đá Nlut Liêng K'rak do Giáo sư G. Comdominas tìm được tại một làng của người M'ông Gar, tỉnh Đắk Lắk vào năm 1949, hiện đang được giữ tại Bảo tàng Nhân học ở Paris.

Ngày 12 - 9 - 1979, Bộ Văn hóa - Thông tin và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Khánh đã tổ chức lễ công bố kết quả nghiên cứu sơ bộ Đàn đá Khánh Sơn, Giáo sư, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, Chủ tịch Hội đồng Khoa học Đàn đá Khánh Sơn đã đưa ra một số nhận xét mang tính kết luận thống nhất như cách chia của ông Bo Bo Ren thành hai bộ đàn: Bộ B (bộ Trống) có âm thanh trầm rất phù hợp với âm vực của nam giới gồm sáu thanh. Bộ A (bộ Mái) có âm thanh cao hơn bộ B một quãng tám rất phù hợp với âm vực của nữ giới gồm sáu thanh và bảy nốt.

Ngày nay, những thanh đá kêu đã luôn có mặt cùng mã la, taliaq... trong các ngày hội của làng hàng năm và trở thành một nhạc cụ không thể thiếu trong dàn nhạc dân tộc của người Raglai.

+ Dân ca

Hiện nay, một số làn điệu dân ca cổ truyền vẫn được bà con Raglai gìn giữ, sử dụng khá phổ biến trong các sinh hoạt văn hóa cộng đồng và là món ăn tinh thần không thể thiếu trong sinh hoạt thường ngày.

Lời hát của dân ca Raglai xưa thường giản dị mộc mạc, giàu hình ảnh, toát lên sự trong sáng hồn nhiên hết sức đáng yêu như chính những con người chất phác sống phóng khoáng giữa núi rừng trong một quan hệ cộng đồng bền chặt. Dân ca được người Raglai hát lên để bày tỏ tấm lòng, cảm xúc của mình với thiên nhiên, cộng đồng. Người Raglai gọi chung tất cả các bài hát của mình là *manhi*, đồng thời căn cứ vào môi trường diễn xướng, tính chất và nội dung của bài hát để phân loại dân ca. Người Raglai ở Khánh Hòa hiện nay còn lưu giữ được một số làn điệu dân ca phổ biến sau:

Alou là một điệu hát đối đáp, không chỉ của lứa đôi nam nữ trao đổi tình cảm ngọt ngào, mà đôi khi còn được hai bên sử dụng để “cãi lý” với nhau và cả để hát riêng một mình khi lên nương rẫy. *Alou* là những khúc bài hát ngắn gọn, có tiết tấu khá ổn định và giai điệu đa dạng, có thể xem như các bài hát lễ trong hệ thống dân ca Raglai.

Manhi là làn điệu rất mềm mại, thiết tha. Giọng hát cất lên ngân nga, uyển chuyển với những âm thanh luyến láy khá tinh tế.

Làn điệu *siri* thiên về tự bạch, kể lể, than thân trách phận. *Siri* thường có giai điệu buồn, trầm sâu lắng đọng, nghe man mác như hương rừng gió núi, nhưng cũng có những giai điệu vui tươi điu dặt, rộn rã, thể hiện lòng tự tin, trong sáng.

Sangoi là khúc hát êm dịu, nhẹ nhàng như bản tình ca được các trai gái Raglai dùng để hát tỏ tình với nhau.

Majiêng thường được dùng khi hát akhat - Jucar, có cách hát hơi đơn giản nhưng cái hay của nó là rất có kịch tính để khắc họa tính cách của từng nhân vật trong trường ca.

Madu được hát trong lúc chia tay giữa chủ và khách, dặn dò nhau giữ gìn cuộc sống, tình cảm luôn tốt đẹp; giai điệu bài hát mềm mại, dịu dàng.

Du adoi là làn điệu hát ru em, giai điệu ngọt ngào, ẩn chứa nhiều uẩn khúc.

Akhat cadam là bài hát dặn dò của cha mẹ khi con cái cưới chồng, gả vợ, cách hát đầm thắm, yêu thương.

Ngoài ra, người Raglai ở Khánh Hòa còn sử dụng các điệu *Ahi Ahu*, *Kathong*, *Hari* trong các cuộc đối đáp. Các bài khấn của các thầy cúng, các bài khóc tế trong lễ bỏ mả cũng cho thấy những cung bậc âm nhạc khá độc đáo.

Nhìn chung, hầu hết các bài dân ca của người Raglai ở Khánh Hòa còn tồn tại cho đến hiện nay đều nằm trong hệ thống hát đối đáp, thường được hát theo lối ứng tác, không có nhạc đệm và diễn ra trong một không gian cụ thể. Các bài dân ca Raglai thường có âm vực khá hẹp; nội dung cũng giản đơn và rất cụ thể, song vẫn phản ánh khá đầy đủ các cung bậc tình cảm của con người với thiên nhiên và xã hội.

+ *Múa*

Các điệu múa của người Raglai phóng khoáng, thoải mái, múa với tiết tấu công chiêng, trống là chủ yếu. người Raglai chỉ có các động tác nhún chân, lắc người khi đánh mã la, đánh trống và nam nữ cầm tay nhau vừa đi vừa nhún chân thành vòng tròn. Dấu vết về yếu tố biến trong ngôn ngữ múa của người Raglai nếu còn sót lại chỉ ẩn trong các động tác múa của thầy vijou, thầy cati hay của chủ nhang khi múa gaituah (vật giữ hồn người chết), rước thuyền kagor trong lễ hội bỏ mả; khi ngồi lên đồng lắc lư thân mình như đang ngồi trên con thuyền ahòq để đến thế giới thần linh cùng với thần sóc phò tá cầu an lành cho người được cầu cúng.

+ *Kiến trúc và điêu khắc*

Trong văn hóa Raglai, nơi mà các giá trị điêu khắc tập trung nhất là ở kiến trúc nhà mồ. Trong kiến trúc nhà mồ thì nổi bật nhất là chiếc thuyền

Kagor trên nóc nhà.

Kiến trúc nhà mồ của người Raglai tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, nhân lực mà có thể khác nhau về quy mô của thuyền Kagor trên mái nhà mồ. Mái của nhà mồ lợp tranh hay lá mây. Ngày nay ở hai huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh tỉnh Khánh Hòa, người Raglai còn lợp mái nhà mồ bằng tôn, ngói. Cột của nhà mồ người Raglai không quy định số cột là bao nhiêu nhưng phải có cột đầu chôn phía trên đầu người chết, và cột chân chôn phía chân người chết. Cột nhà mồ có thể chạm khắc, trang trí hoa văn trái mây, núi non, sông suối, các hình con vật, đặc trưng là trái bầu mẹ.

Mái nhà mồ được làm ở bên dưới trước, chung quanh là bốn miếng ván bằng gỗ mềm màu trắng thường làm bằng cây gòn rừng, ở hai cạnh bên có hai miếng ván để úp tạo chân đế gác một khúc cây cũng bằng loại gòn được đẽo hình trái bầu. Phía trên trái bầu đục một lỗ sâu để cắm một cọc cao gần một mét. Ở đầu cây cọc, cách khoảng 15 đến 20 phân người ta khoan hai lỗ để xỏ hai cây le hoặc thanh lồ ô, tre nhỏ qua. Hai đầu cây le đó được uốn cong xuống gắn vào bốn miếng ván ở hai bên tạo ra khung mái nhà mồ. Sau khi có khung, người Raglai cột thêm những đường vòng chung quanh bằng tre, nứa hoặc lồ ô và tranh được đan ngay vào mái.

Trên nóc mái nhà mồ Raglai thường có gắn một mô hình biểu tượng con thuyền gọi là Ahòq. Thuyền Kagor được đặt trên nóc nhà mồ trong cuộc lễ bỏ ma chia tay vĩnh viễn của người chết với người thân để về thế giới ông bà tổ tiên. Mũi và đuôi con thuyền trang trí hình rồng, rắn garai. Cột buồm dựng ngược từ phía đáy thuyền lên với các hoa văn trang trí hình mặt trời, mặt trăng, sao, chim cu, trái bầu, hình thoi... Màu sắc trên thân thuyền và cột buồm, trên các vật trang trí được nghệ nhân sử dụng là những màu sắc tự nhiên lấy từ lá trầu giã ra trộn với củ nghệ; màu sắc từ đá, sỏi, cây củ lấy trong rừng, trên núi.

Thuyền kagor hay kagao trên mái nhà mồ thường phải do gia chủ nhờ đến bàn tay của nghệ nhân Raglai. Đây là một kiểu thuyền ahòq đặc biệt từ tính chất quan trọng của nó đến chất liệu và vị trí. Các thuyền ahòq khác thì lễ vật được để lên trên mặt thuyền, sau cuộc lễ đặt tại bờ sông bờ suối hay bìa rừng chỉ một hai ngày là các loại thuyền ahòq khác hỏng ngay. Con thuyền trên mái nhà mồ có tuổi thọ cao hơn và tùy theo chất lượng của vật liệu mà độ bền vững khác nhau; gỗ tạp cũng vài ba tháng, gỗ tốt hơn có thể kéo dài đến vài ba năm.

2.3. THỰC TRẠNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC RAGLAI Ở TỈNH KHÁNH HÒA HIỆN NAY

2.3.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến đời sống văn hóa của đồng bào dân tộc Raglai hiện nay

Dân tộc Raglai đã sáng tạo ra các giá trị văn hóa đặc sắc, độc đáo. Do đặc điểm cư trú, dân tộc Raglai sống trong một khoảng không gian khép kín từ lâu đời nên các giá trị văn hóa được lưu giữ khá vững chắc. Tuy nhiên, những năm gần đây, trong cơ chế thị trường và xu thế toàn cầu hóa, tính chất khép kín đó hầu như đã bị phá vỡ. Bà con Raglai có điều kiện giao lưu rộng rãi hơn với các giá trị văn hóa ở bên ngoài.

Với chủ trương quan tâm phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Đảng, Nhà nước đã có những chính sách đầu tư, ưu đãi với đồng bào dân tộc miền núi nói chung và đồng bào dân tộc Raglai ở Khánh Hòa nói riêng. Các chương trình xóa đói giảm nghèo, phát triển hạ tầng cơ sở được đồng loạt tiến hành trên hầu hết các địa bàn có người Raglai sinh sống. Sự thay đổi cơ sở hạ tầng và hàng loạt các chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới đã hình thành các đường giao thông, nước sạch... tạo thuận lợi cho hoạt động giao lưu, buôn bán giữa đồng bào Raglai trên cùng địa bàn cũng như với những người ở các địa phương khác.

Ngoài chính sách phát triển kinh - tế xã hội nói chung, việc nâng cao trình độ dân trí cũng góp phần thay đổi nhận thức của người dân để có thể tiếp nhận nhanh chóng các tri thức khoa học - kỹ thuật áp dụng vào sản xuất cũng như việc tiếp nhận các nhân tố văn hóa mới. Những phương tiện truyền thông đại chúng được nhà nước đầu tư trong những năm qua như: Các trạm chuyển tiếp sóng truyền hình, các đài phát thanh địa phương, báo chí văn hóa phẩm được đưa đến với đồng bào Raglai thường xuyên, giúp họ biết đến thế giới bên ngoài nhiều hơn. Ngày nay, hầu hết các gia đình người Raglai đều có tivi hoặc radio nên đời sống văn hóa của bà con được mở rộng hơn. Cũng qua các phương tiện truyền thông, người Raglai được tiếp xúc với nhiều loại hình văn hóa – nghệ thuật của các dân tộc khác trong nước và văn hóa của các dân tộc, quốc gia trên thế giới. Những quan hệ tiếp xúc với bên ngoài đã tác động đến cuộc sống, văn hóa cũng như nhiều mặt khác của đời sống người Raglai. Văn hóa của người Raglai ở Khánh Hòa hôm nay là sự đan xen những nếp sống truyền thống và những nét văn hóa của một xã hội hiện đại.

Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật là một trong những động lực chính của sự phát triển, bởi việc ứng dụng rộng rãi khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất và đời sống đã làm thay đổi dần tập quán canh tác cũng như các loại công cụ lao động mới. Người Raglai đã chuyển dần từ canh tác nương rẫy là chính sang trồng lúa nước. Họ biết sử dụng sức kéo của trâu, bò, máy cày, phân bón hóa học và thuốc trừ sâu. Nhờ những đổi mới trong kỹ thuật canh tác mà năng suất lúa nước tăng lên nhanh chóng. Bên cạnh đó, người Raglai còn tăng thêm các giống cây trồng, chủ yếu là cây công nghiệp như cà phê, điều, sầu riêng, mía, mì... Đồng bào đã biết áp dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật để chăn nuôi gia súc, gia cầm đem lại nguồn thu cho gia đình. Các hoạt động sản xuất lâm nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp cũng có những chuyển biến lớn. Nhờ đó, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào ngày càng được

cải thiện rõ rệt; con người ngày càng làm chủ được thiên nhiên, làm thay đổi tập quán sinh hoạt thường nhật, thay đổi cách làm, đặc biệt là thay đổi về tập quán tín ngưỡng, lễ hội. Quan trọng hơn, chính đồng bào cũng tự nhận thấy các tiến bộ này đã làm cho đời sống của họ ngày càng ổn định, nên đã tự giác tiếp nhận và nhân rộng ở cộng đồng. Sự thay đổi này theo hướng ngày càng hiện đại hóa, lược bỏ bớt những hủ tục lạc hậu, lễ nghi rườm rà, rút ngắn thời gian.

Địa bàn cư trú của người Raglai rất gần gũi với các tộc người Chăm, Việt, Êđê, Koho, Mạ... Do vậy, giữa người Raglai và các tộc người đó đã gặp gỡ, trao đổi giao lưu không chỉ hàng hóa mà còn về văn hóa. Chính điều này là một trong những nguyên nhân góp phần tạo nên những thay đổi trong tập quán sản xuất, tiêu dùng, tín ngưỡng và lễ hội... Người Raglai ngày càng lược bỏ dần những yếu tố mang tính bảo thủ, cổ hủ, lạc hậu trong văn hóa và bổ sung các yếu tố mới làm hiện đại, phong phú thêm nền văn hóa của dân tộc mình. Mặt khác, quá trình giao lưu, phát triển đã làm xuất hiện nhiều hơn nữa các cuộc kết hôn giữa người Raglai với người các dân tộc khác, kéo theo sự biến đổi phong tục, tập quán của chế độ mẫu hệ truyền thống, biểu hiện trong những việc như khai sinh, đăng kí họ tên, vấn đề thừa kế tài sản đất đai. Đây là một vấn đề nhạy cảm, các nhà quản lí cần phải nghiên cứu kĩ để xử lí, vừa phù hợp với pháp luật, vừa phù hợp với luật tục của người Raglai.

Những nhân tố trên đã thúc đẩy quá trình biến đổi văn hóa của người Raglai trong quá trình hội nhập, phát triển. Nhưng bên cạnh đó, nó cũng là những nhân tố làm mai một hoặc biến đổi văn hóa truyền thống của họ.

2.3.2. Thành tựu và hạn chế

a. Những thành tựu

Các nghị quyết của Đảng, chủ trương chính sách của Nhà nước về công tác giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá được tỉnh Khánh Hòa triển khai rộng

khắp và thực hiện có hiệu quả. Ngay sau khi Nghị quyết Trung ương V khoá VIII (1998) của Đảng được ban hành, từ cuối năm 1998, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tinh nghiêm túc triển khai tổ chức thực hiện, phấn đấu đưa nghị quyết vào cuộc sống. Tiếp đến là các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX cũng được phổ biến rộng rãi.

Mỗi năm, tỉnh Khánh Hòa đầu tư gần 60 tỷ đồng cho miền núi, mô hình mỗi gia đình chính sách, già làng, trưởng bản, hộ nghèo có một căn nhà, một con bò, một vườn nhà, vườn rừng hay ruộng lúa nước đã thực sự tạo động lực giúp bà con dân tộc thiểu số nói chung, đồng bào Raglai nói riêng tự vươn lên thoát nghèo.

Ở các xã vùng đồng bào thiểu số đều có trường tiểu học, cụm xã có trường trung học cơ sở, các huyện có trường dân tộc nội trú được xây dựng khang trang; giáo viên và nhân viên y tế công tác ở miền núi đều được bố trí ở nhà công vụ; học sinh các cấp là người dân tộc thiểu số được cấp học bổng hàng tháng. Do đó, tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số trong độ tuổi đến trường đạt từ 96 - 98 %. 100% đồng bào dân tộc thiểu số (hộ nghèo, gia đình chính sách) được cấp thẻ bảo hiểm y tế và điều trị miễn phí; 100% các xã có trạm y tế.

Công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong nhân dân được các cấp, ngành văn hoá thông tin, các cơ quan truyền thông của tỉnh Khánh Hòa quan tâm và triển khai rộng rãi. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Khánh Hòa đã tổ chức các hoạt động phong trào văn hoá, thông tin, thể thao ở cơ sở và các hoạt động sưu tầm, nghiên cứu vốn văn hoá truyền thống dân tộc Raglai trên địa bàn tỉnh. Ngành Văn hoá Thông tin tỉnh Khánh Hòa xây dựng hệ thống thiết chế văn hoá từ cấp tỉnh đến cơ sở xã, phường, thôn, bản. Sở Văn hoá Thông tin đã chủ động trong

việc gắn công tác xây dựng văn bản với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển sự nghiệp, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến các cơ sở văn hoá trong tỉnh. Các lễ hội cổ truyền của đồng bào Raglai được giữ gìn và phát huy, tổ chức các cuộc liên hoan nghệ thuật quần chúng, các lớp năng khiếu nghệ thuật hàng năm cho thanh - thiếu niên các dân tộc thiểu số, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ văn hoá địa phương...

Tỉnh Khánh Hòa đã đầu tư mở rộng và phủ sóng gắn với nâng cao chất lượng hệ thống phát thanh, truyền hình. Đến nay, 100% địa bàn dân cư trong tỉnh thu được sóng phát thanh, truyền hình. Hiện nay, ngoài việc xem trực tiếp Đài Truyền hình Việt Nam và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, đồng bào Raglai còn được theo dõi chương trình phát sóng tiếng dân tộc Raglai của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.

Bên cạnh đó, phong trào xây dựng nếp sống văn minh, xây dựng bản

làng văn hóa, gia đình văn hóa được đẩy mạnh và phát huy tác dụng tốt. Tính đến năm 2010, toàn tỉnh có 95% số cơ quan, hộ gia đình và 50% nông thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa. Tỉnh cũng đã xây dựng nhiều điểm bưu điện văn hóa xã ở các xã đặc biệt khó khăn và phục vụ miễn phí cho nhân dân các số báo Nhân dân, báo Khánh Hòa, Bưu điện Việt Nam, tạp chí Văn hóa và các văn bản pháp luật của Nhà nước, đáp ứng bước đầu nhu cầu thông tin về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho đồng bào.

Nền văn hóa của người Raglai cũng được quan tâm điều tra, nghiên cứu và sưu tầm. Di sản văn hóa phi vật thể của tộc người Raglai phong phú, đa dạng như sử thi, truyện kể, ca dao, tục ngữ, dân ca, lễ cúng cũng được nhiều nhà nghiên cứu về văn hóa Raglai thu âm, chụp ảnh, ghi hình. Từ những năm 90 của thế kỉ XX cho đến nay, có vài chục công trình nghiên cứu về văn hóa Raglai ở Khánh Hòa nói riêng và người Raglai nói chung. Ngoài ra, còn phải

kê đến các cuộc hội thảo khoa học do Viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm nghiên cứu Việt Nam – Đông Nam Á thuộc trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã được tổ chức tại Nha Trang (9/1998) và Thành phố Hồ Chí Minh (12/2000) về văn hóa và ngôn ngữ Raglai. Nhiều đồ dùng sinh hoạt, đồ cúng lễ, nhạc cụ, trang phục và các lễ cúng như lễ bỏ mả, lễ ăn đầu lúa mới... được các cơ quan chức năng có liên quan đã và đang điều tra nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản và trưng bày giới thiệu đến với công chúng.

Tất cả những việc làm trên là điều đáng mừng, hy vọng trong tương lai Đảng và Nhà nước tạo điều kiện hơn nữa và đẩy mạnh tốc độ công tác điều tra nghiên cứu, sưu tầm văn hóa dân tộc Raglai nói chung và người Raglai ở Khánh Hòa nói riêng, nhằm góp phần bảo tồn giá trị văn hóa của họ.

b. Những hạn chế

Những thành tựu đạt được trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc Raglai nêu trên đã khẳng định quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Khánh Hòa đối với việc góp phần xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong giai đoạn mới. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn tồn tại những hạn chế sau:

Công tác quản lý, nghiên cứu văn hóa của các cơ quan chức năng còn bộc lộ nhiều mặt yếu kém. Các cấp, các ngành trong tỉnh đã quan tâm và có rất nhiều cố gắng trong công tác sưu tầm, giữ gìn, phát huy những di sản văn hóa của tộc người Raglai. Những thành tựu đã đạt được là đáng kể, nhưng khó khăn và hạn chế cũng còn nhiều. Sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng và chính quyền chưa thực sự có hệ thống, hầu hết các kế hoạch hoạt động là do cơ quan chức năng đệ trình, các nghiên cứu khoa học phần lớn là do tác giả thấy tâm huyết và lo ngại trước tình trạng mai một quá nhanh của các di sản văn hoá truyền thống mà chủ động nghiên cứu, giữ gìn. Nhưng thực sự những

nghiên cứu ấy chưa vạch ra những giải pháp mang tính tổng thể để giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc Raglai đang bị mai một. Do vậy, phần nào gây ra tình trạng mùa vụ trong các phong trào.

Việc kiểm kê, đánh giá, lập hồ sơ xếp hạng các di tích lịch sử, văn hoá còn chậm, thiếu khoa học, việc sưu tầm, lưu giữ các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể chậm được tiến hành đã dẫn đến tình trạng nhiều di sản văn hoá không được bảo tồn xuống cấp nghiêm trọng, khó có thể khôi phục lại.

Công tác cán bộ từ tỉnh đến cơ sở còn nhiều bất cập, vừa thiếu, vừa yếu, một số qua đào tạo hoặc đào tạo không đúng chuyên ngành, chậm được trẻ hoá và nâng cao hạn chế. Nhiều lĩnh vực bộc lộ sự thiếu hụt những hạt nhân nòng cốt, những cán bộ vừa "hồng", vừa "chuyên" trong lĩnh vực văn hoá ở đồng bào dân tộc Raglai. Cán bộ văn hoá phần lớn là người Kinh nên khó khăn trong giao tiếp với đồng bào, không hiểu rõ phong tục tập quán nên trong công tác vận động phong trào, khôi phục văn hoá dân gian gặp nhiều khó khăn; tiến độ chậm và độ chính xác không cao.

Những giá trị đặc trưng, tiêu biểu trong văn hóa vật thể của người Raglai ở Khánh Hòa đã có nhiều thay đổi, biến dạng. Từ trang phục, đồ trang sức đến kiến trúc, nhà ở của người Raglai ở Khánh Hòa đang bị mai một nghiêm trọng. Đặc biệt, các làng Raglai cổ không còn tồn tại. Người Raglai đã dần bỏ nhà sàn đặc trưng của mình và làm những căn nhà trệt, lợp tôn hoặc ngói. Chỉ còn vài chiếc nhà sàn nhỏ nhỏ dựng bấp, lú, khoai... Nhà sàn dài gần như đã biến mất.

Đa số các nghi lễ truyền thống của người Raglai đã và đang mất dần đi. Cho đến nay, người Raglai không còn tết năm mới cho riêng mình. Những lễ nghi truyền thống còn rất ít. Trong khi đó, các lễ hội được khôi phục còn mang nặng tính hình thức, phong trào. Các chính sách hỗ trợ, khuyến khích, thu hút tài năng nghệ thuật còn hạn chế. Công tác xã hội hoá các hoạt động

văn hoá thông tin còn chậm và gặp nhiều khó khăn, sự ý lại trông chờ kinh phí nhà nước của một số địa phương còn khá phổ biến, chưa huy động được tối đa nguồn lực trong nhân dân.

Kho tàng văn học dân gian, âm nhạc dân gian cùng với hệ thống nhạc cụ dân gian và các giá trị văn hóa phi vật thể khác đang bị đe dọa. Các nghệ nhân ngày càng lớn tuổi và thừa thót theo quy luật của tạo hóa. Thay vào đó là sự tiếp nhận không có chọn lọc, sự pha tạp, lai căng của thế hệ trẻ hiện nay làm cho văn hóa Raglai ngày càng có nguy cơ bị tan biến trong vòng xoáy phát triển của xã hội. Lớp trẻ Raglai ngày nay không biết hát dân ca, không biết sử dụng nhạc cụ cổ truyền của dân tộc, hát kể sử thi, không mặc trang phục truyền thống; những đêm lễ bỏ mả, thay vì đánh mã la, uống rượu cần thì ngày nay, đa số thanh thiếu niên lại uống rượu đế, nhảy theo nhạc hiện đại.

Ý thức về việc giữ gìn và phát huy các di sản văn hoá trong nhân dân còn nhiều hạn chế do trình độ văn hoá thấp kém, do ảnh hưởng của luật tục lạc hậu và do sự xúi dục, phá hoại của các thế lực phản động Furo, hoạt động truyền đạo Tin Lành trái phép.

Việc truyền dạy văn hóa văn nghệ dân gian ngay tại các xã, các làng Raglai chưa mang tính chuyên nghiệp và còn gián đoạn về thời gian. Thời gian của mỗi khóa học còn quá ngắn chưa mang tính liên tục, kinh phí còn rất hạn chế. Các làng đã hình thành đội văn nghệ nhưng chỉ mang tính chất phong trào. Đây cũng chính là nguyên nhân làm cho văn hóa của tộc người Raglai đang thất truyền hàng ngày, hàng giờ.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Dân tộc Raglai là một trong các tộc người có số dân đông nhất trong số 31 dân tộc thiểu số đang sinh sống tại tỉnh Khánh Hòa. Văn hóa dân tộc Raglai chứa đựng những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú, đa dạng, giàu bản sắc từ cách thức cư trú và sản xuất, kiến trúc nhà mồ, trang phục, trang sức, ẩm thực đến các lễ hội, tiếng mã la trầm hùng, sù thi... Những giá trị văn hóa của dân tộc Raglai ở Khánh Hòa thể hiện triết lí sống, tinh thần cộng đồng, giàu tính nhân đạo, nhân văn sâu sắc.

Trước sự tác động của nhân tố khách quan và chủ quan, việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa Raglai ở Khánh Hòa đang đứng trước những cơ hội và thách thức. Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì việc giữ gìn và phát triển bản sắc văn hoá dân tộc Raglai ở Khánh Hòa hiện nay vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Điều đó đòi hỏi các ban ngành chức năng và bản thân đồng bào Raglai phải có những phương thức thích hợp để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc Raglai ở Khánh Hòa.

CHƯƠNG 3**GIẢI PHÁP VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VỀ VĂN HÓA NHẪM BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ
VĂN HÓA DÂN TỘC RAGLAI Ở TỈNH KHÁNH HÒA****3.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA CÁC GIẢI PHÁP****3.1.1. Cơ sở lý luận*****a. Quan điểm chiến lược của Đảng, Nhà nước***

Trên cơ sở lý luận về văn hóa của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã xây dựng đường lối phát triển cho nền văn hoá dân tộc. Trong suốt chặng đường hơn 83 năm lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến vĩ đại chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay, Đảng ta luôn nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của văn hóa và thường xuyên quan tâm lãnh đạo, phát huy sức mạnh văn hóa đối với sự phát triển bền vững của đất nước.

Ý thức sâu sắc về sức mạnh văn hóa đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc thoát khỏi ách áp bức thống trị của thực dân Pháp xâm lược, ngay từ tháng 2 năm 1943, Đảng ta đã ban hành “Đề cương văn hóa Việt Nam”. Đây là bản Cương lĩnh văn hoá đầu tiên của Đảng ta, đặt nền tảng lý luận cho sự nghiệp xây dựng nền văn hóa kháng chiến, kiến quốc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và soi đường cho sự phát triển nền văn hóa Việt Nam trong suốt hơn 70 năm qua.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV của Đảng năm 1976 đã xác định tập trung tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa nhằm xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa phát triển toàn diện.

Trong thời kỳ đổi mới của đất nước, với tư duy đổi mới toàn diện, Đảng ta đã chủ trương đổi mới tư duy trên lĩnh vực văn hóa. Tháng 11 năm 1987, Bộ Chính trị (Khóa VI) đã ban hành Nghị quyết số 05 - NQ/TW về lãnh đạo văn hóa - văn nghệ trong cơ chế thị trường. Nghị quyết đã xác định những định hướng lớn chỉ đạo việc đổi mới và nâng cao chất lượng phê bình văn học - nghệ thuật; công tác quản lý văn học - nghệ thuật và một số nhiệm vụ văn hóa - văn nghệ.

Đặc biệt, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 của Đảng xác định một trong sáu đặc trưng của xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là: Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí, vai trò chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Đồng thời, kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người; chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ đổi mới hiện nay, Đảng ta đã khẳng định nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nghị quyết “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” mà Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII năm 1998 đưa ra đến nay vẫn là Nghị quyết có ý nghĩa chiến lược, chỉ đạo quá trình xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa ở nước ta, cần được kế thừa, bổ sung và phát huy trong thời kỳ mới.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX năm 2001, về giải quyết có hiệu quả vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng năm 2006 tiếp tục nhấn mạnh, phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao chất lượng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; quan tâm chăm lo xây dựng, hoàn thiện những phẩm giá nhân cách tốt đẹp của con người Việt Nam.

Trong quá trình hội nhập và phát triển, đề chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa và ngăn chặn "luồng văn hóa độc hại" xâm nhập vào nước ta từ nhiều con đường khác nhau, Bộ Chính trị khóa X đã kịp thời ban hành Nghị quyết số 23 - NQ/TU "Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới", định hướng cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân quyết tâm giữ gìn, bảo vệ "bản sắc văn hoá dân tộc" trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Bộ Chính trị yêu cầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể các cấp và đội ngũ đảng viên, cán bộ tăng cường đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa và chung tay góp sức, kiên quyết ngăn ngừa, phòng, chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại, ảnh hưởng đến văn hóa truyền thống và đạo đức xã hội.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định:

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của sự phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa

tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao [15, tr.76].

Như vậy, trong quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã nhận thức ngày càng sâu sắc rằng xã hội, văn hóa là những lĩnh vực thể hiện rõ nhất bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong những năm tới, cần đưa việc giải quyết các vấn đề xã hội và phát triển văn hóa lên nhanh hơn nữa, tương xứng với nhịp độ phát triển kinh tế.

b. Quan điểm chỉ đạo của Đảng bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Tỉnh Khánh Hòa có 32 dân tộc cùng sinh sống, công tác phát triển văn hoá, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các tầng lớp nhân dân trong tỉnh luôn coi trọng. Quán triệt các nghị quyết, quyết định của Đảng, Nhà nước về công tác phát triển văn hoá ở vùng đồng bào dân tộc, Tỉnh Khánh Hòa đã cụ thể hoá những nghị quyết, quyết định của Đảng, Nhà nước bằng những chương trình, đề án cụ thể nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) "Về xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", ngay từ tháng 9/1998, sau khi xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) của tỉnh, đồng thời tiến hành tổ chức các lớp nghiên cứu, quán triệt những quan điểm cơ bản của Đảng trên lĩnh vực văn hóa cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ hưu trí và những người làm công tác văn hóa ở cấp tỉnh, cụ thể như sau:

Tổ chức Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng để quán triệt Nghị quyết Trung ương 5 và thảo luận, đóng góp ý kiến vào Chương trình hành động của Tỉnh ủy.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 5 và Chương trình hành động của Tỉnh ủy cho cán bộ chủ chốt là đảng viên các đảng bộ trực thuộc.

Tổ chức lớp quán triệt nghị quyết cho cán bộ cao cấp của tỉnh đã nghỉ hưu.

Tổ chức lớp tập huấn cho báo cáo viên Tỉnh ủy và trường ban tuyên giáo các huyện, thị, thành phố, đảng ủy trực thuộc.

Tổ chức lớp quán triệt Nghị quyết Trung ương 5 và Chương trình hành động của Tỉnh ủy cho đội ngũ anh chị em làm công tác văn học - nghệ thuật, báo chí trong tỉnh.

Sau các lớp ở tỉnh, tất cả các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc đều thành lập Ban Chỉ đạo ở đơn vị mình, xây dựng chương trình hành động và tổ chức quán triệt nghị quyết trong đảng viên, cán bộ theo qui định đúng với tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị.

Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 của tỉnh cũng đã thường xuyên tiến hành các đợt kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết TW5 và Chương trình hành động của Tỉnh ủy tại các ngành, các địa phương, đồng thời tiến hành sơ kết, rút kinh nghiệm, kịp thời giải quyết các vướng mắc và xây dựng các giải pháp nhằm thực hiện tốt những nhiệm vụ mà chương trình hành động của Tỉnh ủy đã đề ra. Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 của tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo sát sao quá trình triển khai nghị quyết, từ giai đoạn xây dựng chương trình hành động đến triển khai thực hiện cụ thể, thường xuyên kiểm tra và chỉ rõ những hạn chế, tồn tại cần khắc phục nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa.

Sau khi có Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa đã tổ chức Hội nghị nghiên cứu, quán triệt cho cán bộ chủ chốt

của tỉnh (kể cả cán bộ trung cao đã nghỉ hưu) và ban hành Chương trình hành động số 15 - CTr/TU để thực hiện Nghị quyết; đồng thời, chỉ đạo các cấp ủy đảng trong toàn tỉnh tổ chức quán triệt Nghị quyết của Trung ương và Chương trình hành động của Tỉnh ủy, xây dựng chương trình hành động cụ thể ở địa phương, đơn vị mình. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã cụ thể hóa nội dung, chương trình, mục tiêu công tác dân tộc trong Chương trình hành động của Tỉnh ủy thành những chủ trương, chính sách cụ thể và xây dựng kế hoạch chỉ đạo các ngành, các địa phương thực hiện. Riêng hai huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh đã xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 về kiện toàn nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở.

Bên cạnh việc chăm lo phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng thường xuyên chỉ đạo việc xây dựng thực lực chính trị cơ sở, tăng cường công tác an ninh, trật tự trên địa bàn miền núi nhằm cụ thể hóa sâu hơn Nghị quyết Trung ương 7. Năm 2006, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện Kế hoạch 01- KH/TU về "phát động quần chúng ngăn chặn hoạt động móc nối của Fulro, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn miền núi", đồng thời tiếp tục xây dựng Kế hoạch số 20 - KH/TU, ngày 20/11/2006 về "xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn miền núi". Ngoài ra, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 04 - NQ/TU, ngày 14/7/2006 về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi, hải đảo giai đoạn 2006 - 2010.

Đại hội Đại biểu đảng bộ Tỉnh Khánh Hòa lần thứ XV đã xác định:

Phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và các giá trị văn hóa truyền thống trong tỉnh; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể làm

nền tảng cho sự giao lưu và hội nhập với văn hóa bên ngoài; tiếp tục đưa các hoạt động văn hóa thông tin về cơ sở; nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hoàn chỉnh hệ thống thiết chế văn hóa bằng nguồn lực Nhà nước kết hợp với mở rộng xã hội hóa các hoạt động văn hóa. Quan tâm đào tạo và phát triển những tài năng nghệ thuật, sáng tạo các công trình, các tác phẩm có giá trị cao về nội dung và nghệ thuật, mang đậm bản sắc quê hương, dân tộc [16, tr.59].

Đại hội Đại biểu đảng bộ Tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVI đã xác định “Đầu tư bảo tồn, tôn tạo, khai thác và phát huy các giá trị di sản văn hóa; phát triển mạnh sự nghiệp văn học, nghệ thuật; bồi dưỡng các tài năng, khuyến khích sáng tạo những công trình văn hóa, nghệ thuật tiêu biểu; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nếp sống văn minh” [17, tr.17].

Tại kì họp thứ 3, khóa V của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa năm 2011, ngày 08 tháng 12 năm 2011 đã thông qua chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020. Hội đồng nhân dân tỉnh đã quyết định tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đảm bảo an sinh xã hội; nâng cao nhận thức; xây dựng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi Khánh Hòa có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hoàn thiện đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và phục vụ đời sống dân sinh; xây dựng cơ cấu kinh tế, các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp với chất lượng nguồn nhân lực và khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; thu hẹp dần khoảng cách với các vùng đồng bằng của tỉnh, góp phần giảm nghèo bền vững.

Như vậy, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá các tộc người thiểu số đã trở thành một chủ trương và chính sách lớn của Đảng và Nhà nước,

đang từng bước được triển khai tại tỉnh Khánh Hòa, góp phần quan trọng trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc nói chung, dân tộc Raglai ở Khánh Hòa nói riêng.

3.1.2. Cơ sở thực tiễn

Có thể nói dân tộc Raglai ở Khánh Hòa đang lưu giữ một kho tàng văn hóa phong phú, có giá trị đặc sắc, đặc biệt là văn hóa phi vật thể. Những giá trị văn hóa ấy được hình thành và chau chuốt, mài giũa thành những viên ngọc văn hóa dân gian qua hàng ngàn năm. Thế nhưng, những viên ngọc sáng ấy đang dần dần mất đi theo năm tháng. Vì vậy, các nhà quản lí, các nhà khoa học cần có những biện pháp để bảo tồn và phát huy vốn văn hóa truyền thống độc đáo và phong phú này.

Hiện nay, với sự phát triển của khoa học kĩ thuật, giao lưu văn hóa mạnh mẽ, các nền văn hóa đang xích lại gần nhau nên tốc độ giao thoa, đan xen, hỗn dung văn hóa đang tăng nhanh chóng. Những giá trị văn hóa cổ truyền của các dân tộc đang có nguy cơ mai một. Trong xu thế phát triển hiện nay, mặc dù vùng đồng bào Raglai phát triển còn chậm so với một số vùng khác, nhưng những giá trị văn hóa truyền thống đang mất đi nhanh chóng.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên. Trước hết là ý thức của chính người dân Raglai. Với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, văn hóa xã hội vùng đồng bào Raglai ở Khánh Hòa đang đổi thay từng ngày. Chính sách phát triển hạ tầng cơ sở như điện, đường, trường, trạm và sự phát triển ồ ạt của các phương tiện thông tin đại chúng như phủ sóng truyền hình, phát thanh; các dịch vụ văn hóa như phim ảnh, băng đĩa nhạc, karaoke và nhiều loại hình hoạt động thông tin, văn hóa, văn nghệ hấp dẫn... đang đến rất nhanh với đồng bào. Lớp trẻ Raglai tiếp thu những luồng văn hóa mới rất nhanh: Từ trang phục, lối sống, thẩm mỹ, nghệ thuật hiện đại... đã và đang làm cho lớp trẻ ngày càng xa dần với văn hóa truyền thống. Lại thêm nhận

thức về văn hóa truyền thống dân tộc của một bộ phận cán bộ ở nhiều cấp độ chưa đúng, thậm chí coi một số hoạt động tâm linh mang tính tín ngưỡng của người Raglai là mê tín, dị đoan.

Có thể thấy văn hóa Raglai đang mất đi từng ngày, sự coi trọng về văn hóa truyền thống, dân gian Raglai chỉ còn chủ yếu ở lớp người lớn tuổi. Những giá trị văn hóa truyền thống, kho tàng văn hóa dân gian như truyện cổ, sử thi, nghệ nhân biết làm và sử dụng các nhạc cụ truyền thống ngày càng ít và tập trung ở một số nghệ nhân lớn tuổi. Lớp nghệ nhân biết nhiều về kho tàng văn hóa dân gian ra đi mãi mãi. Nếu không nhanh chóng có các biện pháp nghiên cứu, bảo tồn kho tàng văn hóa truyền thống của dân tộc Raglai thì trong tương lai không xa, chúng ta sẽ chẳng còn gì để mà nghiên cứu về vốn văn hóa truyền thống dân tộc Raglai nữa.

3.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC RAGLAI Ở TỈNH KHÁNH HÒA

3.2.1. Phương hướng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa

a. Bảo đảm thống nhất giữa truyền thống và hiện đại trong việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa hiện nay

Văn hóa dân tộc Raglai là bộ phận quan trọng của văn hóa dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Raglai là góp phần vào sự nghiệp xây dựng nền văn hóa chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Quá trình thực hiện công tác này đòi hỏi phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa yếu tố truyền thống và hiện đại. Chính yếu tố truyền thống là cái được chất lọc, khẳng định qua thời gian làm nên bản sắc văn hóa dân tộc, vì vậy cần phải giữ gìn và phát huy. Do đó, sự phát triển đúng hướng phải dựa trên cơ sở bản sắc văn hóa dân tộc và lấy đó làm nền tảng. Nhưng phát triển không có nghĩa là “Tây hóa” trong phạm vi quốc gia,

cũng không có nghĩa là “Kinh hóa” trong phạm vi vùng, khu vực. Mọi giá trị văn hóa đều có tính độc lập tương đối, nhưng sự phát triển của nó phải được đánh giá bằng trình độ, cấp độ và ý nghĩa của nó đối với đời sống mỗi con người và cộng đồng. Dĩ nhiên, không có chân lí chung cho mọi thời đại, nên cái truyền thống muốn tồn tại được cũng cần phải kế thừa, và phát triển cho phù hợp với điều kiện mới, đó là một tất yếu. Hiện đại hóa cái truyền thống là nhân tố cơ bản, đảm bảo cho sự tồn tại và nối tiếp bền vững các giá trị văn hóa truyền thống theo dòng lịch sử. Yếu tố truyền thống và yếu tố hiện đại phải được kết hợp một cách hài hòa, hợp lí, nhuần nhuyễn để tạo ra một chỉnh thể văn hóa thống nhất mới, tiến bộ hơn, phù hợp hơn nhưng vẫn không mất đi bản sắc của nó.

Để tránh rơi vào vòng luẩn quẩn của mâu thuẫn: Giữa truyền thống không phù hợp với thời đại, hiện đại hóa mất đi truyền thống, cần có một bước đi rõ ràng, chắc chắn, không cực đoan. Trước hết, dựa vào mục tiêu của văn hóa để xác định rõ: Những yếu tố nào còn phù hợp, còn tiến bộ nên giữ gìn và phát huy. Những gì là truyền thống đã lạc hậu, tiêu cực hay đã hết vai trò lịch sử cần phải vượt qua. Những giá trị văn hóa mới nào là tích cực, phù hợp với truyền thống dân tộc có thể tiếp thu, giá trị nào không phù hợp cần ngăn chặn sự xâm nhập tự phát của chúng. Từ đó kết hợp các yếu tố tích cực của truyền thống và hiện đại bằng hình thức và cách thức hợp lí, hay hiện đại hóa cái truyền thống với những nội dung và hình thức mới phù hợp.

Như vậy, việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa cần chú ý chống hai khuynh hướng: Bảo thủ và hư vô, nhất thiết phải thực hiện đúng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, thẩm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa. Đó là bảo đảm thống nhất giữa truyền thống và hiện đại trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

b. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Raglai gắn liền với phát triển toàn diện kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng ở Khánh Hòa hiện nay

Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số gắn liền với kế hoạch phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng là một yêu cầu khách quan trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Văn hoá và kinh tế, chính trị, xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, là tiền đề phát triển của nhau.

Phát triển kinh tế - xã hội phải vì mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, trong đó phải gắn với mục tiêu phát triển và giữ gìn bản sắc văn hoá của các dân tộc trong đó có dân tộc Raglai, nâng cao mức hưởng thụ văn hoá cho nhân dân. Phát triển kinh tế - xã hội phải căn cứ vào trình độ phát triển văn hoá của từng địa phương, từng dân tộc để đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội cao và bền vững.

Phát triển văn hoá tương xứng và đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết tốt vấn đề văn hoá trong kinh tế, kinh tế trong văn hoá. Chúng ta không chủ trương thương mại văn hoá nhưng lại phải làm cho văn hoá phục vụ ngày càng tốt hơn cho sự phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Vấn đề kinh tế trong văn hoá đặt ra yêu cầu mới cho sự phát triển văn hoá trong đời sống xã hội, nhất là đối với các lĩnh vực sản xuất các giá trị tinh thần gắn với các hoạt động tiêu dùng văn hoá của nhân dân như điện ảnh, sân khấu...

c. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Raglai gắn liền với việc xây dựng nền văn hoá mới, con người mới ở Khánh Hòa hiện nay

Xây dựng nền văn hoá, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc ngày nay suy cho cùng chính là thực hiện chiến lược con người. Xây dựng và phát huy nguồn lực con người là khâu trung tâm của sự nghiệp xây dựng nền tảng tinh

thần, tiềm lực văn hoá của dân tộc. Con người tạo ra văn hoá, là biểu hiện tập trung của văn hoá và văn hoá đáp ứng nhu cầu, lợi ích của con người, góp phần vào sự tồn tại và phát triển, hoàn thiện của con người. Chỉ có con người mới là nguồn lực vững chắc, lâu bền nhất, vì nó luôn luôn phát triển với tư cách là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất trong sự phát triển.

Để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa cần phải gắn liền với việc xây dựng nền văn hoá mới - nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc và việc xây dựng con người mới ở Khánh Hòa hiện nay theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII).

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, tuyên truyền giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, đẩy mạnh phong trào “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; đẩy lùi tiêu cực, lạc hậu, khẳng định giá trị tốt đẹp của văn hoá Việt Nam, con người Việt Nam thời kỳ mới.

3.2.2. Giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, đồng thời xuất phát từ thực trạng văn hoá của dân tộc Raglai ở Khánh Hòa hiện nay, vấn đề cấp thiết đã được đặt ra là: Muốn giữ gìn, phát huy di sản văn hoá Raglai trong điều kiện kinh tế thị trường trước xu thế toàn cầu hoá, cần phải nhanh chóng kịp thời đề ra những giải pháp hữu hiệu và những kiến nghị thiết thực.

a. Giải pháp về kinh tế

Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, phát triển kinh tế là nền tảng của việc xây dựng và phát triển văn hóa, là nhân tố thúc đẩy sự phát triển đời sống tinh thần của xã hội. Quán triệt tư tưởng này của Hồ Chí Minh, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Khánh Hòa xem vấn đề phát triển kinh tế là một trong những

nhệm vụ ưu tiên hàng đầu, nhằm tạo điều kiện, tiền đề cho văn hóa phát triển.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển kinh tế, bên cạnh những thuận lợi, đồng bào Raglai ở Khánh Hòa vẫn còn gặp nhiều khó khăn đặc biệt là đồng bào Raglai cư trú ở miền núi. Ở hai huyện miền núi Khánh Sơn và Khánh Vĩnh là nơi tập trung đông nhất người Raglai ở Khánh Hòa nhưng cơ sở vật chất vẫn còn thiếu thốn nhiều, phương tiện cần thiết cho phát triển kinh tế (như điện, đường, trường, trạm...), chiến lược con người chưa được đầu tư thỏa đáng.... Bên cạnh đó, người dân ở hai huyện này đã và đang chịu tác động tiêu cực từ việc khai thác tài nguyên thiên nhiên. Việc khai thác thủy năng xây dựng thủy điện là điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế và du lịch sinh thái. Tuy nhiên, theo đánh giá của một số nhà quản lý địa phương, cơ chế tái định cư chưa thỏa đáng dẫn đến hệ lụy là văn hóa Raglai có nguy cơ mai một, bắt đầu từ việc thay đổi phương thức sinh hoạt và thiếu đất sản xuất nông nghiệp.

Từ những thuận lợi và khó khăn đó, giải pháp về phát triển kinh tế đối với, đồng bào Raglai ở Khánh Hòa cụ thể như sau:

Thứ nhất, đầu tư hoàn thiện dần cơ sở hạ tầng kinh tế: Điện - đường - trường - trạm đối với từng xã ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và địa bàn có người Raglai cư trú nói riêng.

Thực tế cuộc sống của người Raglai thu hẹp trong các paloi (làng). Việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế là cấp bách nhằm mục đích thúc đẩy phát triển kinh tế ở những khía cạnh sau: Xây dựng đường sá nhằm mở rộng thông thương, giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các xã và với vùng đồng bằng, tạo điều kiện cho người dân đi lại dễ dàng đến trường, trạm. Việc hoàn thiện hệ thống điện cung cấp đến các hộ dân góp phần đem ánh sáng văn minh đến

miền núi. Đầu tư xây dựng trường học, cơ sở vật chất, đảm bảo điều kiện cho sự phát triển ngành giáo dục.

Hiện nay, cơ sở hạ tầng kinh tế ở vùng miền núi vẫn thiếu thốn, do tập trung thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa... ở các vùng đồng bằng và đô thị. Sự chênh lệch về kinh tế và cơ sở hạ tầng, các điều kiện cho phát triển kinh tế giữa miền xuôi và miền ngược là rất lớn. Trong khi, tiềm năng kinh tế vùng núi như tài nguyên rừng, khoáng sản, cây công nghiệp... giải pháp khai thác chưa thực sự hiệu quả. Do đó, việc đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế là giải pháp cấp bách nhất nhằm phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc Raglai.

Thứ hai, quy hoạch các bản làng mang tính ổn định lâu dài, phù hợp với truyền thống của người Raglai để đảm bảo an cư và tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động sản xuất nông - lâm nghiệp, đảm bảo lương thực tại chỗ cho miền núi. Bên cạnh đó, Nhà nước cần hỗ trợ vốn ban đầu để người dân đầu tư mở rộng các mô hình kinh tế: Nông nghiệp, lâm nghiệp, kinh tế trang trại và tiểu thủ công nghiệp.

Tập quán cư trú của người Raglai Khánh Hòa là ở lưng chừng núi, cách xa trung tâm mua bán và đường sá ngăn cách, đi lại khó khăn, nên cần xây dựng chính sách thỏa đáng trong việc quy hoạch khu dân cư, khu đất canh tác. Trong chính sách quy hoạch phải đảm bảo mô hình làng định cư và phát triển bền vững, ổn định và duy trì nếp sinh hoạt cộng đồng làng.

Cách thức sinh hoạt kinh tế, sản xuất của người Raglai chủ yếu là kinh tế nương rẫy, dụng cụ thô sơ. Vì vậy phải mở rộng quy mô sản xuất và phát triển tiểu thủ công nghiệp bằng việc hỗ trợ vốn, đầu tư trang thiết bị, hướng người dân vào xu thế canh tác tập trung, có trọng điểm, mở rộng quy mô đầu tư sản xuất lâu dài và có sản phẩm để trao đổi với bên ngoài.

Thực tế, các cấp chính quyền đã quy hoạch định cư cho dân ở những vùng sạt lở và vùng thuộc lòng hồ thủy điện đã không chú ý đến vấn đề đất sản xuất nên không đáp ứng nhu cầu định canh, không bảo tồn không gian sinh hoạt cộng đồng làng, dẫn đến nguy cơ mai một văn hóa vùng cao.

Thứ ba, trực tiếp hướng dẫn kỹ thuật, hỗ trợ dịch vụ nông nghiệp và đầu tư giống cây trồng, con vật nuôi đến từng hộ dân. Mở rộng diện tích lúa nước, chú trọng phát huy thế mạnh cây công nghiệp và lâm sinh.

Nhà nước và chính quyền địa phương cần tăng cường cán bộ khoa học kỹ thuật nhất là cán bộ biết tiếng dân tộc Raglai, đến từng bản làng hướng dẫn đồng bào một cách cụ thể, thậm chí cần phải “cầm tay chỉ việc” và quan điểm “đầu tư cần câu chứ không đầu tư con cá”, tránh tình trạng chỉ đạo chung chung. Điều quan trọng là tỉnh Khánh Hòa phải đẩy mạnh việc liên kết giữa nhà nông - nhà nước - khoa học và nhà doanh nghiệp để làm tốt công tác bảo quản sản phẩm và có thị trường đầu tư cho sản phẩm, từng bước đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật trên các lĩnh vực cho đồng bào Raglai.

Bên cạnh đó, trong các hoạt động văn hoá, thông tin nên lồng ghép nội dung tuyên truyền các mục tiêu và các hoạt động kinh tế - xã hội. Các cơ quan văn hoá cần kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phát triển văn hoá với tuyên truyền phát triển kinh tế - xã hội để đồng bào Raglai hiểu và hăng hái tham gia các hoạt động xây dựng văn hoá và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương đảm bảo tính hiệu quả và bền vững của công việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa.

Thứ tư, lập kế hoạch giao đất, giao rừng cho dân, đồng thời tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên khoáng sản.

Người Raglai sinh ra và lớn lên ở rừng, gắn bó với đất rừng nên rừng mang ý nghĩa thiêng liêng trong đời sống tâm linh của đồng bào. Mọi hoạt động khai thác, cải tạo tự nhiên đều mang ý nghĩa là hành vi đạo đức. Tuy

nhiên, hiện nay ở các huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh của tỉnh Khánh Hòa nhiều diện tích rừng đã và đang bị khai thác trái phép. Vì vậy, nên làm tốt công tác giao đất, giao rừng cho các hộ trồng, chăm sóc và bảo vệ, đồng thời khai thác những sản phẩm ngoài gỗ trên diện tích của mình. Cần làm cho đồng bào thấy rõ rừng là môi trường sống của mình, phải tích cực trồng, chăm sóc và bảo vệ tốt. Phát hiện và báo cáo kịp thời cho các ngành chức năng biết những trường hợp vi phạm lâm luật, nhất là những khu rừng cấm, rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ... để xử lý đúng pháp luật.

Thứ năm, xây dựng mô hình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa để phát triển kinh tế du lịch, thúc đẩy phát triển thương mại và các ngành nghề thủ công ở địa phương

Xem thị trường văn hóa là một trong những lĩnh vực quan trọng cần quan tâm trong phát triển kinh tế. Tỉnh Khánh Hòa cần kết hợp hoạt động văn hóa với du lịch, đưa các sản phẩm văn hóa vào danh mục các sản phẩm phục vụ kinh doanh du lịch. Dân tộc Raglai có nền văn hóa truyền thống đặc sắc, nếu chúng ta biết khai thác tốt, văn hóa sẽ làm lợi cho kinh tế và một khi kinh tế phát triển sẽ tạo điều kiện đầu tư phát triển văn hóa.

Năm 2013, lần đầu tiên công viên du lịch Yang Bay của công ty Khánh Việt đã đưa chương trình lễ hội “Huyền thoại thác Yang Bay” vào phục vụ du khách. Từ những phản hồi tích cực của du khách nên mùa hè 2014, đơn vị này tiếp tục đưa chương trình lễ hội với nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật mang tính đặc trưng của cư dân bản địa Raglai vào hoạt động du lịch khám phá, tìm hiểu. Thiết nghĩ hoạt động này cần được nhân rộng để giới thiệu, quảng bá những giá trị văn hóa của dân tộc Raglai tới mọi người.

b. Các giải pháp về chính trị - tư tưởng

Giải pháp về chính trị là một những giải pháp quan trọng nằm trong hệ cơ cấu kinh tế - chính trị - văn hóa của một xã hội. Theo tư tưởng Hồ Chí

Minh, văn hóa và chính trị đều là những yếu tố của kiến trúc thượng tầng và có quan hệ mật thiết với nhau. Một nền chính trị đúng đắn bao giờ cũng được xây dựng trên cơ sở của một nền văn hóa tiên bộ. Vì vậy, cần chú trọng một số giải pháp sau:

Thứ nhất, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng

Phải tập trung cao độ vào công tác phát triển đảng viên mới, chú trọng các thành viên là cán bộ xã, đoàn thể, trường bản, giáo viên, số quân nhân phục viên, xuất ngũ.

Nội dung lãnh đạo của các chi, Đảng bộ vùng đồng bào Raglai nên tập trung vào các khâu then chốt hiện nay là:

Tìm ra cơ cấu kinh tế, phát huy được thế mạnh của địa phương; xác định đúng cây, con, có giá trị kinh tế để chuyển sang sản xuất hàng hóa, thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo. Lãnh đạo nhân dân giám sát chặt chẽ các công trình hạng mục của Nhà nước đầu tư để chống thất thoát, lãng phí, mang lại hiệu quả thiết thực.

Về giáo dục, y tế, văn hóa tập trung lãnh đạo chương trình xóa mù chữ, phổ cập tiểu học, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đáp ứng các dịch bệnh. Đẩy mạnh các sinh hoạt lễ hội văn hóa truyền thống, đồng thời vận động nhân dân bài trừ các thủ tục lạc hậu, lãng phí.

Về quốc phòng - an ninh chú trọng lãnh đạo chống di cư tự do, ngăn chặn truyền đạo trái phép.

Thứ hai, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý Nhà nước của bộ máy chính quyền xã, bản làng

Lựa chọn những cán bộ là người dân tộc Raglai có đủ năng lực quản lý, tập hợp quần chúng, có phẩm chất đạo đức và uy tín trong quần chúng, bầu vào cương vị chủ chốt của cấp xã, bản.

Quan tâm mở các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước, kinh tế văn hóa - xã hội, các chính sách pháp luật của Nhà nước cho cán bộ quản lý. Điều cần lưu ý là ngoài hình thức tập trung ở huyện, tỉnh, thì quan trọng và thiết thực hơn là cử đoàn cán bộ vào bồi dưỡng ngay tại xã, thậm trí là các làng. Cải tiến phương pháp bồi dưỡng, tránh xa vào lý luận chung, phải mô hình hóa các lý thuyết để cán bộ xã, bản dễ tiếp thu. coi trọng việc xây dựng quy định chức năng nhiệm vụ của già làng trong việc quản lý điều hành các hoạt động của làng, đồng thời sử dụng tổ chức dòng họ của người Raglai vào một số việc trong quản lý xã hội, an ninh - quốc phòng.

Thứ ba, đẩy mạnh hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng để giáo dục, tuyên truyền và vận động quần chúng thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước

Để làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục giá trị văn hóa Raglai cần có sự quan tâm sâu sát của các cấp ủy Đảng, chính quyền, nhà trường, các tổ chức Đoàn thanh niên, các tổ chức quần chúng, vai trò của già làng, tộc trưởng... trong việc phổ biến, tuyên truyền về chính trị tư tưởng, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước... đến từng người dân, từng nóc nhà nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chính trị trong nhân dân, đồng thời góp phần thực hiện thắng lợi công tác xóa đói giảm nghèo, phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng thôn văn hóa, gia đình văn hóa. Bên cạnh đó, phát huy vai trò của ngành tư pháp ở địa phương trong việc phổ biến kiến thức về luật, vận động nhân dân xóa bỏ dần những hủ tục trong đời sống.

Đổi mới nội dung và phương thức sinh hoạt của mỗi đoàn thể phù hợp với tâm lý lứa tuổi, phong tục tập quán dòng họ, điều kiện cư trú, để làm sao thu hút được quần chúng đi sinh hoạt. Trong tình hình hiện nay thì phương thức gắn sinh hoạt các đoàn thể quần chúng với các hình thức sinh hoạt truyền

thống của cộng đồng như lễ hội, ngày tết, ngày cưới, trong tang ma, các sinh hoạt của làng và dòng họ, là có hiệu quả thiết thực nhất.

Khi triển khai các chương trình, dự án kinh tế xã hội, an ninh - quốc phòng thì phải yêu cầu các chủ dự án gắn quá trình triển khai, thực thi dự án với các đoàn thể quần chúng trong công tác tuyên truyền, vận động, quản lý giám sát...qua đó để hỗ trợ kinh phí cho các đoàn thể quần chúng.

c. Giải pháp về văn hóa, giáo dục

Thứ nhất, chú trọng khôi phục không gian sinh hoạt văn hóa làng

Cần phải thấy rằng, chính không gian văn hóa làng đã gắn kết cuộc sống lao động sản xuất hằng ngày, tâm linh, quan hệ gia đình, xã hội cộng đồng tộc người. Người Raglai có ý thức cao về dòng tộc, tinh thần tập thể, không gian sinh tồn, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi đối với làng của mình; ý thức của từng cá nhân, của từng gia đình chịu sự chi phối của bởi ý chí chung của làng. Nếu không gian làng mất đi, thì tính gắn kết cộng đồng không còn nữa, mô hình tự quản truyền thống bị phá vỡ. Thực tế cho thấy, ở các huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Cam Lâm, Cam Ranh... của tỉnh Khánh Hòa, nhiều làng của người Raglai đã được quy hoạch nhưng không còn màu sắc tâm linh. Hiện tại, tỉ lệ nhà ở kiến trúc theo phong cách truyền thống của người Raglai chỉ còn 15%, 50% hộ gia đình đã được nhà nước hỗ trợ kinh phí từ 10 triệu đến 40 triệu để xây dựng nhà kiên cố theo kiến trúc của người Kinh; nhiều địa phương nhà dài lại lợp mái bằng tôn, cột bằng bê tông. Từ đó, không gian làng, không gian sinh hoạt cộng đồng bị phá vỡ dẫn đến nguy cơ mai một văn hóa Raglai.

Những đặc điểm tâm lý, tính cách của người Raglai và không gian văn hóa làng Raglai đã nêu trên không chỉ là nguồn cội nuôi dưỡng truyền thống tốt đẹp của người Raglai mà nó còn trở thành thế mạnh trong việc xây dựng đời sống văn hóa mới trong vùng đồng bào dân tộc Raglai, phát huy tinh thần

đoàn kết trong cộng đồng người Raglai hiện đại. Những thế mạnh đó muốn phát triển bền vững phải đặt trong không gian làng - nguồn nuôi dưỡng những giá trị tâm lý, đạo đức, tập quán tốt của người Raglai. Có làng và không gian văn hóa làng cũng sẽ đánh thức những ngành nghề truyền thống đang bị lãng quên. Nếu phát huy được thế mạnh này thì vấn đề phát triển kinh tế sẽ thêm bền vững, đồng đều và góp phần bảo vệ được trật tự an ninh, an toàn xã hội. Bởi, từ cộng đồng làng, văn hóa người Raglai đáp ứng được nhiều yêu cầu của việc xây dựng nền văn hóa mới : Đoàn kết, yêu dân tộc, ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ, tôn trọng truyền thống... với một bản sắc riêng.

Chính vì những giá trị văn hóa Raglai được hình thành, phát triển và biểu hiện trong không gian làng, nên muốn phát huy những giá trị đó phải khôi phục và bảo tồn không gian văn hóa làng để tạo môi trường nuôi dưỡng văn hóa.

Thứ hai, đẩy mạnh phát triển y tế, giáo dục

Khi dịch vụ y tế thực sự đến với người dân, bên cạnh việc nâng cao sức khỏe cộng đồng thì sự phát triển của y tế sẽ tác động tích cực vào văn hóa, theo cách nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề y học, khoa học - kỹ thuật và khắc phục những hủ tục lạc hậu, tình trạng mê tín, dị đoan trong đời sống cộng đồng dân tộc Raglai. Do đó, Việc phát triển y tế cần chú trọng mở rộng mạng lưới y tế cấp xã, y tế thôn bản, đảm bảo chăm sóc y tế cộng đồng, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, tạo thói quen cho người dân đến các cơ sở y tế để khám chữa bệnh. Để nâng cao chất lượng y tế cần có chính sách ưu đãi, khuyến khích đối với những người làm công tác y tế, để họ tự nguyện và yên tâm công tác vùng cao.

Giải pháp về giáo dục cần chú trọng vào vấn đề chất lượng dạy và học, nâng cao trình độ dân trí ở vùng núi, từ đó góp phần nâng cao nhận thức, ý thức của người dân đối với vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc.

Giải pháp giáo dục phải thực hiện thường xuyên và không chỉ riêng ngành giáo dục mà phải kết hợp với các ngành khác để thực hiện đồng thời hai mặt. Mặt thứ nhất là tuyên truyền, vận động học sinh đến trường, giúp những hộ dân và con em họ ý thức vai trò của việc học, và vai trò của tri thức trong đời sống. Mặt thứ hai là đảm bảo điều kiện vật chất, kinh tế gia đình cho con em theo học, khắc phục tình trạng bỏ học giữa chừng.

Củng cố các trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên về trình độ lý luận chuyên môn nghiệp vụ. Mô hình trường dân tộc nội trú và mô hình bán trú liên xã rất phù hợp với việc phát triển giáo dục ở vùng miền núi, do đó cần tiếp tục nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung đội ngũ giáo viên để phát triển mạnh hơn nữa loại hình này.

Giáo dục lòng tự hào về truyền thống văn hoá dân tộc trong cộng đồng, nhất là lớp thanh niên đồng bào dân tộc Raglai để giữ gìn và phát huy vốn văn hoá quý báu các dân tộc mình, tránh kiểu học đòi, lai căng “mất gốc”... Có thể nói, đây là giải pháp quan trọng nhất trong số các giải pháp. Bởi lẽ, khi nói đến việc bảo tồn, phát huy văn hoá của các dân tộc thiểu số thì chủ thể của nó không ai khác là con người có ý thức. Nếu không có nhận thức đúng, không hiểu được giá trị độc đáo của bản sắc văn hoá dân tộc mình thì sẽ có những hành động không đúng đắn. Trong đó, những nghệ nhân cùng với đội ngũ trí thức mới được đào tạo sẽ là chủ thể trực tiếp trong việc kiểm kê, sưu tầm, tái hiện các di sản văn hoá truyền thống các dân tộc thiểu số và cũng chính đội ngũ này là lực lượng phổ biến, sáng tạo ra những giá trị văn hoá mới, nâng giá trị văn hoá truyền thống lên tầm cao mới.

Thứ ba, duy trì và khôi phục một số hình thức sinh hoạt lễ hội truyền thống tốt đẹp của dân tộc Raglai

Người Raglai có hệ thống nghi lễ - lễ hội liên quan đến vòng đời con

người và nông nghiệp rất phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, một thời gian dài nhiều lễ hội này ít được tổ chức. Vì vậy, phải khôi phục và phát huy các hình thức sinh hoạt văn hóa lễ hội tích cực. Hiện nay, ở một số xã, trải qua nhiều thăng trầm, lễ bỏ mả hiện vẫn được thực hành và trao truyền trong cộng đồng người Raglai, trong đó được bảo tồn nguyên vẹn nhất là ở xã Ba Cùm Bắc của huyện Khánh Sơn. Gần đây, lễ hội mừng lúa mới của người Raglai cũng được tái hiện lại. Đây là số ít trong số những lễ hội của Người Raglai còn tồn tại đến ngày nay. Vì vậy, tỉnh Khánh Hòa cần đầu tư kinh phí để phục dựng, gìn giữ các lễ hội giàu bản sắc của người Raglai trong phạm vi toàn tỉnh. Đồng thời, tổ chức các đợt biểu diễn liên hoan, hội diễn văn hóa, văn nghệ ở làng, xã, huyện, tỉnh, đề nhen lên, duy trì, bảo tồn các loại hình văn hóa - văn nghệ truyền thống.

Thứ tư, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ là người dân tộc Raglai, nhất là cán bộ làm công tác văn hoá

Đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc Raglai ở Khánh Hòa, vấn đề cán bộ phải được đặt lên hàng đầu để thực hiện đường lối văn hóa và chính sách dân tộc. Không xây dựng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thì không thể nói đến bình đẳng giữa các dân tộc, không thể giữ gìn, kế thừa và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc đó. Vì vậy, quan trọng hơn cả là việc đào tạo một đội ngũ cán bộ văn hóa người Raglai. Không ai hiểu và làm tốt công tác tuyên truyền cho họ tốt hơn là người của chính họ, vì thế cần xây dựng riêng trên địa bàn từng huyện, xã, từ khâu đào tạo nguồn, tuyển chọn đào tạo, bồi dưỡng đến sử dụng cán bộ.

Để có đội ngũ cán bộ làm văn hóa có chất lượng và chuyên môn cần phải tuyển chọn những người có trình độ chuyên môn, được đào tạo bài bản. Có chính sách ưu đãi để thu hút nhân tài ở các nơi khác đến công tác tại các tỉnh. Việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ phải toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm

theo yêu cầu của công việc, từng địa bàn người Raglai sinh sống; bố trí sử dụng cán bộ phải đúng người, đúng việc. Cần đổi mới cách thức, quy trình thực hiện quy hoạch cán bộ là người dân tộc thiểu số, phải có chương trình đào tạo một cách quy củ và bồi dưỡng thường xuyên để có những hiểu biết đúng đắn, có năng lực thật sự trong công tác vận động ở làng, bản.

Với đội ngũ cán bộ văn hoá, các nghệ nhân dân gian người Raglai có chế độ thoả đáng về lương, phụ cấp, nhà ở chế độ nghỉ ngơi, khen thưởng..., ưu tiên và tăng chi ngân sách cho vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Có kế hoạch tạo nguồn cán bộ là người Raglai; chú ý sử dụng học sinh tốt nghiệp các trường dân tộc nội trú trong tỉnh, dự bị đại học dân tộc; thực hiện tốt các tiêu chuẩn tuyển sinh cao đẳng, đại học hệ cử tuyển; mở các lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số cho cơ sở với các điều kiện ưu tiên cao... Cần có kế hoạch ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nghiên cứu văn hóa các dân tộc Raglai cả về số lượng và chất lượng. Nên có chế độ đãi ngộ thích hợp, coi đó là sự động viên để họ an tâm công tác, đóng góp sức lực vào công việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa.

Cán bộ văn hóa thông tin là những người làm các công việc trực tiếp liên quan tới văn hóa, thường xuyên đi xuống cơ sở. Vì vậy cần có chế độ bồi dưỡng, đãi ngộ thích đáng để khuyến khích họ toàn tâm, toàn ý cho công việc. Đặc biệt, hiện nay số lượng cán bộ văn hóa là người Raglai còn thiếu và yếu ở các cấp, các bộ phận. Tỉnh Khánh Hòa cần sớm xem xét và giải quyết vấn đề này để tạo điều kiện cho ngành văn hóa thông tin hoạt động có hiệu quả hơn, góp phần quan trọng vào việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc Raglai ở Khánh Hòa hiện nay.

Thứ năm, cần sử dụng và phát huy triệt để hệ thống các phương tiện tuyên truyền của các cơ quan thông tin đại chúng và hệ thống các thiết chế văn hóa.

Đài phát thanh, truyền hình Khánh Hòa đầu tư hơn nữa để nâng cấp chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng Raglai, tăng thời lượng phát sóng, nội dung cần phong phú hơn, vừa phổ cập, vừa nâng cao, phổ biến sâu rộng đến từng làng. Mặt khác, cần tận dụng triệt để các ấn phẩm báo chí, các trung tâm văn hóa - thể thao, bảo tàng, phim ảnh... trong việc tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc Raglai. Đồng thời, cần nêu những gương điển hình trong vấn đề xây dựng, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa độc đáo của dân tộc.

Thứ sáu, vận động xóa bỏ những phong tục, tập quán lạc hậu trong đời sống dân tộc Raglai

Để thực hiện giải pháp này phải tiến hành từng bước, đi từ việc nhận thức của người dân về cái lạc hậu trong đời sống để tạo bước chuyển sang hành động, trên cơ sở kết hợp các ngành: Văn hóa- thông tin, mặt trận - đoàn thể để vận động tuyên truyền trong nhân dân. Làm cho người dân nhận thức được cái hay, cái đẹp, cái tiến bộ của văn hóa dân tộc mình và nhận diện được cái lạc hậu, phản văn hóa, phản giá trị để họ có ý thức trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc. Những thực thi già làng, người có uy tín trong làng, cán bộ - công chức về hưu tại địa phương có trách nhiệm vận động, tuyên truyền và làm gương cho bà con trong làng mình học tập, noi theo. Do tính chậm biến đổi của ý thức, của tập quán đã in sâu vào trong quan niệm của mỗi người, nên giải pháp này phải thực hiện thận trọng, từng bước, tránh chủ quan, nóng vội.

Tóm lại, để giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Raglai, tỉnh Khánh Hòa cần thực hiện đồng bộ các giải pháp, góp phần làm cho những giá trị văn hóa truyền thống thấm sâu vào đời sống, giữ gìn bản sắc dân tộc trong quá trình hội nhập.

3.2.3. Kiến nghị

Thứ nhất, đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Từ chủ trương chung của Đảng và Nhà nước về bảo tồn và phát triển văn hoá, cần vận dụng một cách sáng tạo, có những giải pháp cụ thể phù hợp với dân tộc Raglai.

Xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số nói chung, dân tộc Raglai nói riêng trên địa bàn tỉnh theo lộ trình ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

Có những chủ trương mang tính kích cầu như: Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thuộc tất cả các chuyên ngành, chú trọng chương trình xoá đói giảm nghèo, văn hóa, giáo dục, bảo vệ rừng... xuống tận cơ sở, từng buôn làng.

Cần có một đề tài nghiên cứu chuyên sâu, có đủ cơ sở khoa học để kiến nghị với Viện ngôn ngữ học, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, có văn bản công nhận chữ viết của người Raglai. Trên cơ sở đó in sách giáo khoa, đưa vào giảng dạy chính thức trong các nhà trường vùng đồng bào dân tộc Raglai sinh sống và biên soạn từ điển.

Có giải pháp quy hoạch cán bộ dài hạn đối với các dân tộc thiểu số, tạo điều kiện để con em dân tộc Raglai và các dân tộc thiểu số làm việc, cống hiến trên quê hương mình.

Cần có chủ trương nghiêm cấm mua bán, vận chuyển công chiêng, mã la ra khỏi địa bàn tỉnh.

Thứ hai, đối với Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Khánh Hòa

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc Raglai. Đồng thời phối hợp với Hội văn nghệ dân gian để tổ chức các lớp truyền dạy văn hóa dân gian cho lớp trẻ, đặc biệt là cho thiếu nhi Raglai.

Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc Raglai.

Cần tiến hành tổ các ngày Hội văn hóa dân tộc Raglai thường xuyên và định kì trên cơ sở phát huy các sắc thái văn hóa truyền thống.

Định kì tổng hợp, báo cáo kết quả công tác quản lí, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trên địa bàn tỉnh.

Thứ ba, đối với Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Khánh Hòa

Tổ chức giáo dục cho học sinh về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể.

Đưa việc học tập, tham quan, nghiên cứu các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh vào chương trình giáo dục ngoại khóa hàng năm của các cấp học, trường học.

Có chế độ đãi ngộ về vật chất và tinh thần, tạo điều kiện cho con em là người dân tộc Raglai được đến trường.

Đẩy mạnh công tác xóa mù chữ đối với đồng bào dân tộc Raglai.

Thứ tư, đối với chính quyền cơ sở

Phối hợp với Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm chỉ đạo, tăng cường công tác quản lí, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở cần có giải pháp phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của các già làng và các thiết chế tự trị truyền thống để họ trở thành nòng cốt trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc mình.

Tiếp nhận khai báo, kiến nghị việc xếp hạng các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể lên các cơ quan có thẩm quyền.

Phòng ngừa, ngăn chặn và xử lí kịp thời những hành vi xâm hại đến các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào Raglai.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Từ đường lối văn hóa của Đảng và thực tiễn phát triển văn hóa dân tộc Raglai ở Khánh Hòa hiện nay đã đặt ra yêu cầu cần phải có phương hướng và biện pháp đúng đắn trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc Raglai ở Khánh Hòa. Để thực hiện được điều đó cần kết hợp đồng bộ các giải pháp về kinh tế, chính trị - tư tưởng và văn hóa, giáo dục. Trước hết phải xóa đói giảm nghèo, đây là nhiệm vụ quan trọng nhằm góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, tạo điều kiện thực hiện chiến lược phát triển văn hóa. Giải pháp về chính trị tư tưởng có vai trò quan trọng trong việc nâng cao ý thức chính trị, nâng cao nhận thức của người dân trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội... từ đó xây dựng ý thức dân tộc và cộng đồng trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa. Giải pháp về văn hóa, giáo dục với tính chất là giải pháp trực tiếp chú trọng vào nhiệm vụ bảo tồn giá trị, phát huy bản sắc của văn hóa trong giai đoạn hiện nay.

KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng và có giá trị hết sức to lớn về mặt lí luận và thực tiễn. Nét nổi bật, đặc sắc nhất của tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hòa giữa dân tộc với quốc tế, giai cấp với nhân loại, truyền thống với hiện đại trên cơ sở chủ nghĩa nhân văn. Văn hóa Hồ Chí Minh là văn hóa của con người, do con người và vì con người. Những quan điểm của Người về văn hóa là rường cột để Đảng và Nhà nước ta xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đồng thời, nó cũng góp phần vào sự tiến bộ và văn minh của nhân loại trong thời đại ngày nay.

Trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, Đảng và Nhà nước nhận thấy rằng việc bảo tồn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa của từng dân tộc là vấn đề có ý nghĩa quan trọng, góp phần tạo sự “thống nhất trong đa dạng” của văn hóa. Nhiệm vụ này phải được thực hiện ở mỗi một dân tộc, bắt đầu từ việc bảo tồn những nét đặc sắc văn hóa của dân tộc đó.

Với xu thế toàn cầu hoá hiện nay của thế giới, việc giao lưu hợp tác về văn hoá giữa các nước sẽ ngày càng được mở rộng hơn, toàn diện hơn. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Để quá trình hội nhập phát triển bền vững, hội nhập mà không làm xói mòn, băng hoại các giá trị truyền thống thì vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc là một trong những yêu cầu vừa tự nhiên, vừa cấp thiết nhằm đáp ứng nhu cầu chính đáng trong đời sống tinh thần của nhân dân ta, đồng thời đây cũng là yêu cầu của cộng đồng thế giới muốn tìm hiểu nền văn hoá, con người Việt Nam.

Dân tộc Raglai ở Khánh Hòa đang lưu giữ những giá trị văn hóa độc đáo. Đó là những giá trị văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể được tạo thành bởi một hệ thống các thành tố gắn bó chặt chẽ với nhau tạo nên bản sắc riêng biệt.

Nếu làm tốt việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc Raglai chẳng những bảo tồn những nét văn hóa riêng đáng tự hào của dân tộc này, mà còn phát huy được sức mạnh tiềm tàng vốn có của nó từ bao đời nay, góp phần xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Tuy nhiên, trong xu thế hội nhập và phát triển, sự tác động của nền kinh tế thị trường, những giá trị văn hóa của dân tộc Raglai đang bị đe dọa, “hòa tan” về văn hóa.

Để bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc Raglai hiện nay cần một hệ thống giải pháp kết hợp trên nhiều phương diện về kinh tế, chính trị và văn hóa, giáo dục. Đây là những giải pháp chủ yếu có ý nghĩa quyết định trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc Raglai ở Khánh Hòa. Để thực hiện tốt quá trình này, các cấp ủy Đảng, chính quyền tỉnh Khánh Hòa cần phải có những chính sách kinh tế, chính trị, xã hội đúng đắn, phù hợp với điều kiện cụ thể từng địa phương nhằm nâng cao đời sống nhân dân; đồng thời, hướng dẫn, động viên nhân dân, khơi dậy trong họ lòng tự hào dân tộc để họ tự giác bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Từ đó, có thể đổi mới cách nhận thức, cũng như nâng cao ý thức của nhân dân về vấn đề gìn giữ và phát huy những nét văn hóa độc đáo của dân tộc mình.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phan Quốc Anh (2007), *Văn hóa Raglai những gì còn lại*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [2] Phan Quốc Anh (2010), *Văn hóa Raglai*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Ngô Văn Ban (2011), *Một số nghề, làng nghề truyền thống và văn hóa hóa ẩm thực vùng đất Khánh Hòa*, NXB Lao động, Hà Nội.
- [4] Ban Tư tưởng văn hóa Trung ương (2004), *Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.
- [5] Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dốp, Võ Công Nguyên, Nguyễn Văn Huệ (1998), *Văn hoá và xã hội người Raglai ở Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [6] Lê Ngọc Canh, Tô Đông Hải (1995), *Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Chăm*, NXB Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Đồng Chi (2002), *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Huyền (2002), *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [9] Lê Khắc Cường, Phan Văn Dốp, Nguyễn Văn Huệ, Phan Xuân Viên (2011), *Truyện cổ Raglai*, NXB Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.
- [10] Ngô Văn Doanh (2002), *Lễ bỏ máo Bắc Tây Nguyên*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội
- [11] Đảng Cộng sản Việt Nam (1992), *Một số văn kiện về chính sách dân tộc miền núi*, NXB Sự thật, Hà Nội.
- [12] Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [13] Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [14] Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [15] Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới: Về văn hóa, xã hội, khoa học, kỹ thuật, giáo dục, đào tạo*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [16] Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ XV Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2005 – 2010*
- [17] Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ XVI Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2010 – 2015*
- [18] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [19] Nguyễn Khoa Điềm (2002), *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [20] Phạm Duy Đức (2008), *Quan điểm Chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [21] Phạm Minh Hạc - Nguyễn Khoa Điềm (2003), *Về phát triển văn hóa và xây dựng con người trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [22] Nguyễn Văn Hào (2011), *Nhạc đàn truyền thống của dân tộc Raglai ở Khánh* NXB Âm nhạc, Hà Nội.
- [23] Nguyễn Huy Hoàng (2000), *Văn hóa trong nhận thức duy vật lịch sử của C. Mác*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [24] Trần Kiên Hoàng (2010), *Yếu tố biến trảm tích trong văn hóa Raglai*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.

- [25] Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1996), *Văn hóa dân tộc trong quá trình mở cửa ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [26] Đỗ Huy (1997), *Tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [27] Đỗ Huy (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và phát triển nền văn hóa mới ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [28] Đỗ Huy - Lê Hữu Ái (1995), *Tìm hiểu tư tưởng văn hóa nghệ thuật Hồ Chí Minh*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [29] Nguyễn Văn Khánh (2003), *Diện mạo văn hóa Khánh Hòa*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [30] Đặng Xuân Kỳ (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa và con người*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [31] Hải Liên (2011), *Văn hóa Raglai - góc nhìn từ nghệ nhân*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [32] Hải Liên (2001), *Trang phục cổ truyền Raglai*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.
- [33] Hải Liên - Sứ Văn Ngọc (2010), *Hát kể truyện cổ Raglai*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.
- [34] Hải Liên - Hoài Sơn (2009), *Nhạc cụ tiêu biểu của người Raglai cực Nam Trung bộ*, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [35] Hoàng Xuân Lương (2002), *Văn hóa dân tộc- một số vấn đề triết học*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [36] Trường Lưu (1999), *Văn hóa - một số vấn đề lý luận*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [37] C. Mác và Ph. Ăng- ghen, *Tuyển tập*, Tập 3 (1995), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [38] Hồ Chí Minh (1996), *Thanh niên tiến quân vào khoa học – kỹ thuật*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
- [39] Hồ Chí Minh(2000), *Toàn tập*, tập 3 NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [40] Hồ Chí Minh(2000), *Toàn tập*, tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [41] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [42] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 6, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [43] Hồ Chí Minh(2000), *Toàn tập*, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [44] Hồ Chí Minh(2000), *Toàn tập*, tập 10, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [45] Hồ Chí Minh (1981), *Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [46] Hồ Chí Minh (1977), *Về công tác văn hóa, văn nghệ*, NXB Sự thật, Hà Nội.
- [47] Phạm Xuân Nam (1996), *Văn hóa và phát triển các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, NXB Dân tộc, Hà Nội.
- [48] Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [49] Phan Đăng Nhật (2012), *Luật tục Chăm và luật tục Raglai*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [50] Bùi Đình Phong (2001), *Đỉnh cao tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa*, NXB Lao động, Hà Nội.
- [51] Nguyễn Thế Sang (2005), *Văn hóa xã hội và Luật tục người Raglai*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [52] Sở văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Khánh Hòa (2010), *Báo cáo tổng kết đề tài sưu tầm, bảo tồn nghiên cứu phục hồi và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Raglai trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa*

- [53] Tô Ngọc Thanh (2001), *Văn hoá các dân tộc thiểu số*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [54] Chamaliaq Riya Tiengq (2011), *Tri thức dân gian của người Raglai*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [55] Trần Ngọc Thêm (2013), *Những vấn đề văn hóa học lý luận và ứng dụng*, NXB Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [56] Đỗ Thị Minh Thúy (2006), *Tư tưởng Hồ Chí Minh với vấn đề văn hóa trong phát triển*, NXB Văn hóa Thông tin và Viện văn hóa, Hà Nội.
- [57] Lê Quang Trang, Nguyễn Trọng Hoàn (1998), *Những vấn đề văn hóa Việt Nam hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [58] Hoàng Trinh (1999), *Vấn đề văn hóa và phát triển*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [59] Nguyễn Tuấn Triết (1991), *Người Raglai ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [60] Trung tâm nghiên cứu Việt Nam - Đông Nam Á (2003), *Những vấn đề văn hoá và ngôn ngữ Raglai*, NXB Đại học quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [61] Trường Đại học Khoa học xã hội - Nhân văn Hà Nội (1998), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng văn hóa Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [62] Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam – Viện dân tộc học (1984), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội
- [63] Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (2003), *Dur địa chí Khánh Hòa*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [64] Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1992), *Mấy vấn đề văn hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay*, NXB Thông tin và Thể thao, Hà Nội.

- [65] Viện Thông tin Khoa học xã hội (1999), *Truyền thống và hiện đại trong văn hóa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [66] Hoàng Vinh (1999), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hóa ở nước ta*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [67] Huỳnh Khái Vinh (2000), *Những vấn đề văn hóa Việt Nam đương đại*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [68] Huỳnh Khái Vinh (1997), *Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hoá dân tộc*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [69] Lê Trung Vũ - Nguyễn Thị Hồng Dương - Lê Hồng Lý - Lưu Kiếm Khanh (1999), *Nghi lễ vòng đời người*, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [70] <http://www.bachkhoatrithuc.vn/encyclopedia/100-loi-giai-dap-ve-van-hoa-Viet-Nam/Khai-niem-van-hoa-cua-UNESCO.htm>

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Số: 2196/QĐ-ĐHĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC GIAO ĐỀ TÀI VÀ TRÁCH NHIỆM HƯỚNG DẪN LUẬN VĂN THẠC SĨ

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 8884/QĐ-ĐHĐN ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc công nhận học viên cao học trúng tuyển;

Xét Công văn số 85/ĐHKT-SĐH ngày 15 tháng 4 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc đề nghị ra Quyết định giao đề tài và trách nhiệm hướng dẫn luận văn thạc sĩ;

Xét đề nghị của ông Trưởng ban Ban Đào tạo Sau đại học,

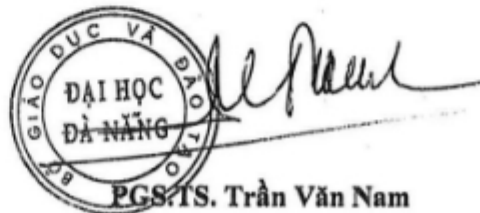
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho học viên cao học Nguyễn Thị Anh, lớp K26.TRI.ĐN, chuyên ngành Triết học, thực hiện đề tài luận văn *Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa*, dưới sự hướng dẫn của TS. Trần Ngọc Ánh, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

Điều 2. Học viên cao học và người hướng dẫn có tên ở Điều 1 được hưởng các quyền lợi và thực hiện nhiệm vụ đúng theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Đà Nẵng.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Đào tạo Sau đại học, Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, các Ban hữu quan, người hướng dẫn luận văn và học viên có tên trên căn cứ Quyết định thi hành./.

GIÁM ĐỐC *TV*



Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, Ban ĐTSĐH.

PHỤ LỤC



Lễ bỏ ma ở thôn Đốc Trầu, xã Ba Cạm Bắc, huyện Khánh Sơn (ảnh: Lê Đức Quang)



Lễ đền ơn đáp nghĩa cha mẹ của người Raglai (nguồn:internet)



Nhà mỗ của người Ralai (nguồn: internet)



Nhà tổ mẫu ở thôn 1, xã Sơn Hiệp, huyện Khánh Sơn, Khánh Hòa (ảnh: Lê Văn Hoa)



Ông Nguyễn Tấn Tuấn - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh Khánh Hòa (thứ hai từ trái sang) trao bằng chứng nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia cho đại diện cộng đồng người Raglai ở huyện Khánh Sơn (nguồn: internet)



Phụ nữ Raglai diễn tấu mã la (nguồn: internet)



Trang phục nữ Raglai: Cà chăn (trên); váy áo và nữ trang (dưới)



*Đàn mã la của đồng bào Raglai ở xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa
(ảnh: Ngọc Anh)*



1) Đàn đá Khánh Sơn; (2) Mã la; (3) Đàn chapi; (4) Tù và sừng dê; (5) Sáo dọc



Già làng Cao Sa Nhan kể chuyện bên bếp lửa (ảnh: Lê Văn Hoa)



Nghệ sĩ dân gian Raglai Khánh Sơn (nguồn: internet)



Một số nghệ nhân dân gian người Raglai: (1) Bà Cao Thị Thanh, thôn Apa 2, xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn; (2) Bà Mẩu Thị Giêng, thôn Liên Hoa, xã Sơn Bình, huyện Khánh Sơn; (3) Ông Chamaliaq Tieng; (4) Bà Cao Thị Quang, thôn 3, xã Thanh Sơn, huyện Khánh Sơn

(ảnh: Lê Văn Hoa)



Nghệ nhân Raglai hát dân ca trong “Ngày hội văn hóa - thể thao dân tộc Raglai ở Khánh Hòa và các tỉnh bạn” năm 2005

(ảnh: Văn Thành Châu)

